

**DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC
BẢNG PHƯƠNG THỨC SỬ DỤNG KẾT QUẢ KỲ THI THPT NĂM 2020**

STT	Số báo danh	Mã ngành	Tên ngành	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã tỉnh	Mã huyện	Đối tượng	Khu vực	Điểm XT	Ghi chú
1	47000003	7140202	Giáo dục Tiểu học	LÊ NGUYỄN THÙY	AN	12/08/2002	NỮ	47	01		2	22.55	
2	42004313	7140202	Giáo dục Tiểu học	NGUYỄN THỊ MỸ	AN	28/03/2002	NỮ	42	05		1	22.27	
3	42008867	7140202	Giáo dục Tiểu học	NGUYỄN THỊ THANH	AN	16/03/2001	NỮ	42	04		1	23.55	
4	42010621	7140202	Giáo dục Tiểu học	ĐOÀN THỊ NGỌC	ANH	19/02/2002	NỮ	42	02		1	21.7	
5	42011158	7140202	Giáo dục Tiểu học	NGUYỄN NGỌC	ANH	06/07/2002	NỮ	42	02		1	24.5	
6	45000538	7140202	Giáo dục Tiểu học	NGUYỄN NGỌC KIM	ANH	14/11/2002	NỮ	45	04		2	22.75	
7	28011834	7140202	Giáo dục Tiểu học	NGUYỄN THỊ LAN	ANH	09/06/2002	NỮ	28	13		1	21.67	
8	42004529	7140202	Giáo dục Tiểu học	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	ANH	04/04/2002	NỮ	42	03		1	24.65	
9	42001350	7140202	Giáo dục Tiểu học	PHÙNG NGUYỄN CHÁU	ANH	09/09/2002	NỮ	42	01		1	23.75	
10	45002846	7140202	Giáo dục Tiểu học	VÕ HOÀNG	ANH	20/06/2002	NỮ	45	03		1	25.2	
11	42007395	7140202	Giáo dục Tiểu học	VŨ HỒNG	ANH	11/01/2002	NỮ	42	10		1	22.25	
12	40006178	7140202	Giáo dục Tiểu học	H THÂM	AYŨN	26/05/2002	NỮ	40	06	01	1	20.95	
13	42002993	7140202	Giáo dục Tiểu học	KLONG K'	BUN	10/10/2002	NỮ	42	06	01	1	26.2	
14	42012948	7140202	Giáo dục Tiểu học	KA	CÀM	22/02/2002	NỮ	42	07	01	1	25.75	
15	42000055	7140202	Giáo dục Tiểu học	HUYỀN NGỌC BẢO	CHÂU	25/12/2002	NỮ	42	01		1	22.7	
16	42001375	7140202	Giáo dục Tiểu học	K'	CHI	13/07/2002	NỮ	42	12	01	1	25.95	
17	42001378	7140202	Giáo dục Tiểu học	MA	CHÍN	15/01/2002	NỮ	42	05	01	1	21.48	
18	45000395	7140202	Giáo dục Tiểu học	PINĂNG THỊ	CHÍNH	09/10/2002	NỮ	45	05	01	1	25.7	
19	42005633	7140202	Giáo dục Tiểu học	CIL MÚP SÔ	DIA	01/06/2002	NỮ	42	10	01	1	23	
20	42003004	7140202	Giáo dục Tiểu học	CIL MÚP K'	DIÊM	28/12/2002	NỮ	42	06	01	1	21.52	
21	42003006	7140202	Giáo dục Tiểu học	CIL K'	DIÊU	29/06/2002	NỮ	42	06	01	1	22.6	
22	42012956	7140202	Giáo dục Tiểu học	KA	DIỆU	15/10/2002	NỮ	42	11	01	1	24.74	
23	42001431	7140202	Giáo dục Tiểu học	MA	ĐIÊU	02/05/2002	NỮ	42	05	01	1	22.75	
24	42007717	7140202	Giáo dục Tiểu học	PHẠM THỊ HỒNG	DIU	24/10/2002	NỮ	42	04		1	21.85	
25	42001397	7140202	Giáo dục Tiểu học	KA	DOANH	17/11/2001	NỮ	42	04	01	1	24.3	
26	42003951	7140202	Giáo dục Tiểu học	CRUYANG	ĐUÊN	09/01/2002	NỮ	42	05	01	1	24.8	
27	42005818	7140202	Giáo dục Tiểu học	LÊ THỊ PHƯƠNG	DUNG	09/05/2002	NỮ	42	03		1	21.25	
28	42011219	7140202	Giáo dục Tiểu học	TRẦN THỊ THÙY	DUNG	23/09/2002	NỮ	42	02		1	26	
29	42011737	7140202	Giáo dục Tiểu học	ĐẶNG THÙY	DUYÊN	18/07/2002	NỮ	42	02		1	23.95	
30	45000680	7140202	Giáo dục Tiểu học	PHẠM THỊ MỸ	DUYÊN	14/09/2002	NỮ	45	01		2	19.65	
31	42003954	7140202	Giáo dục Tiểu học		ENY	24/08/2002	NỮ	42	05	01	1	26.6	
32	42009744	7140202	Giáo dục Tiểu học	LÊ THỊ TRÀ	GIANG	31/07/2002	NỮ	42	11		1	21.5	
33	42004587	7140202	Giáo dục Tiểu học	HỒ THU	HÀ	25/05/2002	NỮ	42	03		1	25.25	
34	42004352	7140202	Giáo dục Tiểu học	TRỊNH THỊ THU	HÀ	09/01/2002	NỮ	42	05		1	23.8	
35	42000126	7140202	Giáo dục Tiểu học	BÙI TRẦN VĨ	HẠ	09/08/2002	NỮ	42	01		1	20.88	
36	42003022	7140202	Giáo dục Tiểu học	BON NIÊNG K'	HÂN	01/05/2002	NỮ	42	06	01	1	20.15	
37	42004359	7140202	Giáo dục Tiểu học	NGUYỄN DIÊM THÚY	HÀNG	28/11/2002	NỮ	42	05		1	23.15	
38	42003685	7140202	Giáo dục Tiểu học	NGUYỄN THANH	HÀNG	01/01/2002	NỮ	42	05		1	22.75	
39	42008944	7140202	Giáo dục Tiểu học	NGUYỄN THỊ	HÀNG	13/07/2002	NỮ	42	04		1	24.95	
40	42001471	7140202	Giáo dục Tiểu học	TOU PRONG MAI	HÀNG	04/06/2002	NỮ	42	03	01	1	24.77	
41	42007776	7140202	Giáo dục Tiểu học	KA	HẠNH	04/05/2002	NỮ	42	04	01	1	22.3	
42	48005654	7140202	Giáo dục Tiểu học	LÊ THỊ MỸ	HẠNH	26/09/2002	NỮ	48	10		2NT	20.38	
43	42004594	7140202	Giáo dục Tiểu học	NGUYỄN THỊ HỒNG	HẠNH	21/12/2001	NỮ	42	03		1	24.6	
44	52002682	7140202	Giáo dục Tiểu học	PHẠM NGUYỄN BẢO	HẠNH	24/12/2002	NỮ	52	01		2	22.2	
45	47004505	7140202	Giáo dục Tiểu học	NGUYỄN THÁI	HẬU	28/12/2002	NỮ	47	02		2NT	24.35	
46	42000873	7140202	Giáo dục Tiểu học	NGUYỄN HOÀNG PHÚC	HIỀN	12/05/2002	NỮ	42	01		1	23.35	
47	42012405	7140202	Giáo dục Tiểu học	NGUYỄN THỊ THẢO	HIỀN	25/01/2002	NỮ	42	07		1	23.75	
48	42003690	7140202	Giáo dục Tiểu học	TRẦN THẾ	HIỀN	20/09/2002	NAM	42	05		1	25.95	
49	42001481	7140202	Giáo dục Tiểu học	KON SƠ K'	HIỀNG	24/08/2002	NỮ	42	06	01	1	21.55	
50	42001490	7140202	Giáo dục Tiểu học	RƠ ÔNG K'	HIM	01/05/2002	NỮ	42	06	01	1	23.57	
51	42006396	7140202	Giáo dục Tiểu học	K'	HIN	27/02/2000	NỮ	42	10	01	1	23.33	
52	42003199	7140202	Giáo dục Tiểu học	NGUYỄN THỊ	HÔNG	16/10/2002	NỮ	42	12		1	25.65	
53	42003702	7140202	Giáo dục Tiểu học	NGUYỄN LÊ PHƯƠNG	HỢP	21/10/2002	NỮ	42	05		1	20.88	
54	42001509	7140202	Giáo dục Tiểu học	KA	HUỆ	25/01/2002	NỮ	42	04	01	1	23.6	

STT	Số báo danh	Mã ngành	Tên ngành	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã tỉnh	Mã huyện	Đối tượng	Khu vực	Điểm XT	Ghi chú
55	42007821	7140202	Giáo dục Tiểu học	KA	HÚNG	31/08/2001	NỮ	42	04	01	1	23.17	
56	42012997	7140202	Giáo dục Tiểu học	KA	HƯƠNG	30/10/2001	NỮ	42	11	01	1	23.35	
57	42006419	7140202	Giáo dục Tiểu học	PHẠM THỊ LAN	HƯƠNG	20/09/2002	NỮ	42	10		1	23.9	
58	42005452	7140202	Giáo dục Tiểu học	LÊ THỊ THU	HUYỀN	13/02/2002	NỮ	42	03		1	24.4	
59	45002990	7140202	Giáo dục Tiểu học	NGUYỄN DIỄM	HUYỀN	11/03/2002	NỮ	45	03		2NT	23.05	
60	47005928	7140202	Giáo dục Tiểu học	PHẠM THỊ MỸ	HUYỀN	29/10/2002	NỮ	47	01		2	22.15	
61	42008974	7140202	Giáo dục Tiểu học	KA	HUYNH	20/11/2002	NỮ	42	04	01	1	20.4	
62	42001847	7140202	Giáo dục Tiểu học	CIL PAM K' TRA	HY	30/10/2002	NỮ	42	06	01	1	24.7	
63	42001535	7140202	Giáo dục Tiểu học	KON SA A SƯ	KA	08/02/2002	NỮ	42	06	01	1	20.8	
64	42005459	7140202	Giáo dục Tiểu học	LÊ MINH	KHÁCH	07/03/2002	NAM	42	03		1	20.65	
65	42002665	7140202	Giáo dục Tiểu học	LÊ THỊ BẢO	KHÁNH	24/11/2002	NỮ	42	01		1	23.2	
66	42010080	7140202	Giáo dục Tiểu học	ĐẶNG NGỌC THÙY	LINH	01/10/2002	NỮ	42	11		1	20.3	
67	42004405	7140202	Giáo dục Tiểu học	LÊ THỊ MỸ	LINH	11/02/2002	NỮ	42	05		1	24.97	
68	42004671	7140202	Giáo dục Tiểu học	NGUYỄN DƯƠNG DIỆU	LINH	02/01/2002	NỮ	42	03		1	21.05	
69	42012753	7140202	Giáo dục Tiểu học	TRẦN NGỌC MỸ	LINH	14/09/2002	NỮ	42	08		1	24.4	
70	42005128	7140202	Giáo dục Tiểu học	HOÀNG NGỌC	LOAN	13/01/2002	NỮ	42	03		1	26.35	
71	42011384	7140202	Giáo dục Tiểu học	NGUYỄN THỊ	LOAN	30/10/2002	NỮ	42	04		1	25.25	
72	42003056	7140202	Giáo dục Tiểu học	CIL K'	LỢI	21/10/2002	NỮ	42	06	01	1	22.35	
73	42003079	7140202	Giáo dục Tiểu học	LỚ MU K' NÊ	LY	17/12/2002	NỮ	42	06	01	1	23	
74	42003066	7140202	Giáo dục Tiểu học	ĐÀO THỊ THANH	MAI	02/10/2002	NỮ	42	06	06	1	24.45	
75	42004699	7140202	Giáo dục Tiểu học	HOÀNG CHÂU HUYỀN	MAI	27/06/2002	NỮ	42	03	01	1	24.25	
76	42007509	7140202	Giáo dục Tiểu học	NGUYỄN THỊ TUYẾT	MAI	06/02/2002	NỮ	42	10		1	21.5	
77	42001610	7140202	Giáo dục Tiểu học	PANG KAO A	MAN	13/04/2002	NỮ	42	05	01	1	20.65	
78	42001614	7140202	Giáo dục Tiểu học	BƠ NÁH RIA PRONG	MẢN	05/11/2002	NỮ	42	05	01	1	25.75	
79	42007910	7140202	Giáo dục Tiểu học	KA	MĂNG	30/07/2002	NỮ	42	04	01	1	25.75	
80	42013351	7140202	Giáo dục Tiểu học	TRẦN THẢO	MI	10/07/2002	NỮ	42	09		1	22	
81	42004069	7140202	Giáo dục Tiểu học	NGUYỄN BÙI PHƯỢNG	MY	23/12/2002	NỮ	42	05		1	25.45	
82	48012938	7140202	Giáo dục Tiểu học	NGUYỄN HẢI	MY	10/06/2002	NỮ	42	02		2NT	21.85	
83	52011435	7140202	Giáo dục Tiểu học	NGUYỄN THỊ MY	MY	15/02/2002	NỮ	52	05		2NT	22.4	
84	42003230	7140202	Giáo dục Tiểu học	PHÙNG THỊ TRÀ	MY	26/11/2002	NỮ	42	12		1	25.25	
85	52002908	7140202	Giáo dục Tiểu học	TRẦN HOÀNG THẢO	MY	16/06/2002	NỮ	52	01		2	20.15	
86	42005146	7140202	Giáo dục Tiểu học	VÕ THỊ	MY	17/02/2002	NỮ	42	03		1	23.95	
87	42011408	7140202	Giáo dục Tiểu học	LÊ ĐOÀN TIỂU	MỸ	18/04/2002	NỮ	42	02		1	23.4	
88	42005149	7140202	Giáo dục Tiểu học	CAO NGUYỄN QUỲNH	NGA	01/03/2002	NỮ	42	03		1	22.65	
89	31005104	7140202	Giáo dục Tiểu học	NGUYỄN THỊ	NGA	15/03/2002	NỮ	31	05		1	24.35	
90	42000333	7140202	Giáo dục Tiểu học	BỒ THỊ KIM	NGÂN	02/02/2002	NỮ	42	01		1	24.7	
91	47003291	7140202	Giáo dục Tiểu học	NGUYỄN VĂN THANH	NGÂN	26/05/2002	NỮ	47	10		2	21.5	
92	52011436	7140202	Giáo dục Tiểu học	NHAN MINH KIM	NGÂN	22/06/2002	NỮ	52	05		2NT	23.75	
93	47009888	7140202	Giáo dục Tiểu học	VÕ THỊ THANH	NGÂN	23/10/2002	NỮ	47	01		2	24.7	
94	47000434	7140202	Giáo dục Tiểu học	LƯU KIM	NGHI	10/06/2002	NỮ	47	03	01	2	26.8	
95	29015703	7140202	Giáo dục Tiểu học	ĐẶNG THỊ BẠCH	NGỌC	19/05/2002	NỮ	29	21		2	20.75	
96	42001671	7140202	Giáo dục Tiểu học	KON SÓ K'	NGUYỄN	28/06/2002	NỮ	42	03	01	1	26.5	
97	42001673	7140202	Giáo dục Tiểu học	KA	NGUYỆT	01/02/2002	NỮ	42	05	01	1	20.85	
98	42004110	7140202	Giáo dục Tiểu học	MA	NGUYỆT	26/10/2002	NỮ	42	05	01	1	25.7	
99	48014800	7140202	Giáo dục Tiểu học	NGUYỄN TRẦN THANH	NHÂN	21/04/2002	NỮ	48	03		1	23.5	
100	42001692	7140202	Giáo dục Tiểu học	LÝ THỊ YẾN	NHI	08/10/2001	NỮ	42	12	01	1	23.5	
101	42010907	7140202	Giáo dục Tiểu học	NGUYỄN THỊ QUỲNH	NHI	23/09/2002	NỮ	42	02		1	22.45	
102	42001067	7140202	Giáo dục Tiểu học	NGUYỄN YẾN	NHI	23/10/2002	NỮ	42	01		1	23.6	
103	42002241	7140202	Giáo dục Tiểu học	TRẦN NGUYỄN UYÊN	NHI	08/01/2002	NỮ	42	01		1	24.25	
104	42002764	7140202	Giáo dục Tiểu học	TRẦN THỊ HOÀI	NHI	23/05/2002	NỮ	42	01		1	22.2	
105	43005828	7140202	Giáo dục Tiểu học	TRẦN YẾN	NHI	09/12/2002	NỮ	43	11		1	21.1	
106	42001070	7140202	Giáo dục Tiểu học	TRẦN YẾN	NHI	15/10/2002	NỮ	42	01		1	23.45	
107	47000492	7140202	Giáo dục Tiểu học	VƯƠNG YẾN	NHI	01/04/2002	NỮ	47	01		2	22.25	
108	45003141	7140202	Giáo dục Tiểu học	ĐỖ THỊ NGỌC	NHƯ	03/08/2002	NỮ	45	03		2NT	24.55	
109	42011466	7140202	Giáo dục Tiểu học	TRẦN TÂM	NHƯ	18/05/2002	NỮ	42	02		1	22.85	
110	42003086	7140202	Giáo dục Tiểu học	NGUYỄN THỊ	NHUNG	30/01/2002	NỮ	63	02		1	21.75	
111	63000739	7140202	Giáo dục Tiểu học	THỊ	NHƯỚC	03/04/2002	NỮ	63	08	01	1	21.2	
112	45002198	7140202	Giáo dục Tiểu học	NGÔ THỊ HỒNG	OANH	09/07/2001	NỮ	45	02		2NT	22.95	
113	42004140	7140202	Giáo dục Tiểu học	NGUYỄN THỊ KIM	OANH	24/03/2002	NỮ	42	05		1	21.55	
114	42005951	7140202	Giáo dục Tiểu học	KỖ SẢ K'	PHANH	26/06/2002	NỮ	42	03	01	1	27.2	

STT	Số báo danh	Mã ngành	Tên ngành	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã tỉnh	Mã huyện	Đổi trường	Khu vực	Điểm XT	Ghi chú
115	42001725	7140202	Giáo dục Tiểu học	M'BON K'	PHỐN	24/11/2002	NỮ	42	10	01	1	25.7	
116	42000430	7140202	Giáo dục Tiểu học	BÙI THỊ MINH	PHÚC	27/12/2002	NỮ	42	01		1	23.5	
117	42010936	7140202	Giáo dục Tiểu học	ĐỖ THU	PHƯƠNG	01/11/2002	NỮ	42	02		1	20.6	
118	42012253	7140202	Giáo dục Tiểu học	MAI THỊ THU	PHƯƠNG	09/11/2002	NỮ	47	04		1	21.25	
119	42003785	7140202	Giáo dục Tiểu học	NGUYỄN THỊ KIM	PHƯƠNG	29/07/2002	NỮ	42	05		1	20	
120	42004154	7140202	Giáo dục Tiểu học	VŨ THỊ	PHƯƠNG	19/08/2002	NỮ	42	05		1	21.05	
121	42009064	7140202	Giáo dục Tiểu học	KA	PHƯƠNG	27/10/2002	NỮ	42	04	01	1	21.7	
122	42007995	7140202	Giáo dục Tiểu học	KA MỸ	PHƯƠNG	18/03/2001	NỮ	42	04	01	1	24.5	
123	42002289	7140202	Giáo dục Tiểu học	TRẦN HOÀNG THẢO	QUYÊN	06/11/2002	NỮ	42	01		1	24.75	
124	42010967	7140202	Giáo dục Tiểu học	NGUYỄN THÚY	QUỲNH	05/06/2002	NỮ	47	04		1	22.65	
125	42002299	7140202	Giáo dục Tiểu học	TỔNG HỒ NHẬT	QUỲNH	17/02/2002	NỮ	42	01		1	25.05	
126	42005976	7140202	Giáo dục Tiểu học	KẢ SẢ TÔ	RA	22/06/2002	NỮ	42	03	01	1	23.5	
127	42003595	7140202	Giáo dục Tiểu học	K'	RAM	29/03/2002	NỮ	42	12	01	1	20.85	
128	47005164	7140202	Giáo dục Tiểu học	NGUYỄN THỊ M	RUỒM	01/01/2002	NỮ	47	08	01	1	20.15	
129	42005387	7140202	Giáo dục Tiểu học	LỖ MU E	SAI	26/06/2002	NAM	42	03	01	1	21.5	
130	42003101	7140202	Giáo dục Tiểu học	CIL MÚP	SANDRA	25/10/2002	NỮ	42	06	01	1	21.83	
131	47004780	7140202	Giáo dục Tiểu học	NGÕ VĂN	SÁNG	26/06/2002	NAM	47	02		2NT	25.65	
132	42001772	7140202	Giáo dục Tiểu học	KỜ SẢ	SARAPHIN	24/11/2002	NỮ	42	01	01	1	21.2	
133	42013088	7140202	Giáo dục Tiểu học	KA -	SỒI	03/04/2002	NỮ	42	07	01	1	24.95	
134	42001781	7140202	Giáo dục Tiểu học	RỜ ÔNG K'	SỐP	28/03/2002	NỮ	42	06	01	1	24.1	
135	42005639	7140202	Giáo dục Tiểu học	KON SA	SRÍT	05/02/2002	NỮ	42	03	01	1	23.95	
136	42008023	7140202	Giáo dục Tiểu học	ĐỖ MINH	TÂM	27/10/2002	NỮ	42	04		1	19.5	
137	42001155	7140202	Giáo dục Tiểu học	LÊ NGUYỄN THỊ MINH	TÂM	10/06/2002	NỮ	42	01		1	22.45	
138	42001365	7140202	Giáo dục Tiểu học	CỜ LIỀNG BI	THA	20/10/2002	NỮ	42	06	01	1	27.65	
139	45000242	7140202	Giáo dục Tiểu học	BÁ TRỊNH THIÊN	THẠCH	01/05/2002	NỮ	45	04	01	1	23.02	
140	42005993	7140202	Giáo dục Tiểu học	LÊ TRẦN DUYỀN	THÂM	01/01/2002	NỮ	42	03		1	21.07	
141	42008049	7140202	Giáo dục Tiểu học	KA	THÂN	02/11/2002	NỮ	42	04	01	1	19.55	
142	47002935	7140202	Giáo dục Tiểu học	HỒ THỊ	THANH	11/06/2002	NỮ	47	05		1	23.35	
143	47000653	7140202	Giáo dục Tiểu học	NGUYỄN THỊ NHẢ	THANH	30/03/2002	NỮ	47	01		2	22.15	
144	45005458	7140202	Giáo dục Tiểu học	CAO THANH	THẢO	05/03/2002	NỮ	45	03		2	21.1	
145	42008408	7140202	Giáo dục Tiểu học	DƯƠNG PHƯƠNG	THẢO	31/07/2002	NỮ	42	04		1	21.47	
146	36001692	7140202	Giáo dục Tiểu học	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	03/09/2002	NỮ	36	01		1	19.8	
147	40019133	7140202	Giáo dục Tiểu học	NGUYỄN THỊ THANH	THẢO	06/06/2002	NỮ	40	01		1	20.2	
148	42001807	7140202	Giáo dục Tiểu học	MA	THE	21/09/2002	NỮ	42	12	01	1	27.2	
149	42004476	7140202	Giáo dục Tiểu học	MA	THE	28/04/2002	NỮ	42	05	01	1	25.65	
150	42003120	7140202	Giáo dục Tiểu học	RỜ ÔNG K'	THÈN	01/03/2002	NỮ	42	06	01	1	21.4	
151	42003824	7140202	Giáo dục Tiểu học	CHU VŨ UYÊN	THI	07/07/2002	NỮ	42	05		1	20.7	
152	42002867	7140202	Giáo dục Tiểu học	ĐOÀN ANH	THI	18/10/2002	NỮ	42	01		1	20.4	
153	39006581	7140202	Giáo dục Tiểu học	NGUYỄN THỊ THANH	THỈ	11/11/2002	NỮ	39	08		2NT	21.9	
154	42005997	7140202	Giáo dục Tiểu học	K'	THỊ	07/08/2002	NỮ	42	03	01	1	25.9	
155	42004209	7140202	Giáo dục Tiểu học	BONYO NAI	THIÊN	12/01/2002	NỮ	42	05	01	1	25.3	
156	42001817	7140202	Giáo dục Tiểu học	KON SA KA	THIÊU	02/02/2002	NỮ	42	05	01	1	24.25	
157	38003946	7140202	Giáo dục Tiểu học	KSOR H'	THIÊU	19/12/2002	NỮ	38	11	01	1	23.45	
158	42001818	7140202	Giáo dục Tiểu học	LONG DUNG HỒ	THIÊU	02/06/2002	NỮ	42	12	01	1	23.45	
159	42013103	7140202	Giáo dục Tiểu học	KA	THIM	20/03/2002	NỮ	42	08	01	1	25.7	
160	42013106	7140202	Giáo dục Tiểu học	KA	THỎA	18/11/2002	NỮ	42	08	01	1	24.85	
161	42008067	7140202	Giáo dục Tiểu học	KA HUYỀN	THU	12/08/2002	NỮ	42	04	01	1	22.88	
162	42004222	7140202	Giáo dục Tiểu học	BÙI ĐOÀN ANH	THƯ	27/05/2002	NỮ	42	05		1	21.85	
163	42006606	7140202	Giáo dục Tiểu học	PHẠM THỊ KHÁNH	THƯ	20/07/2002	NỮ	42	10		1	20.15	
164	42001205	7140202	Giáo dục Tiểu học	TRẦN HỒ PHƯƠNG	THƯ	22/11/2002	NỮ	42	01		1	24.25	
165	42008069	7140202	Giáo dục Tiểu học	KA	THUẬN	20/02/2002	NỮ	42	04	01	1	22.9	
166	42012573	7140202	Giáo dục Tiểu học	PHẠM HIỀN	THƯƠNG	30/10/2002	NỮ	42	07		1	21.1	
167	47002543	7140202	Giáo dục Tiểu học	VĂN KIỀU	THƯƠNG	19/03/2002	NỮ	47	04		1	19.6	
168	38003964	7140202	Giáo dục Tiểu học	KPÁ H'	THÚY	19/02/2002	NỮ	38	11	01	1	25.3	
169	47005186	7140202	Giáo dục Tiểu học	LÊ THỊ	THÚY	28/01/2002	NỮ	47	08	01	1	21.9	
170	42001828	7140202	Giáo dục Tiểu học	NAO NOÀNH	THÚYS	18/06/2002	NỮ	42	04	01	1	23.8	
171	42000578	7140202	Giáo dục Tiểu học	NGUYỄN THỊ CẨM	TIÊN	09/07/2002	NỮ	42	01		1	19.67	
172	45000333	7140202	Giáo dục Tiểu học	TRƯƠNG THỊ CẨM	TIÊN	24/03/2002	NỮ	45	04	01	1	21.28	
173	42013474	7140202	Giáo dục Tiểu học	VÕ ĐÌNH	TIÊN	16/02/2002	NAM	42	09		1	24.93	
174	42000618	7140202	Giáo dục Tiểu học	ĐẶNG PHAN BÍCH	TRÂM	31/03/2002	NỮ	42	01		1	24.65	

STT	Số báo danh	Mã ngành	Tên ngành	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã tỉnh	Mã huyện	Đổi trường	Khu vực	Điểm XT	Ghi chú
175	42006630	7140202	Giáo dục Tiểu học	NGUYỄN LÊ THỊ MAI	TRÂM	01/12/2002	NỮ	42	10		1	20.15	
176	47003507	7140202	Giáo dục Tiểu học	NGUYỄN THỊ BÍCH	TRÂM	31/08/2002	NỮ	47	06		2	22.95	
177	42001239	7140202	Giáo dục Tiểu học	LÊ THỊ NGỌC	TRÂN	11/03/2002	NỮ	42	01		1	20.05	
178	42001849	7140202	Giáo dục Tiểu học	KO SẢ HUYỀN	TRANG	09/01/2002	NỮ	42	06	01	1	27.4	
179	42002384	7140202	Giáo dục Tiểu học	NGUYỄN NGỌC HẠNH	TRANG	21/05/2002	NỮ	42	01		1	23.75	
180	47004914	7140202	Giáo dục Tiểu học	ĐẶNG THỊ NGỌC	TRINH	19/08/2002	NỮ	47	02		1	21.45	
181	42005727	7140202	Giáo dục Tiểu học	KON SA TUYẾT	TRINH	16/07/2002	NỮ	42	03	01	1	23.3	
182	42001865	7140202	Giáo dục Tiểu học	LÔ MU K'	TRINH	03/12/2002	NỮ	42	10	01	1	22.9	
183	45005163	7140202	Giáo dục Tiểu học	NGUYỄN ĐẶNG KIỀU	TRINH	17/07/2002	NỮ	45	02		2NT	21.15	
184	52000773	7140202	Giáo dục Tiểu học	ĐỖ THỊ NGỌC	TRÚC	11/10/2002	NỮ	52	01		2	20.1	
185	42010553	7140202	Giáo dục Tiểu học	HỒ HUỖNH PHƯỢNG	TRÚC	13/01/2002	NỮ	42	02		1	22.95	
186	47002595	7140202	Giáo dục Tiểu học	NGUYỄN HOÀNG THANH	TRÚC	07/04/2002	NỮ	47	04		2NT	23.5	
187	45003353	7140202	Giáo dục Tiểu học	NGUYỄN THỊ THANH	TRÚC	09/08/2002	NỮ	45	03		2NT	24	
188	43009421	7140202	Giáo dục Tiểu học	TRẦN NGUYỄN THANH	TRÚC	28/03/2002	NỮ	43	03		2NT	23.75	
189	38004003	7140202	Giáo dục Tiểu học	RƠ CHÂM Y	TRƯỜNG	21/12/2002	NAM	38	11	01	1	24.45	
190	47005214	7140202	Giáo dục Tiểu học	DỒNG THỊ	TUYÊN	01/07/2002	NỮ	47	08	01	1	24	
191	42006663	7140202	Giáo dục Tiểu học	BẠCH THỊ THANH	UYÊN	20/05/2002	NỮ	42	10		1	22.25	
192	42004275	7140202	Giáo dục Tiểu học	VÕ MINH	UYÊN	09/09/2002	NỮ	42	05		1	23	
193	42001290	7140202	Giáo dục Tiểu học	NGUYỄN KHÁNH	VI	17/03/2002	NỮ	42	01		1	25	
194	39007482	7140202	Giáo dục Tiểu học	NGUYỄN LÊ YẾN	VI	13/06/2002	NỮ	39	10		2	20.9	
195	42008155	7140202	Giáo dục Tiểu học	TRẦN THỊ TƯỜNG	VI	05/01/2002	NỮ	42	04		1	20.35	
196	42011134	7140202	Giáo dục Tiểu học	ĐẬU THỊ THẢO	VY	18/03/2002	NỮ	42	11		1	20.2	
197	42001314	7140202	Giáo dục Tiểu học	PHẠM THỊ KHÁNH	VY	17/08/2002	NỮ	42	01		1	21.95	
198	45002071	7140202	Giáo dục Tiểu học	PHẠM TƯỜNG	VY	16/03/2002	NỮ	45	01		2	20.35	
199	02053079	7140202	Giáo dục Tiểu học	NGUYỄN THỊ THU	XUÂN	12/11/2002	NỮ	22	02		3	20.65	
200	42009206	7140202	Giáo dục Tiểu học	JAN KAR NHƯ	Ý	18/02/2002	NỮ	42	04	01	1	24.65	
201	42003881	7140202	Giáo dục Tiểu học	JÔNG NHƯ	Ý	10/09/2002	NỮ	42	05	01	1	25.75	
202	42000747	7140202	Giáo dục Tiểu học	HOÀNG LÊ PHI	YẾN	08/07/2002	NỮ	42	01		1	24.35	
203	42013154	7140202	Giáo dục Tiểu học	KA	YẾN	10/10/2002	NỮ	42	11	01	1	24.25	
204	42011693	7140202	Giáo dục Tiểu học	PHẠM THỊ HẢI	YẾN	27/12/2002	NỮ	42	02		1	19.55	
205	42000752	7140202	Giáo dục Tiểu học	TRẦN THỊ KIM	YẾN	11/03/2002	NỮ	42	01		1	25.75	
206	42000036	7140209	Sư phạm Toán học	TRƯƠNG NGỌC QUỲNH	ANH	25/10/2002	NỮ	42	01		1	23.8	
207	45000571	7140209	Sư phạm Toán học	LÊ THÁI	BẢO	10/02/2002	NAM	45	04		2	21.35	
208	42013182	7140209	Sư phạm Toán học	ĐỖ CAO	CƯỜNG	02/09/2002	NAM	42	09		1	23.8	
209	42006723	7140209	Sư phạm Toán học	ĐINH TẤN	ĐỨC	01/04/2002	NAM	42	10		1	20.5	
210	52007899	7140209	Sư phạm Toán học	LÊ NGỌC KIM	DUNG	08/11/2002	NỮ	52	06		1	25.25	
211	40014929	7140209	Sư phạm Toán học	ĐỖ TIẾN	DỪNG	15/06/2002	NAM	40	01		1	18.8	
212	45000684	7140209	Sư phạm Toán học	TRẦN THỊ MỸ	DUYÊN	23/11/2001	NỮ	45	01		2	20.05	
213	43005724	7140209	Sư phạm Toán học	PHAN THỊ NGÂN	HÀ	19/01/2002	NỮ	43	11		1	20.25	
214	42011276	7140209	Sư phạm Toán học	TRẦN THU	HÀ	02/03/2002	NỮ	42	02		1	21.05	
215	42005054	7140209	Sư phạm Toán học	LỮ QUỐC	HÀO	04/10/2001	NAM	42	03		1	24.15	
216	42007793	7140209	Sư phạm Toán học	BÙI THỊ	HIỆP	11/12/2002	NỮ	42	04		1	19.65	
217	42000886	7140209	Sư phạm Toán học	NGUYỄN HOÀNG PHÚC	HÒA	12/05/2002	NỮ	42	01		1	23.4	
218	36000168	7140209	Sư phạm Toán học	A	HUY	04/06/2002	NAM	36	02	01	1	25.65	
219	52009422	7140209	Sư phạm Toán học	NGUYỄN THANH	HUY	07/04/1997	NAM	52	07		1	20.9	
220	42000226	7140209	Sư phạm Toán học	NGUYỄN LIÊM	KHANH	26/11/2002	NAM	42	01		1	25.3	
221	45001229	7140209	Sư phạm Toán học	TRẦN NGUYỄN YẾN	KHANH	23/03/2002	NỮ	45	01		2	20.7	
222	42003730	7140209	Sư phạm Toán học	NGUYỄN THỂ	KIỆT	27/11/2001	NAM	42	05		1	23.2	
223	44002265	7140209	Sư phạm Toán học	NGUYỄN THANH	LẬP	18/11/1992	NAM	44	06		2NT	24.45	
224	42002136	7140209	Sư phạm Toán học	TRẦN BẢO	LIÊM	10/10/2001	NAM	42	03		1	24.55	
225	43002564	7140209	Sư phạm Toán học	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	LINH	25/03/2002	NỮ	43	07		1	24.6	
226	42005493	7140209	Sư phạm Toán học	TRẦN HÀ PHƯƠNG	LINH	02/02/2002	NỮ	42	03		1	21.1	
227	42007282	7140209	Sư phạm Toán học	K'	MỸ	05/12/2002	NỮ	42	10	01	1	25.25	
228	42009459	7140209	Sư phạm Toán học	PHAN THẢO	NGÂN	08/12/2002	NỮ	42	05		1	23.8	
229	45000115	7140209	Sư phạm Toán học	BÁ THẠCH THẢO	NGUYỄN	24/04/2002	NỮ	45	04	01	1	25.05	
230	42000368	7140209	Sư phạm Toán học	NGUYỄN HOÀNG CHÍ	NGUYỄN	10/11/2001	NAM	42	01		1	26.45	
231	42003765	7140209	Sư phạm Toán học	VÕ QUANG	NGUYỄN	21/10/1993	NAM	42	05		1	25.3	
232	47007237	7140209	Sư phạm Toán học	CAO HỒ NHƯ	NGUYỄN	20/06/2002	NỮ	47	06		1	24.8	
233	42000387	7140209	Sư phạm Toán học	LÊ PHẠM THÚY	NHI	12/02/2002	NỮ	42	10		1	23.3	
234	02038973	7140209	Sư phạm Toán học	LÊ QUỲNH	NHI	18/11/2002	NỮ	44	11		3	22.7	

STT	Số báo danh	Mã ngành	Tên ngành	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã tỉnh	Mã huyện	Đối tượng	Khu vực	Điểm XT	Ghi chú
235	42003430	7140209	Sư phạm Toán học	MBON K'	NI	17/10/2002	NỮ	42	12	01	1	21.35	
236	43004690	7140209	Sư phạm Toán học	VÕ LÊ ĐIỀU	OANH	26/12/2002	NỮ	43	08		1	18.55	
237	42011476	7140209	Sư phạm Toán học	NGUYỄN THÁI	PHONG	11/03/2002	NAM	42	02		1	23.8	
238	52001360	7140209	Sư phạm Toán học	TRẦN NGUYỄN CÔNG	PHÚC	04/01/2002	NAM	52	01		2	21.6	
239	45005346	7140209	Sư phạm Toán học	TRỊNH PHAN ĐĂNG	QUANG	22/08/2002	NAM	45	04		2	24.25	
240	52006386	7140209	Sư phạm Toán học	PHAN NGUYỄN QUỐC	QUYÊN	31/10/2002	NỮ	52	08		2NT	25.15	
241	42004825	7140209	Sư phạm Toán học	NGUYỄN NGỌC	THÁI	04/10/2002	NAM	42	03		1	22	
242	02052512	7140209	Sư phạm Toán học	NGUYỄN ĐỨC	THẮNG	21/04/2001	NAM	45	01		2	20.25	
243	42010162	7140209	Sư phạm Toán học	TRẦN THỊ THANH	THANH	18/08/2002	NỮ	42	11		1	26.6	
244	45001427	7140209	Sư phạm Toán học	HỒ THANH	THẢO	07/12/2001	NỮ	45	03		2NT	25.15	
245	43000424	7140209	Sư phạm Toán học	ĐỖ THỊ THU	THÚY	01/04/2002	NỮ	43	01		1	21.85	
246	42003478	7140209	Sư phạm Toán học	CÓ LIÊNG K'	TOA	26/03/2002	NỮ	42	12	01	1	25.3	
247	43002022	7140209	Sư phạm Toán học	TRẦN NGỌC PHƯƠNG	UYÊN	23/08/2002	NỮ	43	08		1	23.25	
248	42009699	7140209	Sư phạm Toán học	NGUYỄN NGỌC	VY	14/10/2002	NỮ	42	11		1	21.7	
249	45004935	7140209	Sư phạm Toán học	NGUYỄN THỦY THIÊN	Ý	26/03/2002	NỮ	45	03		2NT	24.75	
250	42009467	7140211	Sư phạm Vật lý	NGUYỄN VŨ THỦY	NGỌC	26/12/2002	NỮ	42	11		1	23.85	
251	46001410	7140211	Sư phạm Vật lý	ĐẶNG DOÃN	NHẤT	15/09/2002	NAM	46	03		2	23.25	
252	42000777	7140212	Sư phạm Hóa học	NGUYỄN THỊ NGỌC	ÁNH	25/03/2002	NỮ	42	01		1	23.15	
253	42001974	7140212	Sư phạm Hóa học	NGUYỄN LÊ NGUYỄN	BẢO	15/04/2002	NAM	42	01		1	25.65	
254	42012097	7140212	Sư phạm Hóa học	PHÙNG THÁI	BẢO	29/01/1997	NAM	42	02		1	25.35	
255	42003675	7140212	Sư phạm Hóa học	CAO THANH	GIANG	18/08/1999	NAM	42	05		1	26.05	
256	41004462	7140212	Sư phạm Hóa học	NGUYỄN HỒNG	HẠNH	31/08/2002	NỮ	41	01		2	22.55	
257	42002051	7140212	Sư phạm Hóa học	NGUYỄN NGỌC ANH	HÀO	21/07/2002	NAM	01	24		1	22.9	
258	42004618	7140212	Sư phạm Hóa học	LÊ THỊ BÁCH	HOA	21/12/2002	NỮ	42	03		1	22.75	
259	47002336	7140212	Sư phạm Hóa học	UNG HUỠNH NHẬT	LÊ	22/07/2002	NỮ	47	04		2NT	22.1	
260	42000984	7140212	Sư phạm Hóa học	NGUYỄN NGỌC QUỲNH	LOAN	04/09/2002	NỮ	42	01		1	24.5	
261	42005528	7140212	Sư phạm Hóa học	VŨ PHAN LÊ	NA	20/11/2002	NỮ	42	03		1	20.25	
262	42001712	7140212	Sư phạm Hóa học	CIL DA	NI	10/11/2002	NỮ	42	10	01	1	20.55	
263	42004226	7140212	Sư phạm Hóa học	TRẦN NGUYỄN ANH	THỨ	13/02/2002	NỮ	42	05		1	21.4	
264	42002432	7140212	Sư phạm Hóa học	VĂN VŨ ĐÌNH	TUẤN	19/02/2002	NAM	42	01		1	21.85	
265	42009122	7140213	Sư phạm Sinh học	KA'	THÚY	10/12/2001	NỮ	42	04	01	1	22.2	
266	42006011	7140213	Sư phạm Sinh học	NGUYỄN THÀNH	THUYẾT	25/09/2002	NAM	42	03		1	22.8	
267	42010001	7140217	Sư phạm Ngữ văn	TRẦN THỤY GIA	ANH	07/05/2001	NỮ	42	11		1	22.75	
268	42006719	7140217	Sư phạm Ngữ văn	LÊ THỊ	DƯƠNG	03/02/2002	NỮ	42	10		1	20.25	
269	29004362	7140217	Sư phạm Ngữ văn	NGÔ THỊ	DUYÊN	18/12/2002	NỮ	29	12		1	22.25	
270	42003937	7140217	Sư phạm Ngữ văn	NGÔ THỊ MỸ	DUYÊN	11/07/2002	NỮ	42	05		1	21.5	
271	47005059	7140217	Sư phạm Ngữ văn	ĐÔNG NGUYỆT HƯƠNG	GIANG	25/06/2002	NỮ	47	04	01	1	21.75	
272	42004350	7140217	Sư phạm Ngữ văn	PHẠM THỊ HÙNG	HÀ	14/03/2002	NỮ	42	05		1	20.75	
273	42006732	7140217	Sư phạm Ngữ văn	ĐẶNG THỊ	HẠNH	21/02/2002	NỮ	42	10		1	24.5	
274	45003733	7140217	Sư phạm Ngữ văn	ĐẶNG TRUNG	HIỀN	15/07/2002	NAM	45	04	01	1	22	
275	38006366	7140217	Sư phạm Ngữ văn	RCOM H'	HIẾU	01/08/2002	NỮ	38	10	01	1	19	
276	42003994	7140217	Sư phạm Ngữ văn	NGUYỄN THỊ MINH	HOÀNG	19/05/2002	NỮ	42	05		1	22.25	
277	43006104	7140217	Sư phạm Ngữ văn	LÊ KHÁNH	HUYỀN	15/12/2002	NỮ	43	11		1	23.25	
278	42004391	7140217	Sư phạm Ngữ văn	TÔ TIANG NI	IN	09/09/2002	NỮ	42	05	01	1	25.25	
279	40001523	7140217	Sư phạm Ngữ văn	H THẢO BUỒN	JRANG	01/11/2002	NỮ	40	12	01	1	22.75	
280	52009462	7140217	Sư phạm Ngữ văn	NGUYỄN TRỌNG	KHÔI	01/01/2002	NAM	52	07		1	24	
281	45001714	7140217	Sư phạm Ngữ văn	HUỠNH NGỌC KHÁNH	LINH	30/08/2002	NỮ	45	01		2	22.75	
282	42007275	7140217	Sư phạm Ngữ văn	K' PHAN THỊ	LY	01/02/2002	NỮ	42	10	01	1	20.25	
283	39007109	7140217	Sư phạm Ngữ văn	LÊ HUỠNH MAI	LÝ	28/03/2002	NỮ	39	10		2	22.5	
284	47000404	7140217	Sư phạm Ngữ văn	TRẦN NGUYỄN HOÀNG	MỸ	06/06/2002	NỮ	47	01		2	22.5	
285	42001025	7140217	Sư phạm Ngữ văn	PHÙNG NGUYỄN PHÚC	NGHI	06/05/2002	NỮ	42	01		1	19.05	
286	33006670	7140217	Sư phạm Ngữ văn	NGUYỄN VĂN HUY	NGỌ	05/01/2002	NAM	33	01		2	22.5	
287	42011430	7140217	Sư phạm Ngữ văn	TRẦN BẢO	NGỌC	17/10/2002	NỮ	42	02		1	22	
288	42005566	7140217	Sư phạm Ngữ văn	CIL YŨ K'	NHI	31/07/2002	NỮ	42	03	01	1	26.5	
289	42001718	7140217	Sư phạm Ngữ văn	PHẠM THỊ KIỀU	OANH	28/04/2002	NỮ	33	03		1	25	
290	45000219	7140217	Sư phạm Ngữ văn	DƯƠNG KIM	SÁNG	20/03/2002	NỮ	45	04	01	1	23	
291	42001782	7140217	Sư phạm Ngữ văn	JỎ RLONG NAI	SUN	26/07/2002	NỮ	42	03	01	1	25	
292	52009669	7140217	Sư phạm Ngữ văn	VÕ THỊ HỒNG	SƯÔNG	03/08/2002	NỮ	52	07		1	23	
293	42010976	7140217	Sư phạm Ngữ văn	NGÔ THỊ THANH	TÂM	02/03/2002	NỮ	42	02		1	21.25	
294	42001158	7140217	Sư phạm Ngữ văn	PHẠM TRẦN THANH	TÂM	10/04/2002	NỮ	42	01		1	25	

STT	Số báo danh	Mã ngành	Tên ngành	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã tỉnh	Mã huyện	Đổi trạng	Khu vực	Điểm XT	Ghi chú
295	42006583	7140217	Sư phạm Ngữ văn	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	30/08/2002	NỮ	42	10		1	21.25	
296	42003264	7140217	Sư phạm Ngữ văn	TRẦN NGÔ PHƯƠNG	THẢO	07/02/2002	NỮ	42	12		1	25.75	
297	42003122	7140217	Sư phạm Ngữ văn	CIL K'	THIM	25/02/2002	NỮ	42	06	01	1	24.25	
298	42010521	7140217	Sư phạm Ngữ văn	NGUYỄN THỊ ANH	THỨ	02/01/2002	NỮ	42	02		1	23.25	
299	42003125	7140217	Sư phạm Ngữ văn	NGUYỄN PHƯƠNG	THÚY	20/08/2002	NỮ	42	06		1	22	
300	42001896	7140217	Sư phạm Ngữ văn	VÕ ĐÌNH MINH	TUẤN	10/03/2002	NAM	42	01		1	22.5	
301	42011645	7140217	Sư phạm Ngữ văn	BÙI PHẠM ĐỒ	UYÊN	07/09/2002	NỮ	42	02		1	24.25	
302	42008127	7140217	Sư phạm Ngữ văn	GIA	UYÊN	21/08/2002	NỮ	42	04	01	1	25.25	
303	39008260	7140217	Sư phạm Ngữ văn	NGUYỄN NHẬT	UYÊN	04/10/2002	NỮ	39	01		2	23.5	
304	42003301	7140217	Sư phạm Ngữ văn	PHÙNG THỊ	XUÂN	27/12/2002	NỮ	42	12		1	24.5	
305	42009707	7140217	Sư phạm Ngữ văn	VƯƠNG THỊ	XUYẾN	22/06/2002	NỮ	42	11	01	1	21.25	
306	42006930	7140217	Sư phạm Ngữ văn	ĐẶNG THỊ HẢI	YẾN	14/11/2002	NỮ	42	10		1	25.75	
307	42003310	7140218	Sư phạm Lịch sử	NTOR K'	BIỂU	01/09/2002	NỮ	42	12	01	1	20.25	
308	45003627	7140218	Sư phạm Lịch sử	THUẬN THỊ TỪ	DI	15/03/2002	NỮ	45	04	01	1	23.5	
309	43006849	7140218	Sư phạm Lịch sử	LÊ THỊ	ĐÌNH	20/04/2002	NỮ	43	10		1	21.5	
310	34004243	7140218	Sư phạm Lịch sử	PHẠM TIẾN	DŨNG	10/11/2001	NAM	34	02		2	24.5	
311	63000151	7140218	Sư phạm Lịch sử	THỊ	DUYS	30/01/2002	NỮ	63	08	01	1	23.25	
312	42001534	7140218	Sư phạm Lịch sử	CƠ LIỀNG K'	JIẾT	24/04/2002	NỮ	42	12	01	1	24.25	
313	42003375	7140218	Sư phạm Lịch sử	LIỀNG HỚT HA	KHUYẾT	04/02/2001	NAM	42	12	01	1	20.5	
314	40001924	7140218	Sư phạm Lịch sử	H KUINH	KSỜ	07/07/2002	NỮ	40	09	01	1	23.25	
315	02038791	7140218	Sư phạm Lịch sử	NGUYỄN NGỌC CHÂU	MINH	16/03/2002	NAM	56	02		3	20	
316	42008006	7140218	Sư phạm Lịch sử	KA	QUYÊN	01/03/2001	NỮ	42	04	01	1	27	
317	37002745	7140218	Sư phạm Lịch sử	VÕ PHONG	TÂM	09/01/2002	NAM	37	06		2	19	
318	42000718	7140218	Sư phạm Lịch sử	HỒ QUANG	VINH	15/05/2002	NAM	42	01		1	26	
319	42001330	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	HOÀNG MINH VĨNH	AN	22/03/2002	NAM	42	01		1	25.8	
320	33007659	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	HUỶNH THỊ PHƯƠNG	ANH	31/08/2002	NỮ	33	05		2NT	21.95	
321	42010626	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	NGUYỄN MINH	ANH	22/02/2002	NỮ	42	02		1	23.65	
322	42000022	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	NGUYỄN NGỌC THIÊN	ANH	18/11/2002	NỮ	42	01		1	24.35	
323	52002511	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	NGUYỄN TRẦN VĂN	ANH	07/10/2002	NỮ	52	01		2	22.15	
324	30004119	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	BÙI QUỐC	CÔNG	27/03/2002	NAM	30	01		2	21.75	
325	42000841	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	LÊ THỊ HẠNH	ĐOAN	14/09/2002	NỮ	42	01		1	24.78	
326	02072368	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	HUỶNH PHÚC	ĐỨC	31/05/2002	NAM	02	22		2	22.05	
327	42001996	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	JỖ NGỖ NAI	DUNG	17/10/2002	NỮ	42	05	01	1	24.32	
328	46000198	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	NGUYỄN THỊ THÙY	DUNG	31/12/2002	NỮ	46	03		2	24.35	
329	42000818	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	PHẠM TRẦN QUANG	DUY	01/01/2002	NAM	42	01		1	24.5	
330	43005705	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	VŨ KHƯƠNG	DUY	08/03/2002	NAM	43	11		1	22.15	
331	02037919	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	TRẦN MAI MỸ	DUYÊN	21/05/2002	NỮ	02	22		3	19.83	
332	42006358	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	LIỀNG HỚT K'	GEM	01/06/2002	NỮ	42	10	01	1	22.2	
333	42010042	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	HOÀNG THỊ TRÀ	GIANG	20/12/2001	NỮ	42	11		1	22.15	
334	42001450	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	TRẦN THỊ TRÀ	GIANG	04/08/2002	NỮ	42	01		1	25.75	
335	60001709	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	PHẠM THỊ TỎ	HẢ	14/09/2002	NỮ	60	07		1	22.8	
336	42000858	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	VŨ THỊ THANH	HẢ	19/03/2002	NỮ	42	01		1	19.6	
337	42002605	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	ĐẶNG GIA	HÂN	21/02/2002	NỮ	42	01		1	19.8	
338	42001476	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	K'	HEN	22/08/2002	NỮ	42	10	01	1	21.6	
339	42007220	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	K'	HIỀN	02/08/2002	NỮ	42	10	01	1	19.7	
340	61006560	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	LÊ CHÍ	HIỀN	14/10/2002	NAM	61	05		2NT	19.55	
341	45004064	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	NGUYỄN THỊ QUỲNH	HOA	02/11/2002	NỮ	45	04		2	19.6	
342	42002089	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	LÊ MINH	HÙNG	24/03/2002	NAM	42	01		1	23.4	
343	37002550	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	NGUYỄN PHI	HÙNG	28/05/2002	NAM	37	01		2	22.12	
344	42012159	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	CAO QUỐC	HUY	02/06/2002	NAM	42	02		1	23.55	
345	29020389	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	PHAN THỊ THANH	HUYỀN	29/09/2001	NỮ	29	10		1	18.65	
346	42003033	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	RỜ ÔNG K'	HUYỀN	18/07/2002	NỮ	42	06	01	1	22.03	
347	42011345	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	PHAN ĐĂNG	KHOA	10/04/2002	NAM	42	02		1	19.4	
348	42004401	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	BỒ JU DA	LA	28/11/2002	NỮ	42	05	01	1	20.87	
349	42007884	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	KA HIỀN	LINH	08/02/2002	NỮ	42	04	01	1	24.88	
350	42001587	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	TRẦN MỸ	LINH	09/10/2002	NỮ	42	01		1	26.65	
351	42000280	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	VŨ TRIỆU KHÁNH	LINH	12/01/2001	NỮ	42	01		1	23.78	
352	47006019	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	BÙI THỊ KIM	NGÂN	25/07/2002	NỮ	47	04		2	20.15	
353	47000416	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	LÊ THANH	NGÂN	16/09/2002	NỮ	47	01		2	22.75	
354	42007052	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	VŨ THỊ	NGÂN	18/07/2002	NỮ	42	10		1	24.95	

STT	Số báo danh	Mã ngành	Tên ngành	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã tỉnh	Mã huyện	Đối tượng	Khu vực	Điểm XT	Ghi chú
355	42002198	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	HOÀNG THỊ MAI	NGỌC	13/10/2002	NỮ	42	01		1	22.88	
356	52001216	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	LÊ MINH	NGỌC	18/10/2002	NỮ	52	01		2	20.95	
357	43001307	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	NGUYỄN HẢI	NGỌC	28/02/2002	NỮ	43	01		1	20.25	
358	42013039	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	NGUYỄN THỊ BÍCH	NGỌC	02/11/2002	NỮ	42	08		1	22.6	
359	29010282	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	VÔ THỊ HỒNG	NGỌC	02/12/2002	NỮ	29	16		1	19.55	
360	02020060	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	NGUYỄN NGUYỄN	NGUYỄN	24/09/2002	NAM	02	12		3	19.9	
361	42006191	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	LÊ THỊ TUYẾT	NHI	09/02/2002	NỮ	42	03		1	21.5	
362	45001863	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	TRẦN NHƯ KHÁNH	NHI	20/01/2002	NỮ	45	04		2	23.8	
363	45005253	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	NGUYỄN KHOA TÂM	NHƯ	23/02/2002	NỮ	45	01		2	21.65	
364	43001361	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	PHAN THỊ NHƯ	OANH	30/08/2002	NỮ	43	01		1	21.3	
365	42002774	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	ĐỖ HẢI	PHONG	05/04/2002	NAM	42	01		1	22.78	
366	42006519	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	PHÍ ĐÌNH	PHÚC	24/09/2002	NAM	42	10		1	23.05	
367	42004158	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	PHAN THỊ KIM	PHƯỢNG	15/08/2002	NỮ	42	05		1	22.25	
368	42007075	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	TRẦN THỊ BÍCH	PHƯỢNG	04/11/2002	NỮ	42	10		1	23.3	
369	52009658	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	LÊ THỊ ÁI	QUỲNH	20/01/2002	NỮ	52	07		1	19	
370	42003596	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	KON SƠ K'	SUYN	05/09/2002	NỮ	42	12	01	1	22.25	
371	42005647	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	ĐỖ THÀNH	TÂM	22/09/2002	NAM	42	01		1	24.75	
372	41002618	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	LÊ NGỌC NHẬT	TÂN	03/10/1996	NAM	41	09		2NT	19	
373	47000679	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	PHAN QUỐC	THĂNG	15/10/2002	NAM	47	01		2	19.25	
374	43005881	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	17/07/2002	NỮ	43	11		1	24.43	
375	44003233	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	PHAN THANH	THẢO	06/04/2002	NỮ	44	01		2	24.85	
376	42001180	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	NGUYỄN ANH	THI	18/10/2002	NỮ	42	01		1	22.9	
377	42005678	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	K'	THU	19/05/2002	NỮ	42	03	01	1	24.25	
378	42005244	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	BÙI THỊ ANH	THƯ	01/11/2002	NỮ	42	03		1	20.12	
379	42001200	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	NGUYỄN MINH	THƯ	06/04/2002	NỮ	42	01		1	25.4	
380	42006607	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	TẶNG HỒ THIÊN	THƯ	19/03/2002	NỮ	42	10		1	22.25	
381	52003190	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	TRẦN THỊ ANH	THƯ	03/07/2001	NỮ	52	01		2	21.75	
382	42003273	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	TRẦN THỊ QUỲNH	THƯ	11/12/2002	NỮ	42	12		1	21.85	
383	47000720	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	NGUYỄN THỊ THANH	THÜY	01/07/2002	NỮ	47	01		2	23.4	
384	42013465	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	NGÔ LÊ THU	THÜY	30/04/2002	NỮ	42	09		1	22.25	
385	42009123	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	KA'	THUYỀN	02/06/2002	NỮ	42	04	01	1	19.7	
386	42000620	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	HOÀNG THẢO	TRÂM	25/04/2002	NỮ	42	01		1	23.8	
387	43005919	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	LÊ NGỌC	TRÂM	15/02/2002	NỮ	43	11		1	21.3	
388	47000803	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	LÊ THỊ XUÂN	TRÂM	30/08/2002	NỮ	47	01		2	20.6	
389	45003351	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	NGUYỄN THANH	TRÚC	19/05/2002	NỮ	45	03		2NT	22.9	
390	42009661	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	NGUYỄN LÊ CẨM	TÚ	02/12/2002	NỮ	42	11		1	22.2	
391	42001899	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	NGUYỄN THẬT	TÙNG	04/01/2002	NAM	42	01		1	22.15	
392	02047402	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	PHAN THANH	TUYỀN	07/07/1991	NỮ	37	06		2NT	18.85	
393	47008432	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	NGUYỄN THỊ ÁNH	TUYẾT	08/02/2002	NỮ	47	07		1	18.55	
394	33000492	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	NGUYỄN THỊ THANH	UYÊN	01/08/2002	NỮ	33	02		2NT	21.25	
395	42013514	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	PHẠM TÚ	UYÊN	25/10/2002	NỮ	42	09		1	21.9	
396	47006326	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	TRẦN THẢO	UYÊN	27/03/2002	NỮ	47	04		2	23.5	
397	47000901	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	LÊ HOÀNG KIỀU	VÂN	13/04/2002	NỮ	47	01		2	22.35	
398	42004955	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	TRƯƠNG THỊ THU	VÂN	29/07/2002	NỮ	42	03		1	24.5	
399	42001295	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	PHẠM VIỆT GIA	VINH	19/05/2002	NAM	42	01		1	23.57	
400	02054612	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	HOÀNG NGỌC THẢO	VY	07/03/1997	NỮ	02	19		3	22	
401	32001505	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	NGUYỄN YẾN	VY	11/11/2002	NỮ	32	04		2NT	22.2	
402	43005947	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	BÙI THỊ KIM	YẾN	25/01/2002	NỮ	43	11		1	21.75	
403	41002008	7220201	Ngôn ngữ Anh	ĐỖ THỊ THÚY	AN	25/02/2002	NỮ	41	04		1	16.75	
404	42007385	7220201	Ngôn ngữ Anh	NGUYỄN THỊ MỸ	AN	28/10/2002	NỮ	42	10		1	22.95	
405	02040252	7220201	Ngôn ngữ Anh	TRẦN NGUYỄN THÙY	AN	18/11/2002	NỮ	52	01		2NT	22.4	
406	02033321	7220201	Ngôn ngữ Anh	TRẦN THÁI	AN	28/10/2002	NỮ	02	21		2	17.9	
407	42002520	7220201	Ngôn ngữ Anh	NGUYỄN PHƯỚC HỒNG	ÂN	28/01/2002	NỮ	42	01		1	18.28	
408	45000529	7220201	Ngôn ngữ Anh	BÙI THỊ LAN	ANH	17/06/2002	NỮ	45	01		2	20.95	
409	45000534	7220201	Ngôn ngữ Anh	LÊ ĐỨC	ANH	27/07/2002	NAM	45	07		2	23.15	
410	42011156	7220201	Ngôn ngữ Anh	NGUYỄN HOÀNG	ANH	24/01/2002	NAM	42	02		1	21.35	
411	42010629	7220201	Ngôn ngữ Anh	NGUYỄN THỊ MAI	ANH	21/10/2002	NỮ	42	02		1	20.7	
412	41005019	7220201	Ngôn ngữ Anh	NGUYỄN THỊ QUỲNH	ANH	26/08/2002	NỮ	41	01		2	18.1	
413	35008012	7220201	Ngôn ngữ Anh	NGUYỄN VĂN	ANH	16/07/2002	NỮ	35	06		2NT	24.3	
414	42010634	7220201	Ngôn ngữ Anh	TRẦN PHƯỚC ĐÔNG BÍCH	ANH	07/01/2002	NỮ	42	02		1	22.45	

STT	Số báo danh	Mã ngành	Tên ngành	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã tỉnh	Mã huyện	Đối tượng	Khu vực	Điểm XT	Ghi chú
415	45004967	7220201	Ngôn ngữ Anh	HỒ TRÚC	BẠCH	30/10/2002	NỮ	45	02		1	19.75	
416	40003545	7220201	Ngôn ngữ Anh	CAO NGỌC	BẢO	05/01/2001	NAM	40	04		1	19.4	
417	42004537	7220201	Ngôn ngữ Anh	HOÀNG NGUYỄN GIA	BẢO	29/07/2002	NAM	42	03		3	20	
418	42005806	7220201	Ngôn ngữ Anh	NGUYỄN THỊ KIM	BÌNH	07/09/2002	NỮ	42	03		1	20.7	
419	41003175	7220201	Ngôn ngữ Anh	TRẦN THANH	BÌNH	19/05/2002	NAM	41	04		2NT	21.5	
420	40007931	7220201	Ngôn ngữ Anh	H' LIU	BKRÔNG	02/11/2002	NỮ	40	15	01	1	20.7	
421	35008408	7220201	Ngôn ngữ Anh	HỒ THỊ NGỌC	CẨM	12/05/2002	NỮ	35	06		2NT	19.8	
422	42001372	7220201	Ngôn ngữ Anh	MA	CẦU	06/08/2002	NỮ	42	03	01	1	22.3	
423	48002144	7220201	Ngôn ngữ Anh	NGUYỄN HỮU XUÂN	CẦU	30/07/2002	NAM	47	07		2	22.55	
424	42001986	7220201	Ngôn ngữ Anh	HỒ NGỌC QUỲNH	CHI	25/03/2002	NỮ	42	01		1	17.45	
425	45001121	7220201	Ngôn ngữ Anh	PHÚ VĂN LINH	ĐÀI	26/10/2000	NỮ	45	04	01	1	25.5	
426	42002025	7220201	Ngôn ngữ Anh	HOÀNG NGUYỄN KHÁNH	ĐĂNG	27/11/2002	NAM	42	01		1	16.3	
427	42011245	7220201	Ngôn ngữ Anh	VŨ HỒNG	ĐÀO	02/01/2002	NỮ	42	02		1	16.6	
428	42007418	7220201	Ngôn ngữ Anh	TRẦN BÁT	DI	29/03/2002	NỮ	42	10		1	20.35	
429	42003161	7220201	Ngôn ngữ Anh	BÙI THỊ	DIỂM	05/04/2002	NỮ	42	12		1	21.15	
430	42001994	7220201	Ngôn ngữ Anh	NGUYỄN THỊ NGỌC	DIỂM	10/05/2002	NỮ	33	05		1	20.25	
431	42006105	7220201	Ngôn ngữ Anh	ĐẶNG THỊ MỸ	DIỆU	04/07/2002	NỮ	42	03		1	22.2	
432	42004575	7220201	Ngôn ngữ Anh	BÙI MINH THỰC	ĐOAN	28/07/2002	NỮ	42	03		1	22.95	
433	42000104	7220201	Ngôn ngữ Anh	LÊ THỊ KHÁNH	ĐOAN	30/07/2002	NỮ	42	01		1	19.25	
434	42008201	7220201	Ngôn ngữ Anh	K'A	DỐI	08/09/2002	NỮ	42	04	01	1	17.13	
435	45000733	7220201	Ngôn ngữ Anh	NGUYỄN VĂN	ĐỒNG	01/11/2002	NAM	45	04		2	17.65	
436	42005018	7220201	Ngôn ngữ Anh	K'	DU	07/11/2002	NỮ	42	03	01	1	16.3	
437	42005019	7220201	Ngôn ngữ Anh	HÀNG THỊ MỸ	DUNG	09/08/2002	NỮ	02	10	01	1	21.6	
438	42011221	7220201	Ngôn ngữ Anh	MAI NGUYỄN TRUNG	DỪNG	16/09/2002	NAM	42	02		1	18.05	
439	42002549	7220201	Ngôn ngữ Anh	VÕ VĂN	DỪNG	08/12/2002	NAM	42	01		1	20.82	
440	42004332	7220201	Ngôn ngữ Anh	LÊ PHƯƠNG KHÁNH	DUY	06/07/2001	NAM	42	05		1	18.12	
441	42001408	7220201	Ngôn ngữ Anh	NGUYỄN ĐỨC	DUY	21/10/2002	NAM	42	01		1	18.15	
442	42002554	7220201	Ngôn ngữ Anh	NGUYỄN THƯỢNG	DUY	28/09/2002	NAM	42	01		1	18.8	
443	63005055	7220201	Ngôn ngữ Anh	TRỊNH TRẦN KHƯƠNG	DUY	23/10/2002	NAM	63	06		1	16.9	
444	45002893	7220201	Ngôn ngữ Anh	BÙI THỊ MỸ	DUYÊN	01/07/2002	NỮ	45	03		2NT	24.5	
445	39003182	7220201	Ngôn ngữ Anh	LƯƠNG THỊ MỸ	DUYÊN	05/06/2002	NỮ	39	09		2NT	20.85	
446	42011233	7220201	Ngôn ngữ Anh	NGUYỄN THỊ QUỲNH	DUYÊN	21/09/2002	NỮ	42	02		1	16.6	
447	47007704	7220201	Ngôn ngữ Anh	NGUYỄN TƯỜNG	DUYÊN	21/05/2002	NỮ	47	01		2	18.65	
448	42005029	7220201	Ngôn ngữ Anh	TRẦN THỊ MỸ	DUYÊN	18/07/2002	NỮ	42	03		1	19.2	
449	42000091	7220201	Ngôn ngữ Anh	VÕ THỊ XUÂN	DUYÊN	29/07/2002	NỮ	42	10		1	24.87	
450	42001442	7220201	Ngôn ngữ Anh	LỖ MU K'	GEM	30/11/2001	NỮ	42	10	01	1	20.63	
451	42010310	7220201	Ngôn ngữ Anh	LÊ GIA	HÂN	19/05/2002	NỮ	42	02		1	26.22	
452	43006863	7220201	Ngôn ngữ Anh	HOÀNG THỊ	HẬU	08/06/2002	NỮ	43	10		1	17.5	
453	41003261	7220201	Ngôn ngữ Anh	HUYỄN NGUYỄN THÚY	HIỀN	14/12/2002	NỮ	41	04		2NT	20.05	
454	40007275	7220201	Ngôn ngữ Anh	MAI THỊ THANH	HIỀN	07/11/2002	NỮ	40	03		1	17.95	
455	42003692	7220201	Ngôn ngữ Anh	HUYỄN NGỌC NHƯ	HIẾU	15/02/2002	NỮ	42	01		1	18.25	
456	42000155	7220201	Ngôn ngữ Anh	PHẠM PHƯỚC	HIẾU	31/03/2002	NAM	42	01		1	18.15	
457	47006541	7220201	Ngôn ngữ Anh	BÙI KHẢI	HOÀNG	11/11/2002	NAM	47	06		2	21.05	
458	42001504	7220201	Ngôn ngữ Anh	PANG TING K'	HỒNG	22/02/2002	NỮ	42	12	01	1	23	
459	42002630	7220201	Ngôn ngữ Anh	NGUYỄN HỮU	HỢP	18/10/2002	NAM	42	01		1	23.4	
460	42000173	7220201	Ngôn ngữ Anh	HỒ KHAI	HUÊ	13/08/2002	NAM	42	01	01	1	21.35	
461	47006553	7220201	Ngôn ngữ Anh	HUYỄN NGỌC	HÙNG	30/10/2002	NAM	47	01		2	19.65	
462	42005880	7220201	Ngôn ngữ Anh	NGUYỄN LÊ MINH	HƯNG	03/09/2002	NAM	42	03		1	17	
463	31001845	7220201	Ngôn ngữ Anh	NGÔ THỊ	HƯƠNG	23/05/2002	NỮ	31	04		2	21	
464	42000908	7220201	Ngôn ngữ Anh	ĐẬU KHÁNH	HUYỀN	26/03/2002	NỮ	42	01		1	20.85	
465	42002649	7220201	Ngôn ngữ Anh	LÊ THỊ NHẬT	HUYỀN	05/08/2002	NỮ	42	01		1	23.7	
466	42004636	7220201	Ngôn ngữ Anh	LÊ THỊ THANH	HUYỀN	19/11/2002	NỮ	42	03		1	21.3	
467	42004390	7220201	Ngôn ngữ Anh	ĐA GOUT	ILY	19/01/2001	NỮ	42	05	01	1	17.93	
468	42003714	7220201	Ngôn ngữ Anh	NAI	JULIA	09/11/2002	NỮ	42	05	01	1	16.85	
469	42000221	7220201	Ngôn ngữ Anh	NGUYỄN HUỶNH VŨ	KHANG	03/07/2002	NAM	42	01		1	22.2	
470	42000943	7220201	Ngôn ngữ Anh	NGUYỄN NGỌC UYÊN	KHOA	15/11/2002	NỮ	42	01		1	22.5	
471	48010046	7220201	Ngôn ngữ Anh	BÙI DUY	KHƯƠNG	06/04/2002	NAM	48	04		1	18.12	
472	42002129	7220201	Ngôn ngữ Anh	VÕ ĐÀO TUẤN	KIỆT	01/07/2002	NAM	42	01		1	21.7	
473	39001777	7220201	Ngôn ngữ Anh	NGÔ BÍCH	KIỆU	13/01/2002	NỮ	39	04		2NT	18.6	
474	42002130	7220201	Ngôn ngữ Anh	HUYỄN VĂN TIẾN	KỶ	24/01/2002	NAM	42	01		1	19.15	

STT	Số báo danh	Mã ngành	Tên ngành	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã tỉnh	Mã huyện	Đối tượng	Khu vực	Điểm XT	Ghi chú
475	42004656	7220201	Ngôn ngữ Anh	TÀNG MỸ	KỶ	14/07/2002	NỮ	42	03	01	1	25.8	
476	42008283	7220201	Ngôn ngữ Anh	PÔNG KHO KA' MI	LA	22/05/2002	NỮ	42	04	01	1	20.45	
477	28025611	7220201	Ngôn ngữ Anh	NGUYỄN THỊ	LIÊN	21/06/2002	NỮ	28	23		1	22.45	
478	42005487	7220201	Ngôn ngữ Anh	CIL K'	LINH	15/11/2002	NỮ	42	10	01	1	20.25	
479	43006901	7220201	Ngôn ngữ Anh	DƯƠNG THỊ MỸ	LINH	09/03/2002	NỮ	43	10		1	17.2	
480	42010083	7220201	Ngôn ngữ Anh	LÊ THỊ BẢO	LINH	11/01/2002	NỮ	42	11		1	16.75	
481	29030799	7220201	Ngôn ngữ Anh	PHẠM THỊ THÙY	LINH	08/03/2002	NỮ	29	11		2NT	22.75	
482	45004728	7220201	Ngôn ngữ Anh	THÀNH NỮ DIỆU	LINH	18/04/2002	NỮ	45	03	01	2NT	16.38	
483	41009427	7220201	Ngôn ngữ Anh	TRẦN THỊ MỸ	LINH	29/11/2002	NỮ	41	03		2	18.95	
484	42008305	7220201	Ngôn ngữ Anh	VÕ NGỌC	LINH	27/04/2002	NỮ	42	04		1	21.4	
485	41003373	7220201	Ngôn ngữ Anh	PHAN THANH	LOAN	04/07/2002	NỮ	41	04		2NT	20.1	
486	42001606	7220201	Ngôn ngữ Anh	CIL	LUIS	24/11/2002	NỮ	42	06	01	1	21.5	
487	45000062	7220201	Ngôn ngữ Anh	ĐỖ NGỌC THANH	MÁN	10/08/2002	NỮ	45	04		1	19.05	
488	42007913	7220201	Ngôn ngữ Anh	ĐINH KHÁNH	MY	27/02/2002	NỮ	42	04		1	24	
489	42011406	7220201	Ngôn ngữ Anh	NGUYỄN NGỌC XUÂN	MY	30/01/2002	NỮ	42	02		1	19.22	
490	39009321	7220201	Ngôn ngữ Anh	NGUYỄN THỊ TRÀ	MY	15/12/2002	NỮ	39	01		2	22.85	
491	41011052	7220201	Ngôn ngữ Anh	VÕ THỊ TRÀ	MY	11/11/2002	NỮ	41	03		2	19.9	
492	44011013	7220201	Ngôn ngữ Anh	PHẠM THỊ CẨM	MỸ	01/01/2002	NỮ	44	07		2NT	21.2	
493	42004073	7220201	Ngôn ngữ Anh	CILLPAME SHE RE	NA	13/03/2002	NỮ	42	05	01	1	17.75	
494	30014990	7220201	Ngôn ngữ Anh	ĐINH THỊ LI	NA	26/03/2002	NỮ	30	07		1	16.55	
495	63000687	7220201	Ngôn ngữ Anh	MAI THỊ TUYẾT	NGÂN	13/11/2002	NỮ	26	02		2NT	21.4	
496	42008341	7220201	Ngôn ngữ Anh	NRÔNG KA	NGHI	14/11/2002	NỮ	42	04	01	1	16.18	
497	42011429	7220201	Ngôn ngữ Anh	PHẠM THỊ NHƯ	NGỌC	29/11/2002	NAM	42	02		1	17.55	
498	42003574	7220201	Ngôn ngữ Anh	VÕ THỊ NHƯ	NGỌC	10/01/2002	NỮ	42	12		1	19.65	
499	42001662	7220201	Ngôn ngữ Anh	ĐỖ MINH	NGUYỄN	28/12/2002	NAM	42	01		1	23.1	
500	42007944	7220201	Ngôn ngữ Anh	LỖ MU KA'	NGUYỆT	13/11/2002	NỮ	42	04	01	1	21.75	
501	42001050	7220201	Ngôn ngữ Anh	HUỶNH NGỌC VÂN	NHÃ	30/03/2002	NỮ	42	01		1	21.9	
502	42004112	7220201	Ngôn ngữ Anh	CAO HỮU THÀNH	NHÂN	26/10/2002	NAM	42	05		1	19.75	
503	42001054	7220201	Ngôn ngữ Anh	NGUYỄN HỒ THIÊN	NHÂN	24/12/2002	NAM	42	01		1	22.85	
504	42001058	7220201	Ngôn ngữ Anh	LÊ ĐĂNG MINH	NHẬT	14/09/2002	NAM	42	01		1	23.15	
505	42005171	7220201	Ngôn ngữ Anh	PANG TIANG	NHẬT	19/05/2002	NAM	42	05	01	1	16.52	
506	42005571	7220201	Ngôn ngữ Anh	MAI THỊ QUỲNH	NHI	29/06/2002	NỮ	42	03		1	17.7	
507	52011438	7220201	Ngôn ngữ Anh	NGUYỄN THỊ YẾN	NHI	24/12/2002	NỮ	52	05		2NT	23.8	
508	37006786	7220201	Ngôn ngữ Anh	NGUYỄN YẾN	NHI	26/07/2002	NỮ	37	10		2	17.3	
509	42011457	7220201	Ngôn ngữ Anh	VŨ THỊ XUÂN	NHI	26/06/2002	NỮ	42	02		1	20.75	
510	42008358	7220201	Ngôn ngữ Anh	KA'	NHOAN	25/11/2002	NỮ	42	04	01	1	19.7	
511	42006505	7220201	Ngôn ngữ Anh	K'	NHU	02/12/2002	NAM	42	10	01	1	18.75	
512	47002430	7220201	Ngôn ngữ Anh	DƯƠNG QUỲNH	NHƯ	04/09/2002	NỮ	47	04		1	20.28	
513	42001080	7220201	Ngôn ngữ Anh	HỒ THỊ QUỲNH	NHƯ	10/07/2002	NỮ	42	01		1	17.63	
514	45001870	7220201	Ngôn ngữ Anh	TÔ THỊ HỒNG	NHUNG	30/10/2002	NỮ	45	04		2	22.2	
515	45004250	7220201	Ngôn ngữ Anh	TÔ THỊ NGỌC	NHUNG	16/08/2002	NỮ	45	04		2	18.05	
516	42008363	7220201	Ngôn ngữ Anh	VŨ THỊ MINH	NHUNG	14/10/2002	NỮ	42	04		1	23.15	
517	40001174	7220201	Ngôn ngữ Anh	H DI NA	NTOR	30/10/2001	NỮ	40	12	01	1	22.85	
518	45000156	7220201	Ngôn ngữ Anh	NGUYỄN THỊ KIM	OANH	29/08/2002	NỮ	45	04		1	19.35	
519	42011469	7220201	Ngôn ngữ Anh	TRỊNH KIỀU	OANH	03/11/2002	NỮ	42	02		1	16.65	
520	48016797	7220201	Ngôn ngữ Anh	TRIỆU MẠNH	PHI	03/11/2002	NAM	59	02		2NT	19.8	
521	42001724	7220201	Ngôn ngữ Anh	K'	PHÔN	21/08/2002	NỮ	42	10	01	1	21	
522	42002792	7220201	Ngôn ngữ Anh	NGUYỄN HÀ	PHƯƠNG	08/04/2002	NỮ	42	01		1	20.05	
523	42002282	7220201	Ngôn ngữ Anh	CAO MỸ	QUYÊN	30/11/2002	NỮ	42	01		1	24.55	
524	40013775	7220201	Ngôn ngữ Anh	HÀ THỊ THU	QUYÊN	01/09/2002	NỮ	40	08	01	1	23	
525	42001132	7220201	Ngôn ngữ Anh	LÊ TỬ	QUYÊN	28/04/2002	NỮ	42	01		1	22.85	
526	42011505	7220201	Ngôn ngữ Anh	TRẦN THỊ BẢO	QUYÊN	26/08/2002	NỮ	42	04		1	23.25	
527	02071082	7220201	Ngôn ngữ Anh	LÊ THỊ YẾN	QUỲNH	19/01/2002	NỮ	02	21		2	16.65	
528	42010466	7220201	Ngôn ngữ Anh	LƯU THỊ XUÂN	QUỲNH	17/01/2002	NỮ	42	02		1	20.7	
529	52011446	7220201	Ngôn ngữ Anh	NGUYỄN LÊ BẢO	QUỲNH	04/12/2002	NỮ	52	05		2NT	19.95	
530	42007173	7220201	Ngôn ngữ Anh	LỖ MU K' A	RAM	15/07/2002	NỮ	42	10	01	1	18	
531	45000228	7220201	Ngôn ngữ Anh	CAO QUANG THỊ	SƯƠNG	20/06/2002	NỮ	45	04	01	1	22.15	
532	42006218	7220201	Ngôn ngữ Anh	NGUYỄN HỒ THÀNH	TÀI	14/05/2002	NAM	42	03		1	17.15	
533	42000493	7220201	Ngôn ngữ Anh	TRẦN ĐỨC	TÀI	01/03/2002	NAM	42	01		1	19.55	
534	42002836	7220201	Ngôn ngữ Anh	ĐẶNG NGỌC BĂNG	TÂM	17/04/2002	NỮ	42	01		1	18.6	

STT	Số báo danh	Mã ngành	Tên ngành	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã tỉnh	Mã huyện	Đối tượng	Khu vực	Điểm XT	Ghi chú
535	42006860	7220201	Ngôn ngữ Anh	VI VĂN	TÂM	18/09/2002	NAM	42	10	01	1	23.98	
536	42001159	7220201	Ngôn ngữ Anh	HUỶNH NHẬT	TÂN	16/08/2002	NAM	42	01	01	1	23.15	
537	42001162	7220201	Ngôn ngữ Anh	TRỊNH MINH	TÂN	18/05/2002	NAM	42	01		1	23.42	
538	63003831	7220201	Ngôn ngữ Anh	LÊ NGUYỄN PHÁT	TÂN	05/11/2002	NAM	63	03		1	22.95	
539	45001020	7220201	Ngôn ngữ Anh	ĐẶNG VŨ HUY	THẠCH	26/02/2001	NAM	45	01		2	17.6	
540	42003810	7220201	Ngôn ngữ Anh	HOÀNG DUY	THÁI	06/07/2002	NAM	42	05		1	16.65	
541	45000265	7220201	Ngôn ngữ Anh	HUỶNH THỊ KIM	THÂM	16/09/2002	NỮ	45	04		1	20	
542	48019980	7220201	Ngôn ngữ Anh	LÊ HẢI	THANH	14/05/2002	NAM	48	03		1	24.15	
543	48020132	7220201	Ngôn ngữ Anh	VÔNG MỸ	THANH	10/03/2002	NỮ	48	03		1	19.35	
544	42004193	7220201	Ngôn ngữ Anh	VŨ THỊ THIÊN	THANH	24/03/2002	NỮ	42	05		1	21.45	
545	42011541	7220201	Ngôn ngữ Anh	PHÙNG THỊ	THẢO	16/04/2002	NỮ	42	02		1	18.7	
546	42007607	7220201	Ngôn ngữ Anh	TRẦN THỊ	THẢO	10/12/2002	NỮ	42	10		1	23.28	
547	42001820	7220201	Ngôn ngữ Anh	K'	THOAN	20/06/2002	NỮ	42	03	01	1	24.45	
548	43000414	7220201	Ngôn ngữ Anh	ĐIỀU THỊ	THU	17/04/2002	NỮ	43	08	01	1	22.35	
549	42001198	7220201	Ngôn ngữ Anh	LÊ THỊ ANH	THƯ	02/10/2002	NỮ	42	01		1	24.6	
550	42011553	7220201	Ngôn ngữ Anh	MAI VĂN	THUẬN	04/07/2002	NAM	42	02		1	18.85	
551	42002872	7220201	Ngôn ngữ Anh	TRẦN NGỌC	THUẬN	24/10/2002	NAM	42	01		1	21.3	
552	42011989	7220201	Ngôn ngữ Anh	NGUYỄN THỊ ÁI	THƯƠNG	29/08/2002	NỮ	42	02		1	22.72	
553	45000491	7220201	Ngôn ngữ Anh	TRỊNH THỊ THU	THƯƠNG	05/05/2002	NỮ	45	05		1	16.5	
554	42001195	7220201	Ngôn ngữ Anh	LÊ THỊ	THÚY	30/01/2002	NỮ	42	01		1	24.35	
555	42011564	7220201	Ngôn ngữ Anh	LÊ THỊ THANH	THÚY	11/06/2002	NỮ	42	02		1	22.97	
556	42006888	7220201	Ngôn ngữ Anh	LÊ TRANG	THÙY	22/07/2002	NỮ	42	10		1	19.75	
557	42001833	7220201	Ngôn ngữ Anh	ĐẶNG NGUYỄN ĐAN	THY	22/09/2002	NỮ	42	01		1	18.1	
558	42000577	7220201	Ngôn ngữ Anh	LÊ NGUYỄN THUY	TIÊN	14/07/2002	NỮ	42	01		1	23.82	
559	41005479	7220201	Ngôn ngữ Anh	NGUYỄN NGỌC MỸ	TIÊN	25/10/2002	NỮ	41	01		2	18.05	
560	45003302	7220201	Ngôn ngữ Anh	TRƯƠNG NGỌC THỦY	TIÊN	19/01/2002	NỮ	45	03		2NT	18.45	
561	63006199	7220201	Ngôn ngữ Anh	MÃ THỊ	TIỆP	09/05/2002	NỮ	63	08	01	1	19.25	
562	42001846	7220201	Ngôn ngữ Anh	KRÃ JÃN RU	TƠ	01/09/2001	NỮ	42	03	01	1	22.13	
563	42002375	7220201	Ngôn ngữ Anh	ĐÌNH TRẦN HUY	TOÀN	30/10/2002	NAM	42	01		1	22.3	
564	42004489	7220201	Ngôn ngữ Anh	PÓ JUM MA NAI	TÔM	19/01/2002	NỮ	42	05	01	1	24.22	
565	48023970	7220201	Ngôn ngữ Anh	BÙI NGỌC BẢO	TRÂM	16/12/2002	NỮ	48	03	01	1	23.6	
566	42006032	7220201	Ngôn ngữ Anh	ĐẶNG THỊ NGỌC	TRÂM	23/06/2002	NỮ	42	03		1	19.33	
567	30006563	7220201	Ngôn ngữ Anh	LÊ ANH PHƯƠNG	TRÂM	12/07/2002	NỮ	30	01		2NT	18.65	
568	42000625	7220201	Ngôn ngữ Anh	NGÔ THỊ BÍCH	TRÂM	11/12/2002	NỮ	42	01		1	19.55	
569	42001236	7220201	Ngôn ngữ Anh	NGUYỄN THỊ KHÁNH	TRÂM	02/09/2002	NỮ	42	01		1	19.65	
570	42004905	7220201	Ngôn ngữ Anh	TRẦN THỊ NGỌC	TRÂM	31/10/2002	NỮ	42	03		1	23.55	
571	41005918	7220201	Ngôn ngữ Anh	NGUYỄN HOÀNG BẢO	TRẦN	02/07/2002	NỮ	41	01		2	16.67	
572	42011602	7220201	Ngôn ngữ Anh	TRẦN HOÀI BẢO	TRẦN	18/06/2002	NỮ	42	02		1	19	
573	41002236	7220201	Ngôn ngữ Anh	ĐẶNG THỊ KIM HỒNG	TRANG	02/01/2002	NỮ	41	09		1	23.05	
574	42006026	7220201	Ngôn ngữ Anh	ĐỖ THỊ THÙY	TRANG	21/04/2002	NỮ	42	03		1	20.58	
575	42005715	7220201	Ngôn ngữ Anh	LÝ THÙY	TRANG	22/08/2002	NỮ	42	03	01	1	21.87	
576	42002381	7220201	Ngôn ngữ Anh	MAI THỰC QUỲNH	TRANG	02/09/2002	NỮ	42	01		1	24.05	
577	42002889	7220201	Ngôn ngữ Anh	NGUYỄN NGỌC	TRANG	06/10/2002	NỮ	42	01		1	19.7	
578	42003611	7220201	Ngôn ngữ Anh	PHẠM HOÀNG LINH	TRANG	18/09/2002	NỮ	42	12		1	17.43	
579	02066792	7220201	Ngôn ngữ Anh	TRẦN THÙY	TRANG	07/01/2002	NỮ	45	01		2	21.63	
580	42010200	7220201	Ngôn ngữ Anh	TRẦN ĐÌNH	TRỌNG	20/10/2002	NAM	42	11		1	18.3	
581	38011098	7220201	Ngôn ngữ Anh	ĐẶNG LÊ PHƯƠNG	TRÚC	17/10/2002	NỮ	38	05		1	19.5	
582	42012026	7220201	Ngôn ngữ Anh	NGUYỄN BÙI THANH	TRÚC	30/10/2002	NỮ	42	02		1	22.65	
583	42011615	7220201	Ngôn ngữ Anh	PHẠM THANH	TRÚC	01/06/2002	NỮ	42	02		1	18.65	
584	45003357	7220201	Ngôn ngữ Anh	TRẦN THỊ XUÂN	TRÚC	06/05/2002	NỮ	45	03		2NT	20.3	
585	43005928	7220201	Ngôn ngữ Anh	NGUYỄN MINH	TÚ	15/03/2002	NỮ	43	02		1	23.15	
586	31010716	7220201	Ngôn ngữ Anh	VÔ THẾ	TUÂN	21/06/2002	NAM	31	07		2NT	20.9	
587	45005191	7220201	Ngôn ngữ Anh	LÊ NHẬT	TUYÊN	20/10/2002	NỮ	45	02		1	22.8	
588	45001042	7220201	Ngôn ngữ Anh	NGUYỄN PHƯƠNG	TUYÊN	23/01/2002	NỮ	45	01		2	17.8	
589	42002445	7220201	Ngôn ngữ Anh	LÒ NGUYỄN TRÚC	UYÊN	17/02/2002	NỮ	42	01	01	1	24.95	
590	42007654	7220201	Ngôn ngữ Anh	NGUYỄN LÊ MỸ	UYÊN	10/02/2002	NỮ	42	10		1	22.05	
591	52001583	7220201	Ngôn ngữ Anh	PHẠM NGỌC HẢI	UYÊN	26/01/2002	NỮ	52	01		2	18.2	
592	42003621	7220201	Ngôn ngữ Anh	VŨ THỤY UYÊN	UYÊN	27/06/2002	NỮ	25	09		1	18.3	
593	42002456	7220201	Ngôn ngữ Anh	LÊ THANH	VĂN	05/04/2002	NỮ	42	01		1	19.8	
594	29029636	7220201	Ngôn ngữ Anh	NGUYỄN THỊ	VĂN	28/02/2002	NỮ	29	11		2NT	18.35	

STT	Số báo danh	Mã ngành	Tên ngành	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã tỉnh	Mã huyện	Đối tượng	Khu vực	Điểm XT	Ghi chú
595	42011113	7220201	Ngôn ngữ Anh	PHẠM THỊ BÍCH	VÂN	15/07/2001	NỮ	42	02		1	23.2	
596	42011662	7220201	Ngôn ngữ Anh	PHAN HOÀNG	VI	30/10/2002	NỮ	42	02		1	17.85	
597	42000717	7220201	Ngôn ngữ Anh	LÊ HOÀNG QUỐC	VIỆT	21/01/2002	NAM	42	01		1	18.75	
598	42006674	7220201	Ngôn ngữ Anh	TRẦN QUỐC	VIỆT	12/06/2002	NAM	42	10		1	19.65	
599	42011665	7220201	Ngôn ngữ Anh	NGUYỄN ĐÌNH	VINH	09/07/2002	NAM	42	02		1	18.7	
600	42005775	7220201	Ngôn ngữ Anh	TRẦN QUANG	VINH	09/05/2002	NAM	42	03		1	21.43	
601	42002474	7220201	Ngôn ngữ Anh	PHAN ANH	VŨ	16/11/2002	NAM	42	01		1	22.1	
602	54001737	7220201	Ngôn ngữ Anh	ĐỖ HẠ	VY	10/09/2002	NỮ	54	12		1	20.25	
603	42006078	7220201	Ngôn ngữ Anh	ĐỖ NGỌC KHÁNH	VY	02/06/2002	NỮ	42	01		1	25.85	
604	42002962	7220201	Ngôn ngữ Anh	HOÀNG THẢO	VY	01/02/2002	NỮ	42	04		1	23.95	
605	42011678	7220201	Ngôn ngữ Anh	MAI THỊ KHÁNH	VY	09/09/2002	NỮ	42	10		1	19.85	
606	42006081	7220201	Ngôn ngữ Anh	NGUYỄN LÊ TƯỜNG	VY	16/02/2002	NỮ	42	03		1	18.15	
607	47002666	7220201	Ngôn ngữ Anh	TRƯƠNG THỊ THANH	VY	09/09/2002	NỮ	47	04		1	21.25	
608	47007085	7220201	Ngôn ngữ Anh	VĂN TRÚC	VY	12/12/2002	NỮ	47	01		2	24.5	
609	42003298	7220201	Ngôn ngữ Anh	PHAN THỊ THỂ	VỸ	07/12/2002	NỮ	42	12		1	20.65	
610	45005745	7220201	Ngôn ngữ Anh	NGÔ THỊ NHƯ	XUÂN	17/09/2002	NỮ	45	01		2	22	
611	42005790	7220201	Ngôn ngữ Anh	LÂM NGỌC	YẾN	23/01/2002	NỮ	42	03		1	21.95	
612	42002493	7220201	Ngôn ngữ Anh	LÊ HOÀNG BẢO	YẾN	13/10/2002	NỮ	42	01		1	22	
613	43004033	7220201	Ngôn ngữ Anh	VŨ THỊ NHƯ	YẾN	20/09/2002	NỮ	43	09		1	23.78	
614	42002585	7229010	Lịch sử	HOÀNG MINH	ĐỨC	06/09/2001	NAM	42	01		1	23	
615	40015864	7229010	Lịch sử	NGUYỄN NGỌC GIA	HUNG	02/01/2002	NỮ	40	01		1	18	
616	42009935	7229010	Lịch sử	BÙI ĐOÀN CÔNG	TIẾN	13/10/2001	NAM	42	11		1	22.5	
617	47004050	7229030	Văn học	NGUYỄN THỊ KIM	HOA	28/01/2002	NỮ	47	08		1	21.5	
618	38002838	7229030	Văn học	THÁI ĐÌNH HOÀNG	NGÂN	23/08/2002	NỮ	38	01		1	27	
619	48021569	7229030	Văn học	TRẦN VĂN	THÔNG	28/06/2002	NAM	63	08		1	17.75	
620	45005544	7229030	Văn học	VŨ THỊ THANH	THUY	17/08/2002	NỮ	45	01		2	18	
621	29011772	7229040	Văn hóa học	NGUYỄN VĂN	DŨNG	01/03/2002	NAM	29	05		1	24	
622	28031916	7229040	Văn hóa học	LÊ THỊ	GIANG	26/02/2002	NỮ	28	26		1	22.5	
623	45000856	7229040	Văn hóa học	NGUYỄN TRUNG	HIẾU	24/10/2002	NỮ	56	02		2NT	23	
624	42006780	7229040	Văn hóa học	HỨA THỊ MỸ	LINH	18/12/2001	NỮ	42	10	01	1	22.5	
625	42009431	7229040	Văn hóa học	DƯƠNG THỊ THÙY	LOAN	23/06/2001	NỮ	42	11		1	25	
626	51007287	7229040	Văn hóa học	LÊ THỊ NGỌC	LỢI	14/07/2002	NỮ	51	02		2	23.75	
627	42004443	7229040	Văn hóa học	NGUYỄN TUẤN	PHONG	30/07/2002	NAM	42	05		1	16.75	
628	42004202	7229040	Văn hóa học	KA	THẨM	18/08/2002	NỮ	42	05	01	1	19.33	
629	42002331	7229040	Văn hóa học	TÔ NHẬT	THÀNH	18/02/2002	NAM	42	01		1	15.5	
630	42003480	7229040	Văn hóa học	KLONG HA	TRANH	15/07/2001	NAM	42	12	01	1	24.5	
631	42003888	7310301	Xã hội học	NGUYỄN THỊ BÌNH	AN	30/04/2002	NỮ	42	05		1	25.75	
632	47003951	7310301	Xã hội học	TRƯƠNG THỊ KIỀU	AN	25/03/2002	NỮ	47	08		1	18.5	
633	42006703	7310301	Xã hội học	NGUYỄN NGỌC THANH	BÌNH	23/10/2002	NAM	42	10		1	20.75	
634	40001858	7310301	Xã hội học	H HOE	BỸ	05/07/2002	NỮ	40	09	01	1	22.5	
635	42001992	7310301	Xã hội học	NGUYỄN QUỐC	CƯỜNG	10/05/2002	NAM	42	01		1	23.75	
636	42005038	7310301	Xã hội học	LƯƠNG THÀNH	ĐỖ	31/05/2001	NAM	54	01	01	1	21.75	
637	42007206	7310301	Xã hội học	LÃ VĂN	ĐƯỜNG	03/10/1999	NAM	42	10		1	16	
638	42005852	7310301	Xã hội học	ĐẶNG NGỌC	HIỆP	03/12/2002	NAM	42	03		1	21.5	
639	42001493	7310301	Xã hội học	KON SA K	HOẠCH	23/02/2001	NỮ	42	10	01	1	26	
640	42003041	7310301	Xã hội học	KƠ SẢ K'	KEM	31/01/2002	NỮ	42	06	01	1	21	
641	42004017	7310301	Xã hội học	NGUYỄN HOÀNG VỸ	KHA	16/03/2002	NAM	42	05		1	18	
642	42003374	7310301	Xã hội học	CIL HA	KHUY	07/01/2000	NAM	42	12	01	1	20.25	
643	42005892	7310301	Xã hội học	CHU QUANG	KỶ	18/03/2002	NAM	42	03	01	1	19.5	
644	42002174	7310301	Xã hội học	HUỶNH THUY TRÁ	MY	27/11/2002	NỮ	42	01		1	23.25	
645	47004134	7310301	Xã hội học	VŨ THỊ TRÚC	MY	23/10/2002	NỮ	47	08		1	17.5	
646	42003882	7310301	Xã hội học	KON SA A -	NĂN	15/04/2002	NAM	42	05	01	1	24.5	
647	42002188	7310301	Xã hội học	TRẦN NGUYỄN BÍCH	NGA	17/09/2002	NỮ	42	01		1	19.5	
648	42003416	7310301	Xã hội học	CƠ LIỀNG K'	NGOAN	20/03/2002	NỮ	42	12	01	1	22.25	
649	42005953	7310301	Xã hội học	ĐÌNH NHẬT	PHI	03/12/2002	NAM	42	03	01	1	19.5	
650	42005961	7310301	Xã hội học	NGUYỄN THÀNH	PHƯỚC	22/11/2002	NAM	42	03		1	20	
651	42002281	7310301	Xã hội học	LÊ NGUYỄN KIM	QUY	14/06/2002	NỮ	42	10		1	17.5	
652	42002306	7310301	Xã hội học	TRẦN QUANG	SÁNG	08/09/2002	NAM	42	01		1	19.75	
653	42002827	7310301	Xã hội học	LÊ VŨ HOÀNG	SƠN	06/01/2002	NAM	02	16		1	18	
654	42003113	7310301	Xã hội học	KƠ SẢ K'	THAM	01/11/2002	NAM	42	06	01	1	16.72	

STT	Số báo danh	Mã ngành	Tên ngành	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã tỉnh	Mã huyện	Đổi trạng	Khu vực	Điểm XT	Ghi chú
655	42007335	7310301	Xã hội học	RƠ JE NAI	THIÊN	25/05/2002	NỮ	42	10	01	1	25.25	
656	42004213	7310301	Xã hội học	NGUYỄN QUỐC	THỊNH	25/03/2002	NAM	42	05		1	17.25	
657	42002873	7310301	Xã hội học	ĐỖ THỊ	THÚY	16/02/2002	NỮ	42	01		1	16.75	
658	42003098	7310301	Xã hội học	ĐA DU SA RI	YA	18/01/2002	NỮ	42	06	01	1	16.25	
659	42003011	7310601	Quốc tế học	HỒ THANH	ĐẠT	22/05/2002	NAM	42	06		1	17.77	
660	42001394	7310601	Quốc tế học	KA'	DIỄN	12/03/2002	NỮ	42	10	01	1	24	
661	45001753	7310601	Quốc tế học	BÙI THỊ	MAI	04/03/2002	NỮ	45	04		2	21.75	
662	48012349	7310601	Quốc tế học	NGUYỄN PHAN NHẬT	MAI	17/07/2002	NỮ	48	04		1	20.75	
663	42006800	7310601	Quốc tế học	NGUYỄN QUANG	MINH	25/04/2002	NAM	42	10		1	24.25	
664	40011539	7310601	Quốc tế học	H MƯỜNG	MLÔ	19/08/2002	NỮ	40	07	01	1	21.75	
665	52006190	7310601	Quốc tế học	BÙI THỊ TRÀ	MY	02/09/2002	NỮ	38	05		2NT	21.75	
666	34008556	7310601	Quốc tế học	PHAN THỊ	NA	27/05/2002	NỮ	34	08		2NT	16	
667	42006821	7310601	Quốc tế học	CẦN THỊ TUYẾT	NHI	28/04/2002	NỮ	42	10		1	17.75	
668	55004228	7310601	Quốc tế học	LÊ NGUYỄN HUỖNH	NHƯ	09/04/2002	NỮ	55	04		3	23.5	
669	42010134	7310601	Quốc tế học	PHẠM THỊ THU	PHƯƠNG	09/11/2001	NỮ	42	11		1	16.25	
670	42002377	7310601	Quốc tế học	NGUYỄN SONG	TOÀN	03/10/2001	NAM	42	01		1	24.75	
671	42004881	7310601	Quốc tế học	VŨ ĐỨC	TOÀN	21/10/2002	NAM	42	03		1	23.75	
672	42005261	7310601	Quốc tế học	HÀ THỊ BẢO	TRÂM	10/11/2002	NỮ	42	03		1	19.35	
673	45003852	7310601	Quốc tế học	NGÔ BẢO	TRINH	14/03/2002	NỮ	45	03		1	17.5	
674	45004894	7310601	Quốc tế học	TRẦN THỊ THANH	TRÚC	06/05/2002	NỮ	45	03		2NT	24.5	
675	28019023	7310608	Đông phương học	PHẠM VĂN	AN	28/02/2002	NAM	28	18		2NT	19.75	
676	45004944	7310608	Đông phương học	CÁP THỊ DIỄM	ANH	01/02/2002	NỮ	45	02		1	19.8	
677	42004987	7310608	Đông phương học	LÊ THỊ MAI	ANH	06/06/2002	NỮ	18	03		1	16.25	
678	39007573	7310608	Đông phương học	TRIỆU HOÀNG LAN	ANH	25/06/2002	NỮ	39	06	01	1	25.5	
679	42002515	7310608	Đông phương học	TRỊNH NHẬT	ANH	20/10/2002	NỮ	42	01		1	20.3	
680	45000559	7310608	Đông phương học	BÁ THỊ HỒNG	ÁNH	07/05/2002	NỮ	45	04		2	17.25	
681	35010534	7310608	Đông phương học	VÔ THỊ THU	BA	26/08/2002	NỮ	35	08		1	18.65	
682	31002307	7310608	Đông phương học	NGUYỄN VIỆT	BÁC	26/03/2002	NAM	31	08		1	25	
683	42000789	7310608	Đông phương học	TRẦN QUỐC	BẢO	05/02/2002	NAM	42	01		1	21.1	
684	37010877	7310608	Đông phương học	NGUYỄN THỊ LÊ	BÌNH	08/09/2002	NỮ	37	06		2NT	24	
685	45001079	7310608	Đông phương học	THỊ	BÌNH	20/01/2002	NỮ	45	06	01	1	24	
686	38011975	7310608	Đông phương học	LINH VĂN	CAO	11/11/2002	NAM	38	08	01	1	26	
687	46004827	7310608	Đông phương học	LÊ NGỌC	CHÂU	07/07/2002	NỮ	46	10		2NT	19	
688	42000798	7310608	Đông phương học	THÔNG THÁI	CHÂU	05/11/2001	NỮ	48	04		1	20.9	
689	42001985	7310608	Đông phương học	TÔN NỮ HOÀI	CHÂU	29/08/2002	NỮ	41	01		1	21.8	
690	30000704	7310608	Đông phương học	NGUYỄN THỊ QUỲNH	CHI	24/06/2002	NỮ	30	13		1	21.25	
691	42003651	7310608	Đông phương học	NGUYỄN TRẦN LỆ	CHI	20/09/2002	NỮ	42	05		1	19.75	
692	37012383	7310608	Đông phương học	TRẦN THỊ THANH	CHÍ	22/12/2002	NỮ	37	05		1	23.75	
693	42000801	7310608	Đông phương học	BÙI THỊ	CHINH	18/03/2001	NỮ	42	01		1	18	
694	30006662	7310608	Đông phương học	VŨ CÔNG	CHUNG	05/09/2002	NAM	30	08		1	22.75	
695	30006665	7310608	Đông phương học	ĐẶNG VĂN	CƯỜNG	27/03/2002	NAM	30	08		2NT	25.5	
696	42002024	7310608	Đông phương học	TRẦN TẤN	ĐẠT	15/05/2002	NAM	42	01		1	19.75	
697	42003527	7310608	Đông phương học	TRIỆU SINH	DIỄM	01/07/2002	NAM	42	12	01	1	16.1	
698	42000805	7310608	Đông phương học	NGUYỄN THỊ XUÂN	DIỆU	02/11/2002	NỮ	42	01		1	22.08	
699	42003012	7310608	Đông phương học	BON TÔ K'	ĐIM	20/02/2002	NỮ	42	06	01	1	23	
700	40010664	7310608	Đông phương học	NGUYỄN THỊ HỒNG PHƯƠNG	ĐÔNG	08/11/2002	NỮ	40	07		1	24.27	
701	42006722	7310608	Đông phương học	TRẦN VĂN	ĐÔNG	21/09/2002	NAM	42	10		1	23.5	
702	52004000	7310608	Đông phương học	DƯƠNG NGỌC	DUNG	23/11/2002	NỮ	52	02		2	19.25	
703	28019092	7310608	Đông phương học	LÊ THÙY	DUNG	20/02/2002	NỮ	28	18		2NT	20.75	
704	26010971	7310608	Đông phương học	PHẠM THÙY	DUNG	27/01/2002	NỮ	26	05		2NT	21.1	
705	42004555	7310608	Đông phương học	PHẠM TRÍ	DỪNG	21/01/2002	NAM	42	03		1	20.25	
706	01059845	7310608	Đông phương học	PHẠM NGỌC	DƯƠNG	20/03/2002	NAM	01	22		2	22.75	
707	63001855	7310608	Đông phương học	PHAN THỊ THUỶ	DƯƠNG	03/12/2002	NỮ	63	02		1	22.75	
708	42001404	7310608	Đông phương học	K'	DUY	15/08/2002	NỮ	42	12	01	1	23.03	
709	42004337	7310608	Đông phương học	KỶ JONG PRONG NAI	DUYÊN	22/10/2002	NỮ	42	05	01	1	16.75	
710	37015655	7310608	Đông phương học	LÊ THỊ	DUYÊN	01/10/2002	NỮ	37	04		2NT	19.75	
711	42004342	7310608	Đông phương học	PỒ DUM NAI	DUYÊN	29/03/2001	NỮ	42	05	01	1	17.75	
712	42001413	7310608	Đông phương học	RỜ NẮNG H	DUYÊN	30/03/2002	NỮ	42	12	01	1	29	
713	42001435	7310608	Đông phương học	KRÁ JÁN K'	ĐUYẾT	23/09/2002	NỮ	42	06	01	1	26.25	
714	42003532	7310608	Đông phương học	K'	ÊU	29/06/2002	NỮ	42	12	01	1	20.25	

STT	Số báo danh	Mã ngành	Tên ngành	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã tỉnh	Mã huyện	Đối tượng	Khu vực	Điểm XT	Ghi chú
715	42001950	7310608	Đông phương học	KON SA K' YÔ	GHICH	04/02/2002	NỮ	42	06	01	1	23.75	
716	42005043	7310608	Đông phương học	HOÀNG THỊ TRÀ	GIANG	19/05/2002	NỮ	42	03		1	21.75	
717	37008075	7310608	Đông phương học	NGÔ HƯƠNG	GIANG	10/06/2002	NỮ	37	08		2NT	21	
718	47004016	7310608	Đông phương học	PHAN THỊ HÀ	GIANG	27/02/2002	NỮ	47	08		1	24.3	
719	31010576	7310608	Đông phương học	VÔ THỊ TRÀ	GIANG	02/12/2002	NỮ	31	07		2NT	20.1	
720	43006851	7310608	Đông phương học	NGUYỄN THỊ NGỌC	GIÀU	26/01/2002	NỮ	43	10		1	20.25	
721	42005392	7310608	Đông phương học	ĐẶNG THU	HÀ	20/06/2002	NỮ	42	03		1	21.25	
722	42004586	7310608	Đông phương học	HOÀNG THỊ THU	HÀ	14/08/2002	NỮ	42	03	01	1	24.25	
723	37008081	7310608	Đông phương học	LÊ THỊ THU	HÀ	24/04/2002	NỮ	37	08		2NT	18.25	
724	30008434	7310608	Đông phương học	PHẠM THỊ THU	HÀ	13/02/2002	NỮ	30	06		2NT	19.5	
725	42000862	7310608	Đông phương học	NGUYỄN ĐẮC MINH	HẢI	22/11/2000	NAM	42	01		1	18.25	
726	30014020	7310608	Đông phương học	BACH THI	HÀNG	06/01/2002	NỮ	30	07		1	25.25	
727	30014021	7310608	Đông phương học	BACH THI	HÀNG	20/09/2002	NỮ	30	07		1	25	
728	42012972	7310608	Đông phương học	ĐÌNH THỊ THU	HÀNG	23/09/2002	NỮ	42	08		1	20.4	
729	47003158	7310608	Đông phương học	NGUYỄN THỊ KIM	HÀNG	22/04/2002	NỮ	47	06		2	21.95	
730	33007394	7310608	Đông phương học	NGUYỄN THỊ THANH	HÀNG	03/03/2001	NỮ	33	04		2	17.55	
731	42006983	7310608	Đông phương học	HÀ THỊ	HẠNH	19/03/2002	NỮ	42	10		1	23.55	
732	41012471	7310608	Đông phương học	LƯƠNG THỊ MỸ	HẢO	28/11/2002	NỮ	41	02		1	19.5	
733	37008991	7310608	Đông phương học	ĐẶNG THỊ	HẬU	15/05/2002	NỮ	37	06		2NT	20.38	
734	42002062	7310608	Đông phương học	NGUYỄN DUY	HẬU	03/02/2002	NAM	42	01		1	21.75	
735	42001477	7310608	Đông phương học	NAI	HIANG	13/05/2002	NỮ	42	05	01	1	23.5	
736	42005059	7310608	Đông phương học	BON YÔ	HIỀN	13/06/2002	NỮ	42	03	01	1	19.25	
737	43008501	7310608	Đông phương học	LÊ THỊ THANH	HIỀN	08/02/2002	NỮ	43	05		1	24.75	
738	42005060	7310608	Đông phương học	NGUYỄN THỊ THANH	HIỀN	18/03/2002	NỮ	42	03		1	22.05	
739	28028313	7310608	Đông phương học	PHẠM THỊ	HIỀN	01/01/2002	NỮ	28	24		1	25	
740	42005423	7310608	Đông phương học	NGUYỄN TRUNG	HIẾU	08/03/2002	NAM	42	03		1	25.25	
741	47006538	7310608	Đông phương học	LƯU TRẦN TUYẾT	HOA	20/06/2002	NỮ	47	01		2	22.65	
742	40003854	7310608	Đông phương học	NGUYỄN THỊ ANH	HOÀI	22/02/2002	NỮ	40	04		1	22.5	
743	42008253	7310608	Đông phương học	BRUI KOMÉ KA	HỐI	21/10/2002	NỮ	42	04	01	1	21.03	
744	42011314	7310608	Đông phương học	LÊ THU	HUỆ	24/02/2002	NỮ	42	02		1	19.25	
745	29011902	7310608	Đông phương học	HỒ SỸ	HÙNG	19/02/2001	NAM	29	05		1	23.25	
746	28028371	7310608	Đông phương học	ĐỒNG THỊ	HƯƠNG	27/10/2002	NỮ	28	24		1	24.75	
747	43006887	7310608	Đông phương học	DƯƠNG THỊ MAI	HƯƠNG	21/07/2002	NỮ	43	10		1	23.75	
748	28028372	7310608	Đông phương học	HOÀNG THỊ	HƯƠNG	16/08/2002	NỮ	28	24		1	20.15	
749	42005881	7310608	Đông phương học	MAI THỊ THANH	HƯƠNG	12/05/2002	NỮ	42	03		1	21.15	
750	45003785	7310608	Đông phương học	NGƯ THỊ THANH	HƯƠNG	10/06/2002	NỮ	45	07	01	1	23	
751	29003641	7310608	Đông phương học	NGUYỄN THỊ	HƯƠNG	10/03/2002	NỮ	29	11		2NT	21.75	
752	45001631	7310608	Đông phương học	THÁI THỊ THU	HƯƠNG	10/09/2002	NỮ	45	01		2	16.75	
753	42006423	7310608	Đông phương học	VŨ NGỌC LAN	HƯƠNG	23/12/2002	NỮ	42	10		1	24.65	
754	42005086	7310608	Đông phương học	LÊ QUANG	HUY	06/10/2002	NAM	42	05		1	20.75	
755	42000906	7310608	Đông phương học	TRƯƠNG TRẦN QUANG	HUY	15/10/2002	NAM	42	01		1	16.97	
756	41006215	7310608	Đông phương học	ĐẶNG DIỆU	HUYỀN	08/09/2002	NỮ	41	01		1	16.5	
757	42005875	7310608	Đông phương học	ĐÌNH THỊ NGỌC	HUYỀN	20/06/2002	NỮ	42	03		1	20.75	
758	37009024	7310608	Đông phương học	LÝ BÍCH	HUYỀN	01/01/2002	NỮ	37	06		2NT	19.8	
759	30007754	7310608	Đông phương học	NGUYỄN THỊ KHÁNH	HUYỀN	01/01/2002	NỮ	30	12		2NT	19.4	
760	42011327	7310608	Đông phương học	NGUYỄN THỊ THANH	HUYỀN	28/07/2002	NỮ	42	02		1	21.5	
761	42001521	7310608	Đông phương học	TRIỆU THỊ	HUYỀN	12/10/2002	NỮ	42	10	01	1	20.75	
762	42007249	7310608	Đông phương học	K'	JEN	12/08/2002	NỮ	42	10	01	1	21	
763	42009791	7310608	Đông phương học	TRẦN CHÍ	KHANG	08/09/2002	NAM	42	11		1	19.75	
764	52004120	7310608	Đông phương học	BÙI YÊN	KHANH	04/07/2002	NỮ	52	02		2	18.75	
765	43004994	7310608	Đông phương học	LÊ HOÀI MỸ	KHANH	07/06/2002	NỮ	43	08		1	19.6	
766	42004023	7310608	Đông phương học	ĐẶNG NGỌC	KHÁNH	27/09/2002	NỮ	42	05		1	20.5	
767	02030489	7310608	Đông phương học	TRẦN HOÀNG NGUYỄN	KHÁNH	10/05/2002	NỮ	02	18		3	23.75	
768	28019205	7310608	Đông phương học	NGUYỄN DUY	KHƯƠNG	14/12/2002	NAM	28	18		2NT	19.5	
769	39001778	7310608	Đông phương học	NGÔ THỊ THÚY	KIỀU	05/01/2002	NỮ	39	04		2NT	16.7	
770	52006102	7310608	Đông phương học	NGUYỄN THỊ THANH	KIỀU	09/11/2002	NỮ	52	08		2NT	17.73	
771	63005231	7310608	Đông phương học	HOÀNG MÙI	LAI	29/01/2002	NỮ	63	06	01	1	22.75	
772	31002492	7310608	Đông phương học	ĐOÀN THỊ KIM	LÀI	08/04/2002	NỮ	31	08		2	18.25	
773	42004663	7310608	Đông phương học	NGUYỄN HOÀNG THANH	LÂM	03/10/2002	NỮ	42	03		1	23.6	
774	41005351	7310608	Đông phương học	VĂN TRÚC	LÂM	21/02/2002	NỮ	41	01		2	17	

STT	Số báo danh	Mã ngành	Tên ngành	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã tỉnh	Mã huyện	Đối tượng	Khu vực	Điểm XT	Ghi chú
775	28027166	7310608	Đông phương học	PHẠM THỊ	LIÊN	26/02/2002	NỮ	28	24		1	18.77	
776	42005899	7310608	Đông phương học	VY THỊ	LIÊU	09/07/2002	NỮ	42	03	01	1	19.75	
777	42004666	7310608	Đông phương học	ĐỖ THỊ MỸ	LINH	05/08/2002	NỮ	42	03		1	20.65	
778	42005488	7310608	Đông phương học	ĐỖ THÙY	LINH	20/05/2002	NỮ	42	03		1	17	
779	30006808	7310608	Đông phương học	DƯƠNG THỊ THÙY	LINH	25/09/2002	NỮ	30	08		2NT	18.25	
780	42003738	7310608	Đông phương học	LÊ DƯƠNG TRÚC	LINH	17/01/2002	NỮ	42	05		1	20.95	
781	42002140	7310608	Đông phương học	NGUYỄN PHƯƠNG MỸ	LINH	15/04/2002	NỮ	42	01		1	19.75	
782	42000276	7310608	Đông phương học	NGUYỄN VĂN	LINH	31/12/1996	NAM	42	01		1	25.25	
783	28025627	7310608	Đông phương học	PHẠM THỊ BẢO	LINH	01/10/2002	NỮ	28	23		2NT	18.8	
784	52001041	7310608	Đông phương học	TRẦN ANH	LINH	22/12/2002	NỮ	52	01		2	18.5	
785	42002145	7310608	Đông phương học	TRƯƠNG NGỌC THẢO	LINH	24/02/2002	NỮ	42	01		1	20	
786	50005119	7310608	Đông phương học	NGUYỄN HỒ PHƯƠNG	LOAN	26/02/2002	NỮ	50	05		2	22.85	
787	38008989	7310608	Đông phương học	NGUYỄN BẢO	LỘC	20/08/2002	NAM	38	01		1	19.5	
788	52001061	7310608	Đông phương học	NGUYỄN THỊ KIM	LỘC	20/05/2002	NỮ	52	01		2	20.75	
789	31002543	7310608	Đông phương học	TRẦN ĐỨC	LƯƠNG	16/12/2002	NAM	31	08		1	19	
790	45001749	7310608	Đông phương học	HOÀNG NGỌC HẢI	LY	18/10/2002	NỮ	45	01		2	21.35	
791	42013025	7310608	Đông phương học	HỒ THỊ THANH	MAI	25/11/2002	NỮ	42	08		1	24.5	
792	42005913	7310608	Đông phương học	HOÀNG THỊ NGỌC	MAI	22/05/2002	NỮ	42	03		1	21.25	
793	42002708	7310608	Đông phương học	NGÔ THỊ YẾN	MAI	24/01/2002	NỮ	42	01		1	18	
794	34009686	7310608	Đông phương học	TRẦN THỊ TRÚC	MAI	05/07/1996	NỮ	34	01		2	22.75	
795	39001829	7310608	Đông phương học	LƯƠNG KIỀU ĐIỂM	MI	25/12/2002	NỮ	39	04		2NT	18.35	
796	42004064	7310608	Đông phương học	NGÔ THỊ KIỀU	MI	06/03/2001	NỮ	42	05		1	20.75	
797	42007914	7310608	Đông phương học	LÊ NGUYỄN THẢO	MY	16/11/2002	NỮ	42	04		1	21	
798	53003279	7310608	Đông phương học	ĐÀO THỊ NGỌC	MỸ	02/01/2002	NỮ	53	11		2	20.5	
799	30000926	7310608	Đông phương học	HOÀNG MAI CHI	NA	18/02/2002	NỮ	30	13		1	22.5	
800	42013034	7310608	Đông phương học	ĐINH THỊ THU	NGA	23/09/2002	NỮ	42	08		1	21.25	
801	34009711	7310608	Đông phương học	NGUYỄN THỊ THÚY	NGA	18/05/2002	NỮ	34	01		2	16	
802	42004083	7310608	Đông phương học	LÊ THỊ HỒNG	NGÂN	11/10/2002	NỮ	42	05		1	22.25	
803	43002620	7310608	Đông phương học	NGUYỄN THỊ THANH	NGÂN	07/12/2002	NỮ	43	10		1	18.25	
804	39001144	7310608	Đông phương học	VÀNG KIM	NGÂN	20/05/2002	NỮ	39	02	01	1	21.7	
805	63000691	7310608	Đông phương học	VÕ THỊ THÙY	NGÂN	06/07/2002	NỮ	63	02		1	24.05	
806	42002738	7310608	Đông phương học	LÊ HIẾU	NGHĨA	08/06/2002	NAM	42	01		1	18.25	
807	42001030	7310608	Đông phương học	ĐOÀN THỊ NHƯ	NGỌC	29/07/2002	NỮ	42	01		1	18	
808	28019275	7310608	Đông phương học	LÊ THỊ	NGỌC	16/11/2002	NỮ	28	18		2NT	21	
809	42007053	7310608	Đông phương học	NGUYỄN THU	NGỌC	17/02/2002	NỮ	42	10		1	23.5	
810	40013602	7310608	Đông phương học	TRỊNH THỊ	NGỌC	03/08/2002	NỮ	40	08		1	18.75	
811	41008648	7310608	Đông phương học	NGUYỄN HUỶNH TRÍ	NGUYỄN	28/04/2002	NAM	41	01		2	24.25	
812	42010897	7310608	Đông phương học	VŨ TÙNG	NGUYỄN	16/02/2002	NAM	42	02		1	20	
813	31002599	7310608	Đông phương học	CHU THỊ ÁNH	NGUYỆT	01/01/2002	NỮ	31	02		1	21.75	
814	42005936	7310608	Đông phương học	HOÀNG THỊ ÁNH	NGUYỆT	19/08/2002	NỮ	42	03		1	17.5	
815	45001340	7310608	Đông phương học	BO THỊ	NHÃ	06/12/2002	NỮ	45	02	01	1	24	
816	44011070	7310608	Đông phương học	ĐỖ TRUNG	NHÂN	28/04/2002	NAM	44	07		2NT	18	
817	30006871	7310608	Đông phương học	LƯU VĂN	NHẬT	25/01/2002	NAM	30	08		1	20.75	
818	42008353	7310608	Đông phương học	KA	NHI	14/12/2002	NỮ	42	04	01	1	19.5	
819	42002234	7310608	Đông phương học	LÊ THỊ THỤC	NHI	28/07/2002	NỮ	42	03		1	22	
820	52004260	7310608	Đông phương học	MAI PHƯƠNG HỒNG	NHI	13/12/2002	NỮ	52	02		2	18.5	
821	42002239	7310608	Đông phương học	NGUYỄN NGỌC DUNG	NHI	07/02/2002	NỮ	42	01		1	21.05	
822	41011954	7310608	Đông phương học	NGUYỄN THỊ HOÀI	NHI	01/05/2002	NỮ	41	02		1	23.5	
823	42001066	7310608	Đông phương học	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	NHI	08/11/2002	NỮ	42	01		1	22.95	
824	53003348	7310608	Đông phương học	NGUYỄN THỊ TUYẾT	NHI	16/11/2002	NỮ	53	11		2	24	
825	28016850	7310608	Đông phương học	VŨ NGỌC	NHI	01/06/2002	NỮ	28	17		2NT	22.9	
826	36001232	7310608	Đông phương học	Y LÊ THUỶ KHA	NHI	23/07/2002	NỮ	36	01	01	1	22.85	
827	42001701	7310608	Đông phương học	CƠ LIỀNG K'	NHIÊN	04/05/2002	NỮ	42	06	01	1	24.25	
828	43005070	7310608	Đông phương học	ĐỖ THỊ QUỲNH	NHƯ	16/04/2002	NỮ	43	08		1	22.2	
829	47002431	7310608	Đông phương học	DƯƠNG THẢO	NHƯ	04/09/2002	NỮ	47	04		1	20.52	
830	24005611	7310608	Đông phương học	DƯƠNG THỊ	NHUNG	10/10/2002	NỮ	24	05		2NT	24.75	
831	30014157	7310608	Đông phương học	DƯƠNG THỊ CẨM	NHUNG	06/11/2002	NỮ	30	07		1	20.35	
832	42002767	7310608	Đông phương học	LÊ THỊ THẢO	NHUNG	18/07/2002	NỮ	42	01		1	19.32	
833	48015987	7310608	Đông phương học	PHẠM TUYẾT	NHUNG	07/12/2002	NỮ	48	04	01	1	25.32	
834	42001706	7310608	Đông phương học	MA	NHUYỄN	15/07/2002	NỮ	42	03	01	1	17.75	

STT	Số báo danh	Mã ngành	Tên ngành	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã tỉnh	Mã huyện	Đổi trạng	Khu vực	Điểm XT	Ghi chú
835	40005850	7310608	Đông phương học	H NGÕ	NIÊ	11/02/2002	NỮ	40	06	01	1	24.75	
836	42002251	7310608	Đông phương học	VŨ THỦY KHÁNH	NINH	17/09/2002	NỮ	42	01		1	24.25	
837	48016430	7310608	Đông phương học	ĐÌNH NGỌC KIỀU	OANH	28/06/2002	NỮ	48	03		1	17.25	
838	52006314	7310608	Đông phương học	NGÔ THỊ KIỀU	OANH	17/05/2001	NỮ	52	08		2NT	22	
839	42004141	7310608	Đông phương học	SU	PHI	22/02/2002	NỮ	42	05	01	1	20.25	
840	42005959	7310608	Đông phương học	ĐỖ NGỌC	PHỤNG	18/01/2002	NỮ	42	03	01	1	21.5	
841	04003171	7310608	Đông phương học	ĐẶNG NGUYỄN LAN	PHƯƠNG	17/09/2002	NỮ	04	06		2	19.47	
842	42001110	7310608	Đông phương học	LA THANH DUY	PHƯƠNG	01/11/2002	NAM	42	01		1	16.25	
843	47002447	7310608	Đông phương học	LÊ THỊ THANH	PHƯƠNG	18/01/2002	NỮ	47	04		2NT	16.5	
844	42001113	7310608	Đông phương học	NGUYỄN THỊ KHÁNH	PHƯƠNG	18/06/2002	NỮ	42	01		1	22.45	
845	52006364	7310608	Đông phương học	NGUYỄN THỊ THANH	PHƯƠNG	18/11/2002	NỮ	52	08		2NT	20	
846	39004181	7310608	Đông phương học	TRẦN THỊ BÍCH	PHƯƠNG	21/12/2002	NỮ	39	09		2NT	16.8	
847	42001116	7310608	Đông phương học	NGUYỄN THỊ ÁNH	PHƯƠNG	20/04/2002	NỮ	42	01		1	20.5	
848	45000180	7310608	Đông phương học	QUẢNG HOA CHĂM	PI	05/11/2002	NỮ	45	04	01	1	20.25	
849	39009713	7310608	Đông phương học	NGUYỄN THÀNH	QUANG	01/10/2002	NAM	39	01		2	17.87	
850	45002239	7310608	Đông phương học	ĐÌNH NGỌC KIỀU	QUYÊN	10/02/2002	NỮ	45	02		1	16.75	
851	42005971	7310608	Đông phương học	PHẠM HỒNG	QUYÊN	24/06/2002	NỮ	42	03		1	20.1	
852	42005620	7310608	Đông phương học	NGUYỄN ĐẶNG NHƯ	QUỲNH	10/05/2002	NỮ	42	03		1	20.35	
853	42004174	7310608	Đông phương học	NGUYỄN HUỲNH PHƯƠNG	QUỲNH	04/08/2002	NỮ	42	05		1	19.75	
854	42001137	7310608	Đông phương học	NGUYỄN THỊ	QUỲNH	07/10/2002	NỮ	42	01		1	21.4	
855	42009893	7310608	Đông phương học	NGUYỄN THỊ DIỄM	QUỲNH	11/06/2002	NỮ	42	11		1	21.25	
856	40018842	7310608	Đông phương học	NGUYỄN THỊ DIỄM	QUỲNH	22/02/2002	NỮ	40	01		1	18	
857	41011556	7310608	Đông phương học	NGUYỄN THỊ XUÂN	QUỲNH	18/07/2002	NỮ	41	03		2	21.47	
858	45004324	7310608	Đông phương học	PHẠM HOÀNG DIỄM	QUỲNH	12/08/2002	NỮ	45	04		2	19.75	
859	42005623	7310608	Đông phương học	PHẠM NGỌC DIỄM	QUỲNH	08/10/2002	NỮ	42	03		1	18.75	
860	42005204	7310608	Đông phương học	VÕ NHƯ	QUỲNH	26/11/2002	NỮ	40	15		1	23.25	
861	40013090	7310608	Đông phương học	VŨ THỊ NHƯ	QUỲNH	07/12/2001	NỮ	40	08		1	22.25	
862	42001769	7310608	Đông phương học	KA	RÁI	20/07/2002	NỮ	42	04	01	1	18.5	
863	42004458	7310608	Đông phương học	MA	RIU	03/04/2002	NỮ	42	05	01	1	21.75	
864	30014196	7310608	Đông phương học	ĐẶNG THỊ	SEN	20/10/2002	NỮ	30	07		1	23	
865	35009613	7310608	Đông phương học	NGUYỄN THỊ THU	SEN	22/10/2002	NỮ	35	07		2NT	21.5	
866	28020945	7310608	Đông phương học	CAO THỊ	TÂM	10/04/2002	NỮ	28	19		2NT	23.25	
867	45001413	7310608	Đông phương học	CHAMALÉA THỊ	TÂM	26/02/2000	NỮ	45	06	01	1	19.75	
868	42001154	7310608	Đông phương học	HUỲNH THỊ MINH	TÂM	27/10/2002	NỮ	42	01		1	17.57	
869	33006789	7310608	Đông phương học	TRẦN LẠI KHÁNH	TÂM	27/05/2002	NỮ	33	01		2	17.75	
870	42007102	7310608	Đông phương học	VŨ THỊ THU NHẬT	TÂN	14/11/2002	NỮ	42	10		1	17.08	
871	42001153	7310608	Đông phương học	TRẦN THẾ	TAO	15/05/2002	NAM	42	01		1	16.25	
872	30014215	7310608	Đông phương học	LÊ THỊ	THẨM	20/06/2002	NỮ	30	07		1	21.5	
873	42005220	7310608	Đông phương học	KIỀU NGỌC NHẬT	THANH	08/10/2002	NỮ	42	03		1	18.25	
874	28019348	7310608	Đông phương học	LÊ THỊ	THANH	04/12/2002	NỮ	28	18		2NT	20.75	
875	42002851	7310608	Đông phương học	NGUYỄN HOÀNG MAI	THANH	17/01/2002	NỮ	42	01		1	20.25	
876	04003669	7310608	Đông phương học	NGUYỄN HỒNG THIÊN	THANH	06/01/2002	NỮ	04	07		2	19.22	
877	28015854	7310608	Đông phương học	NGUYỄN THỊ	THANH	14/07/2002	NỮ	28	16		1	20	
878	48020374	7310608	Đông phương học	BÙI THỊ THANH	THẢO	08/02/2002	NỮ	48	13		2	21.5	
879	24001887	7310608	Đông phương học	ĐOÀN THỊ THANH	THẢO	04/03/2002	NỮ	24	01		2NT	24	
880	29016485	7310608	Đông phương học	LÊ THỊ PHƯƠNG	THẢO	22/11/2002	NỮ	42	03		2NT	23.5	
881	28028525	7310608	Đông phương học	NGUYỄN THỊ	THẢO	09/11/2002	NỮ	28	24		1	18.9	
882	02059632	7310608	Đông phương học	NGUYỄN THỊ THU	THẢO	19/06/2002	NỮ	02	12		3	18.22	
883	42001174	7310608	Đông phương học	NGUYỄN TRÚC	THẢO	18/06/2002	NỮ	42	01		1	23.4	
884	48020729	7310608	Đông phương học	PHAN THỊ THU	THẢO	07/09/2001	NỮ	48	03		2	16.5	
885	42005229	7310608	Đông phương học	TRƯƠNG HỒNG THANH	THẢO	12/11/2002	NỮ	42	05		1	20.95	
886	37012585	7310608	Đông phương học	VÕ PHƯƠNG	THẢO	04/01/2002	NỮ	37	05		1	19	
887	45001440	7310608	Đông phương học	KIỀU THỊ THIÊN	THIÊN	04/08/2002	NỮ	45	04	01	1	17.25	
888	45003273	7310608	Đông phương học	NGUYỄN THỊ MỸ	THOÀ	13/10/2002	NỮ	45	01		2NT	19	
889	28028543	7310608	Đông phương học	NGUYỄN THỊ HOÀI	THU	26/11/2002	NỮ	28	24		1	22.25	
890	28028544	7310608	Đông phương học	PHẠM THỊ	THU	18/11/2002	NỮ	28	24		1	19.15	
891	40001012	7310608	Đông phương học	LANG THỊ MINH	THƯ	20/12/2002	NỮ	40	05	01	1	20.32	
892	52004426	7310608	Đông phương học	NGUYỄN HOÀNG ANH	THƯ	17/12/2002	NỮ	52	02		2	19.25	
893	42001201	7310608	Đông phương học	NGUYỄN NGỌC ANH	THƯ	04/12/2002	NỮ	42	01		1	24.1	
894	38010298	7310608	Đông phương học	NGUYỄN THỊ MINH	THƯ	23/01/2002	NỮ	38	17		1	23	

STT	Số báo danh	Mã ngành	Tên ngành	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã tỉnh	Mã huyện	Đối tượng	Khu vực	Điểm XT	Ghi chú
895	45000318	7310608	Đông phương học	PHẠM KIỀU MINH	THƯ	28/01/2001	NỮ	45	04		1	20.75	
896	42005700	7310608	Đông phương học	TRẦN NGỌC NHÃ	THƯ	26/10/2002	NỮ	42	03		1	22.5	
897	42004852	7310608	Đông phương học	HOÀNG THỊ HIỀN	THỰC	25/06/2002	NỮ	42	03	01	1	19.85	
898	29012263	7310608	Đông phương học	HỒ THỊ	THƯƠNG	27/02/2002	NỮ	29	05		1	21.83	
899	28027398	7310608	Đông phương học	NGUYỄN THỊ	THƯƠNG	29/04/2002	NỮ	28	24		1	24.9	
900	42004481	7310608	Đông phương học	GLAM	THÚY	28/12/2002	NỮ	42	05	01	1	17.25	
901	42007125	7310608	Đông phương học	TRẦN THỊ NGỌC	THÚY	08/04/2002	NỮ	42	10		1	27.25	
902	42004853	7310608	Đông phương học	DƯƠNG XUÂN	THÙY	09/10/2002	NỮ	42	03	01	1	24.5	
903	30015049	7310608	Đông phương học	HÀ THỊ	THÙY	15/02/2002	NỮ	30	07		1	26	
904	23000663	7310608	Đông phương học	LƯƠNG THỊ	THÙY	13/02/2002	NỮ	23	01	01	1	23.25	
905	42000549	7310608	Đông phương học	NGUYỄN PHƯƠNG	THÙY	17/04/2001	NỮ	60	04		1	25.1	
906	28015871	7310608	Đông phương học	LÊ THỊ THU	THÙY	26/02/2002	NỮ	28	16		1	17.75	
907	47004855	7310608	Đông phương học	NGUYỄN THỊ THANH	THÙY	23/10/2002	NỮ	47	02		2NT	18.4	
908	42013112	7310608	Đông phương học	NGUYỄN THỊ THU	THÙY	04/02/2002	NỮ	42	08		1	23	
909	02059711	7310608	Đông phương học	VÕ THỊ HỒNG	THÙY	30/10/2002	NỮ	02	12		3	16.25	
910	42001222	7310608	Đông phương học	TÔN THẮT BẢO	TOÀN	27/05/2002	NAM	42	01		1	21.3	
911	42005712	7310608	Đông phương học	PHẠM THỊ THU	TRÀ	29/03/2002	NỮ	42	03		1	17.05	
912	42001232	7310608	Đông phương học	ĐẶNG TRẦN QUỲNH	TRÂM	30/01/1993	NỮ	42	01		1	24.25	
913	42002395	7310608	Đông phương học	LƯƠNG PHỤNG	TRÂM	05/04/2002	NỮ	42	01		1	19.25	
914	45005650	7310608	Đông phương học	NGUYỄN THỊ BÍCH	TRÂM	06/04/2002	NỮ	45	01		2	19.5	
915	42001235	7310608	Đông phương học	NGUYỄN THỊ BÍCH	TRÂM	07/10/2002	NỮ	42	01		1	23	
916	42006034	7310608	Đông phương học	NGUYỄN THỊ BÍCH	TRÂM	27/11/2002	NỮ	42	03		1	22.25	
917	45005653	7310608	Đông phương học	NGUYỄN THỊ NGỌC	TRÂM	03/06/2001	NỮ	42	10		2	20.1	
918	42002899	7310608	Đông phương học	HOÀNG NGỌC BẢO	TRẦN	17/05/2002	NỮ	42	01		1	17	
919	39001315	7310608	Đông phương học	NGUYỄN THỊ BẢO	TRẦN	20/10/2002	NỮ	39	02		1	23.75	
920	42003854	7310608	Đông phương học	TRẦN ĐẶNG HUYỀN	TRẦN	09/11/2002	NỮ	42	05		1	22.5	
921	38004429	7310608	Đông phương học	ĐINH THỊ THÙY	TRANG	17/06/2002	NỮ	38	06		1	19.25	
922	28019411	7310608	Đông phương học	DƯƠNG THỊ THÙY	TRANG	22/10/2002	NỮ	28	18		2NT	27.75	
923	38003984	7310608	Đông phương học	GIANG THÙY	TRANG	13/10/2002	NỮ	38	11		1	23.5	
924	39010022	7310608	Đông phương học	LÊ NGỌC ĐOAN	TRANG	28/12/2002	NỮ	39	01		2	24.6	
925	28019421	7310608	Đông phương học	LÊ THỊ	TRANG	08/09/2002	NỮ	28	18		2NT	16.75	
926	28028577	7310608	Đông phương học	LÊ THỊ	TRANG	18/02/2002	NỮ	28	24		1	24.5	
927	43006981	7310608	Đông phương học	NGUYỄN HỒNG	TRANG	19/04/2002	NỮ	43	10		1	21.25	
928	42009951	7310608	Đông phương học	NGUYỄN THỊ ĐOAN	TRANG	28/12/2002	NỮ	42	11		1	21	
929	39004465	7310608	Đông phương học	NGUYỄN THỊ MỸ	TRANG	22/09/2002	NỮ	39	09		2NT	19.5	
930	42002386	7310608	Đông phương học	NGUYỄN THỊ THẢO	TRANG	09/10/2002	NỮ	42	01		1	21	
931	42002387	7310608	Đông phương học	NGUYỄN THỊ THẢO	TRANG	25/11/2002	NỮ	42	01		1	18.25	
932	42009953	7310608	Đông phương học	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	23/10/2002	NỮ	42	11		1	22.25	
933	45002757	7310608	Đông phương học	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	23/10/2002	NỮ	45	07		1	18.5	
934	42011589	7310608	Đông phương học	PHẠM THU	TRANG	25/12/2002	NỮ	42	02		1	17.25	
935	28017007	7310608	Đông phương học	PHAN THỊ	TRANG	11/02/2002	NỮ	28	17		2NT	25.5	
936	31002752	7310608	Đông phương học	TRẦN THỊ HUYỀN	TRANG	08/11/2002	NỮ	31	08		1	17.5	
937	28028583	7310608	Đông phương học	TRẦN THỊ HUYỀN	TRANG	20/01/2002	NỮ	28	24		1	20	
938	42005267	7310608	Đông phương học	ĐỖ THỊ KIỀU	TRINH	14/06/2002	NỮ	42	03		1	18.1	
939	53005851	7310608	Đông phương học	NGUYỄN HUỲNH PHƯƠNG	TRINH	19/12/2002	NỮ	53	05		2NT	18.45	
940	48024618	7310608	Đông phương học	NGUYỄN THỊ BẢO	TRINH	18/08/2002	NỮ	48	05		1	19.5	
941	42001866	7310608	Đông phương học	NGUYỄN TRINH	TRINH	18/06/2002	NỮ	42	10		1	19.5	
942	42002910	7310608	Đông phương học	ĐÀO NGỌC ĐĂNG	TRÚC	08/06/2002	NỮ	42	01		1	18.75	
943	45005696	7310608	Đông phương học	HUỲNH MAI THANH	TRÚC	29/10/2002	NỮ	45	04		2	23	
944	42000660	7310608	Đông phương học	LÊ NGUYỄN PHƯƠNG	TRÚC	28/09/2002	NỮ	42	01		1	22.35	
945	42005736	7310608	Đông phương học	LÊ THỊ THANH	TRÚC	06/11/2002	NỮ	42	03		1	17.75	
946	40017615	7310608	Đông phương học	NGUYỄN THỊ THANH	TRÚC	25/03/2002	NỮ	40	01		1	19.75	
947	39002136	7310608	Đông phương học	PHẠM THỊ THANH	TRÚC	18/08/2002	NỮ	39	04		2NT	19.25	
948	42006046	7310608	Đông phương học	HOÀNG VĂN	TRUNG	18/03/2002	NAM	42	03		1	20.25	
949	42005746	7310608	Đông phương học	LÊ TRÂM BẢO	TÚ	21/05/2002	NỮ	42	03		1	22.75	
950	47004941	7310608	Đông phương học	ĐINH VĂN	TUẤN	02/10/2002	NAM	47	02		2NT	16.5	
951	28012655	7310608	Đông phương học	PHẠM MINH	TUẤN	21/09/2002	NAM	28	14	01	1	27.75	
952	52008618	7310608	Đông phương học	NGUYỄN THỊ THANH	TUYỀN	16/01/2002	NỮ	52	07		1	22.75	
953	47001475	7310608	Đông phương học	NGUYỄN THỊ THANH	TUYỀN	24/06/2002	NỮ	47	02		2NT	20.35	
954	41000808	7310608	Đông phương học	NGUYỄN THỊ ANH	TUYẾT	23/09/2002	NỮ	41	09		2	22.15	

STT	Số báo danh	Mã ngành	Tên ngành	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã tỉnh	Mã huyện	Đối tượng	Khu vực	Điểm XT	Ghi chú
955	36001340	7310608	Đông phương học	ĐỖ PHƯƠNG	UYÊN	02/03/2002	NỮ	36	01		1	17	
956	42004936	7310608	Đông phương học	HOÀNG BẢO PHƯƠNG	UYÊN	08/01/2002	NỮ	50	02	01	1	24.15	
957	42001275	7310608	Đông phương học	LÊ NGUYỄN KHÁNH	UYÊN	08/09/2002	NỮ	42	01		1	20.93	
958	42001909	7310608	Đông phương học	NGUYỄN BẢO	UYÊN	08/11/2002	NỮ	42	01		1	18.5	
959	42000702	7310608	Đông phương học	NGUYỄN TRẦN KHÁNH	UYÊN	02/11/2002	NỮ	42	01		1	22.2	
960	35008367	7310608	Đông phương học	TRẦN THỊ PHƯƠNG	UYÊN	17/03/2002	NỮ	35	06		1	22.2	
961	42006065	7310608	Đông phương học	VÕ TRẦN GIA	UYÊN	20/10/2002	NỮ	42	03		1	19.25	
962	42001283	7310608	Đông phương học	HOÀNG NGỌC KHÁNH	VÂN	26/09/2002	NỮ	42	01		1	22.95	
963	42001284	7310608	Đông phương học	LÊ THỊ HA	VÂN	10/02/2002	NỮ	42	01		1	21.3	
964	42002455	7310608	Đông phương học	NGUYỄN ĐOÀN KHOA	VÂN	18/06/2002	NAM	42	01		1	20.05	
965	42002462	7310608	Đông phương học	HOÀNG THỊ TƯỜNG	VI	15/09/2002	NỮ	42	01		1	21.55	
966	30001130	7310608	Đông phương học	MAI THỊ HUYỀN	VI	02/04/2002	NỮ	30	13		1	24	
967	37007309	7310608	Đông phương học	NGUYỄN THỊ	VIÊN	10/03/2002	NỮ	37	10		2	17.25	
968	42011670	7310608	Đông phương học	NGUYỄN ĐÌNH	VŨ	04/01/2002	NAM	42	11		1	18	
969	42011672	7310608	Đông phương học	TRẦN NGỌC	VŨ	28/10/2002	NAM	42	04		1	17	
970	42009991	7310608	Đông phương học	ĐÌNH THỊ LAN	VY	20/05/2002	NỮ	42	11		1	24.25	
971	42001304	7310608	Đông phương học	LÊ NGUYỄN KHÁNH	VY	09/11/2002	NỮ	42	01		1	20.55	
972	48027691	7310608	Đông phương học	NGUYỄN HUYỀN THOẠI	VY	29/06/2001	NỮ	48	01		2	21.7	
973	01027113	7310608	Đông phương học	NGUYỄN THANH HẠ	VY	16/05/2002	NỮ	01	02		3	19.97	
974	42008865	7310608	Đông phương học	NGUYỄN THỊ BẢO	VY	20/02/2002	NỮ	42	04		1	20.95	
975	42011682	7310608	Đông phương học	NGUYỄN THỊ LOAN	VY	29/06/2001	NỮ	42	02		1	17.75	
976	52004562	7310608	Đông phương học	NGUYỄN THỊ TƯỜNG	VY	22/05/2002	NỮ	52	02		2	18	
977	45002068	7310608	Đông phương học	PHẠM ÁI	VY	30/08/2002	NỮ	45	01		2	20	
978	42000738	7310608	Đông phương học	PHẦN THỊ HOÀI	VY	07/01/2002	NỮ	42	01		1	20.5	
979	48027887	7310608	Đông phương học	TRẦN NGUYỄN THANH	VY	06/04/2002	NỮ	48	13		2	22	
980	63004424	7310608	Đông phương học	PHẠM HẠNH	XUÂN	10/06/2002	NỮ	63	04		1	21.35	
981	42006085	7310608	Đông phương học	ĐỖ HẢI	YẾN	01/10/2002	NỮ	42	03	01	1	21.75	
982	59001296	7310608	Đông phương học	NGUYỄN PHƯƠNG HẢI	YẾN	04/07/2002	NỮ	59	01		1	20.95	
983	42003141	7310630	Việt Nam học	KỚ SẢ K' XU	GRƠ	30/08/2002	NỮ	42	06	01	1	25	
984	42011274	7310630	Việt Nam học	MA	GUỜNG	15/01/2002	NỮ	42	03		1	22.25	
985	41004515	7310630	Việt Nam học	PHAN THANH	HUY	06/06/2002	NAM	41	01		2	15.7	
986	40002032	7310630	Việt Nam học	H NGƠN	KSƠ	29/10/2002	NỮ	40	09	01	1	23.5	
987	44002285	7310630	Việt Nam học	LÊ QUANG	MINH	24/03/2000	NAM	44	11		2	24.25	
988	42007539	7310630	Việt Nam học	TRẦN THỊ AN	NGUYỄN	06/01/2002	NỮ	42	10		1	17.75	
989	37009469	7310630	Việt Nam học	LÊ THIỆU	NHÂM	25/08/2002	NỮ	37	06	06	2NT	25.5	
990	37011053	7310630	Việt Nam học	PHẠM THỊ HỒNG	NHI	25/10/2002	NỮ	37	06		2NT	22	
991	42001709	7310630	Việt Nam học	NGUYỄN NGÔ QUỲNH	NHƯ	30/03/2002	NỮ	42	01		1	15.5	
992	42008783	7310630	Việt Nam học	KA	PHẢN	08/06/2002	NỮ	42	04	01	1	22	
993	42003784	7310630	Việt Nam học	TRỊNH HỒNG	PHÚC	30/07/2002	NAM	42	05		1	21.5	
994	42006520	7310630	Việt Nam học	TRƯƠNG THỊ DIỄM	PHÚC	19/06/2002	NỮ	42	10		1	16.25	
995	42006528	7310630	Việt Nam học	TÔNG K' HỒNG	PHƯƠNG	17/08/2002	NỮ	42	10	01	1	20	
996	42004220	7310630	Việt Nam học	NGUYỄN THỊ	THÚY	11/08/2002	NỮ	29	16		1	25	
997	55004316	7310630	Việt Nam học	BÙI THỊ NGỌC	TRÂM	24/08/2002	NỮ	55	04		3	19.25	
998	41003532	7310630	Việt Nam học	NGUYỄN NGỌC BẢO	TRÂM	21/07/2002	NỮ	41	04		2NT	16.5	
999	42002397	7310630	Việt Nam học	NGUYỄN THỊ THẢO	TRÂM	26/11/2001	NỮ	42	01		1	15.75	
1000	42004913	7310630	Việt Nam học	LƯƠNG THỊ DIỆU	TRINH	29/01/2002	NỮ	42	03		1	18.58	
1001	42004308	7310630	Việt Nam học	NGUYỄN THỊ THANH	XUÂN	10/04/2002	NỮ	42	05		1	24.75	
1002	48000055	7340101	Quản trị kinh doanh	LƯU KIM	AN	06/12/2002	NỮ	42	01		2	20.15	
1003	41005000	7340101	Quản trị kinh doanh	NGUYỄN GIA	AN	26/09/2002	NỮ	41	01		2	19.9	
1004	42003633	7340101	Quản trị kinh doanh	CAO THỊ QUỲNH	ANH	13/08/2002	NỮ	42	05		1	17.8	
1005	02009262	7340101	Quản trị kinh doanh	CHU HUỲNH VŨ HOÀNG	ANH	02/04/2002	NỮ	02	07		1	21.85	
1006	43004425	7340101	Quản trị kinh doanh	ĐÌNH TỬ	ANH	18/10/2002	NỮ	43	08		1	19.9	
1007	42000018	7340101	Quản trị kinh doanh	LÊ DIỆP	ANH	10/01/2002	NỮ	42	01		1	21.95	
1008	02037694	7340101	Quản trị kinh doanh	LÊ VÔ PHƯƠNG	ANH	25/11/2002	NỮ	02	12		3	17.08	
1009	40008562	7340101	Quản trị kinh doanh	NGUYỄN ĐỨC	ANH	09/05/2001	NAM	40	10		1	19.25	
1010	42002508	7340101	Quản trị kinh doanh	NGUYỄN HỒ TUẤN	ANH	21/07/2002	NAM	42	01		1	21.8	
1011	42010631	7340101	Quản trị kinh doanh	NGUYỄN TRÂM	ANH	14/07/2002	NỮ	42	02		1	23.35	
1012	10007400	7340101	Quản trị kinh doanh	PHẠM TUẤN	ANH	13/07/2002	NAM	10	11	01	1	22	
1013	42011172	7340101	Quản trị kinh doanh	TRẦN NGỌC TRÂM	ANH	02/04/2002	NỮ	42	02		1	22.1	
1014	42003904	7340101	Quản trị kinh doanh	BÙI THỊ NGỌC	ÁNH	24/06/2002	NỮ	42	05		1	21.45	

STT	Số báo danh	Mã ngành	Tên ngành	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã tỉnh	Mã huyện	Đối tượng	Khu vực	Điểm XT	Ghi chú
1015	42004996	7340101	Quản trị kinh doanh	LÊ THỊ NGỌC	ÁNH	16/11/2002	NỮ	42	03		1	20.05	
1016	42003913	7340101	Quản trị kinh doanh	CAO XUÂN	BÁC	05/03/2002	NAM	42	05		1	22.95	
1017	42000047	7340101	Quản trị kinh doanh	MAI GIA	BẢO	07/09/2002	NAM	42	01		1	19.8	
1018	42002523	7340101	Quản trị kinh doanh	NGÔ DUY	BẢO	18/06/2002	NAM	42	01		1	18.38	
1019	42011192	7340101	Quản trị kinh doanh	NGUYỄN NGỌC	BÍCH	11/05/2002	NỮ	42	11		1	17.57	
1020	42008884	7340101	Quản trị kinh doanh	K'	BRA	06/04/2002	NAM	42	04	01	1	19.35	
1021	42007180	7340101	Quản trị kinh doanh	LÊ HỮU	CÁNH	10/12/2002	NAM	42	10		1	19.42	
1022	52001812	7340101	Quản trị kinh doanh	LÊ MINH	CHÂU	10/04/2002	NỮ	52	01		2NT	18.08	
1023	42007704	7340101	Quản trị kinh doanh	NGUYỄN THỊ NGỌC	CHI	01/01/2002	NỮ	42	04		1	17.5	
1024	42009258	7340101	Quản trị kinh doanh	PHÙNG DANH	CHUNG	24/01/2002	NAM	42	11		1	20.7	
1025	29001204	7340101	Quản trị kinh doanh	ĐẶNG VĂN	CÔNG	07/02/2002	NAM	29	14		2NT	17.15	
1026	29018872	7340101	Quản trị kinh doanh	NGUYỄN VĂN	CỰ	13/02/2002	NAM	29	06		1	23.85	
1027	42000096	7340101	Quản trị kinh doanh	LÊ LAM	ĐAN	17/08/2002	NỮ	42	01		1	19.95	
1028	42000831	7340101	Quản trị kinh doanh	NGUYỄN HỒ VY	ĐAN	15/03/2002	NỮ	42	01		1	21.4	
1029	42000832	7340101	Quản trị kinh doanh	ĐẶNG HỮU	ĐẠT	28/07/2002	NAM	42	01		1	21.1	
1030	42002567	7340101	Quản trị kinh doanh	HỒ NGUYỄN XUÂN	ĐẠT	12/02/2002	NAM	42	01		1	18.25	
1031	42002023	7340101	Quản trị kinh doanh	PHÙNG TIẾN	ĐẠT	03/03/2002	NAM	42	01		1	18.3	
1032	42011213	7340101	Quản trị kinh doanh	ĐỖ PHƯƠNG THU	DIỄM	06/08/2002	NỮ	42	02		1	18.7	
1033	42007716	7340101	Quản trị kinh doanh	KA THIÊN	DIỄM	24/03/2002	NỮ	42	04	01	1	18.03	
1034	39004566	7340101	Quản trị kinh doanh	NGUYỄN THỊ THÚY	DIỄM	20/10/2002	NỮ	39	10		2NT	19.4	
1035	39004568	7340101	Quản trị kinh doanh	TRẦN NGUYỄN KIỀU	DIỄM	23/04/2002	NỮ	39	10		2NT	17.48	
1036	42000804	7340101	Quản trị kinh doanh	DƯƠNG MINH	DIỆU	09/01/2002	NỮ	42	01		1	21.25	
1037	40014530	7340101	Quản trị kinh doanh	NGUYỄN PHẠM THÙY	DIỆU	08/07/2002	NỮ	40	01		1	19.55	
1038	42006106	7340101	Quản trị kinh doanh	TA ĐỖ HOÀNG	DIỆU	20/12/2002	NỮ	42	03		1	20.95	
1039	42005017	7340101	Quản trị kinh doanh	BON KHO	DU	02/06/2002	NAM	42	05	01	1	18.7	
1040	22002705	7340101	Quản trị kinh doanh	TRẦN MINH	ĐỨC	09/01/2002	NAM	22	06		2NT	22.2	
1041	42004581	7340101	Quản trị kinh doanh	VŨ MINH	ĐỨC	18/10/2002	NAM	42	03		1	21.35	
1042	40010568	7340101	Quản trị kinh doanh	HỨA TRIỆU TẤN	DUY	02/02/2002	NAM	40	07	01	1	20	
1043	42002004	7340101	Quản trị kinh doanh	HUYỄN NHẬT	DUY	28/01/2002	NAM	42	01		1	18.4	
1044	42005368	7340101	Quản trị kinh doanh	LƯU PHƯỚC	DUYÊN	24/10/2002	NỮ	42	03	01	1	22.15	
1045	42000112	7340101	Quản trị kinh doanh	ĐÀO THỊ HƯƠNG	GIANG	18/08/2002	NỮ	42	01		1	25.5	
1046	28028289	7340101	Quản trị kinh doanh	NGUYỄN THỊ	GIANG	27/10/2002	NỮ	28	24		1	18.65	
1047	42010045	7340101	Quản trị kinh doanh	PHẠM LÝ HƯƠNG	GIANG	22/10/2001	NỮ	42	11		1	21.35	
1048	42009746	7340101	Quản trị kinh doanh	K'	GÓS	13/03/2001	NAM	42	11	01	1	17.4	
1049	43006054	7340101	Quản trị kinh doanh	BÙI THỊ NGỌC	HÂN	01/03/2002	NỮ	43	11		1	17.95	
1050	42003023	7340101	Quản trị kinh doanh	KRA JÃN JECK	HÂN	16/08/2002	NAM	42	06	01	1	18	
1051	42006736	7340101	Quản trị kinh doanh	BÙI THỊ THU	HÃNG	01/11/2002	NỮ	42	10		1	19.7	
1052	42000864	7340101	Quản trị kinh doanh	LÊ THỊ THÚY	HÃNG	02/10/2002	NỮ	42	01		1	18.4	
1053	42008234	7340101	Quản trị kinh doanh	NGUYỄN THỊ HỒNG	HẠNH	22/07/2002	NỮ	42	04		1	17.45	
1054	42007446	7340101	Quản trị kinh doanh	TRẦN HOÀNG Ý	HẬU	15/12/2002	NỮ	42	10		1	19.75	
1055	42003025	7340101	Quản trị kinh doanh	RÓ ỜNG	HENRY	14/03/2002	NAM	42	06	01	1	22.4	
1056	42007450	7340101	Quản trị kinh doanh	NGUYỄN THỊ MỸ	HIỀN	28/03/2002	NỮ	42	10		1	22.25	
1057	42000144	7340101	Quản trị kinh doanh	PHẠM THỊ MINH	HIỀN	30/04/2002	NỮ	42	01		1	19.85	
1058	42004610	7340101	Quản trị kinh doanh	TRẦN THỊ THÁO	HIỀN	29/10/2002	NỮ	42	03		1	19.7	
1059	21013557	7340101	Quản trị kinh doanh	TRƯƠNG THỊ THU	HIỀN	25/11/2002	NỮ	21	02		2	17.65	
1060	43006871	7340101	Quản trị kinh doanh	LÊ TRỌNG	HIẾU	03/12/2002	NAM	43	10		1	20.65	
1061	52004081	7340101	Quản trị kinh doanh	TRƯƠNG THỊ MINH	HIẾU	25/06/2002	NỮ	52	02	06	2	23.1	
1062	63002409	7340101	Quản trị kinh doanh	H -	HOA	18/07/2002	NỮ	63	05	01	1	18.35	
1063	42011786	7340101	Quản trị kinh doanh	TRẦN NGỌC	HÒA	16/06/2002	NAM	42	02		1	21.6	
1064	42005429	7340101	Quản trị kinh doanh	CHU MINH	HOÀNG	08/10/2002	NAM	42	03	01	1	18.23	
1065	42002625	7340101	Quản trị kinh doanh	NGUYỄN VĂN	HOÀNG	15/10/2002	NAM	42	01		1	21.3	
1066	41008204	7340101	Quản trị kinh doanh	NGUYỄN VĂN HUY	HOÀNG	07/05/2002	NAM	41	01		2	20.5	
1067	45000898	7340101	Quản trị kinh doanh	VĂN THÀNH	HOÀNG	09/07/2002	NAM	45	01		2	18.6	
1068	42001503	7340101	Quản trị kinh doanh	VŨ HUY	HOÀNG	25/01/2002	NAM	42	01		1	27.75	
1069	48007737	7340101	Quản trị kinh doanh	NGUYỄN THỊ	HỒNG	11/12/2000	NỮ	48	07		1	21.2	
1070	47005906	7340101	Quản trị kinh doanh	NGUYỄN THỊ	HUỆ	30/01/2002	NỮ	47	03		2	19.95	
1071	42008969	7340101	Quản trị kinh doanh	LÊ	HÙNG	15/11/2001	NAM	42	04		1	19.65	
1072	42005868	7340101	Quản trị kinh doanh	NGUYỄN XUÂN	HÙNG	29/08/2002	NAM	42	03		1	23.35	
1073	42005077	7340101	Quản trị kinh doanh	PHẠM VĂN	HÙNG	07/04/2002	NAM	42	03		1	17.45	
1074	42000177	7340101	Quản trị kinh doanh	TÔ ĐÌNH	HÙNG	14/06/2002	NAM	42	01		1	23.55	

STT	Số báo danh	Mã ngành	Tên ngành	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã tỉnh	Mã huyện	Đối tượng	Khu vực	Điểm XT	Ghi chú
1075	38006722	7340101	Quản trị kinh doanh	CAO THỊ QUỲNH	HƯƠNG	03/08/2002	NỮ	38	04		1	20.68	
1076	42000208	7340101	Quản trị kinh doanh	TRẦN THỊ THANH	HƯƠNG	10/06/2002	NỮ	42	01		1	19.12	
1077	42002638	7340101	Quản trị kinh doanh	HOÀNG TRỌNG	HUY	11/03/2002	NAM	42	01		1	18.57	
1078	35005333	7340101	Quản trị kinh doanh	PHẠM GIA	HUY	10/04/2002	NAM	35	03		2	17.15	
1079	42007471	7340101	Quản trị kinh doanh	VŨ QUANG	HUY	17/05/2002	NAM	42	10		1	19.7	
1080	42010065	7340101	Quản trị kinh doanh	HOÀNG MỸ THU	HUYỀN	15/12/2002	NỮ	42	11		1	19.85	
1081	42005877	7340101	Quản trị kinh doanh	LƯƠNG ĐẶNG NGỌC	HUYỀN	12/10/2002	NỮ	42	03		1	18.75	
1082	42002116	7340101	Quản trị kinh doanh	NGUYỄN HOÀNG	KHANG	06/12/2002	NAM	42	01		1	24.45	
1083	42007253	7340101	Quản trị kinh doanh	HÀ PHƯỚC DUY	KHANH	23/11/2002	NAM	42	10		1	21.55	
1084	42011340	7340101	Quản trị kinh doanh	NGÔ BẢO	KHANH	05/10/2002	NAM	47	04		1	17.3	
1085	42011341	7340101	Quản trị kinh doanh	PHẠM NGỌC	KHANH	11/08/2002	NỮ	42	11		1	19.35	
1086	42002666	7340101	Quản trị kinh doanh	NGUYỄN QUỐC	KHÁNH	23/01/2002	NAM	42	10		1	21.55	
1087	42007255	7340101	Quản trị kinh doanh	NGUYỄN VĂN	KHÁNH	25/07/2002	NAM	42	10		1	17.67	
1088	42000235	7340101	Quản trị kinh doanh	NGUYỄN ĐỨC ANH	KHOA	25/11/2002	NAM	42	01		1	19.4	
1089	42003725	7340101	Quản trị kinh doanh	PHẠM ANH	KHOA	22/06/2002	NAM	42	05		1	19.95	
1090	42000238	7340101	Quản trị kinh doanh	VÕ ĐĂNG	KHOA	17/12/2001	NAM	42	01		1	18.1	
1091	42004397	7340101	Quản trị kinh doanh	NGUYỄN ANH	KHÔI	06/10/2002	NAM	42	05		1	19.65	
1092	42004033	7340101	Quản trị kinh doanh	NGUYỄN ĐIỂM	KIỀU	18/08/2002	NỮ	42	05		1	17.92	
1093	42009402	7340101	Quản trị kinh doanh	PHAN THỊ	KIỀU	01/04/2001	NỮ	42	11	01	1	18.88	
1094	52004132	7340101	Quản trị kinh doanh	ĐẶNG LÃ BẢO	KIM	14/11/2002	NAM	52	02		2	17.15	
1095	39005043	7340101	Quản trị kinh doanh	HUYỀN THỊ THÚY	LÀI	17/06/2002	NỮ	39	10		2NT	17.25	
1096	42004403	7340101	Quản trị kinh doanh	BÙI LÊ	LÂM	06/08/2002	NAM	42	05		1	17.78	
1097	42002686	7340101	Quản trị kinh doanh	HỒ NGỌC	LÂM	20/12/2002	NAM	42	01		1	20.5	
1098	41001236	7340101	Quản trị kinh doanh	LÊ THỊ BÍCH	LÂM	30/01/2001	NỮ	41	06		2	22.7	
1099	42005480	7340101	Quản trị kinh doanh	NGUYỄN VĂN	LÂM	15/03/2002	NAM	41	06		1	17.48	
1100	42011365	7340101	Quản trị kinh doanh	TRẦN THỊ	LAN	23/10/2002	NỮ	42	02		1	19.45	
1101	42009407	7340101	Quản trị kinh doanh	KA	LÀNH	07/02/2002	NỮ	42	11	01	1	18.87	
1102	42004664	7340101	Quản trị kinh doanh	ĐÀM THỊ BÍCH	LIÊN	30/01/2002	NỮ	42	03	01	1	23.35	
1103	42001582	7340101	Quản trị kinh doanh	ĐÀO NGUYỄN GIA	LINH	10/06/2002	NỮ	42	01		1	19.5	
1104	42000965	7340101	Quản trị kinh doanh	ĐỖ VŨ PHƯƠNG	LINH	11/09/2002	NỮ	42	01		1	24.75	
1105	04001686	7340101	Quản trị kinh doanh	ĐOÀN KHÁNH	LINH	01/03/2002	NỮ	04	01		3	18.75	
1106	42000269	7340101	Quản trị kinh doanh	DƯƠNG LÊ THÙY	LINH	06/02/2002	NỮ	42	01		1	22.55	
1107	42000968	7340101	Quản trị kinh doanh	LÊ VƯƠNG NHẬT	LINH	06/08/2002	NỮ	42	01		1	23.1	
1108	17005084	7340101	Quản trị kinh doanh	LÝ DIỆU	LINH	24/06/2002	NỮ	17	02		2	19.05	
1109	42000979	7340101	Quản trị kinh doanh	PHẠM NGUYỄN HOÀI	LINH	02/09/2002	NỮ	42	01		1	24.05	
1110	42001586	7340101	Quản trị kinh doanh	TRẦN HÀ KHÁNH	LINH	10/10/2002	NỮ	42	01		1	22.6	
1111	47000349	7340101	Quản trị kinh doanh	TRẦN THỊ NHẢ	LINH	16/08/2002	NỮ	47	03		2	19.35	
1112	25001570	7340101	Quản trị kinh doanh	VŨ MAI	LINH	19/10/2002	NỮ	25	01		2	18.85	
1113	42011383	7340101	Quản trị kinh doanh	ĐẶNG THỊ	LOAN	08/06/2002	NỮ	42	02		1	22.5	
1114	42004050	7340101	Quản trị kinh doanh	TRẦN VĂN	LỢI	03/12/2002	NAM	42	05		1	22.25	
1115	42002156	7340101	Quản trị kinh doanh	TRƯƠNG MINH	LỢI	17/05/2002	NAM	42	01		1	21.95	
1116	42008561	7340101	Quản trị kinh doanh	TRẦN ĐÌNH	LUÂN	04/12/2002	NAM	42	04		1	20.32	
1117	42004408	7340101	Quản trị kinh doanh	BỜ JUM NAI	LUYẾN	25/03/2002	NỮ	42	05	01	1	19.7	
1118	42004052	7340101	Quản trị kinh doanh	CHÂU QUANG	LY	07/05/2002	NỮ	42	05	01	1	20.87	
1119	42004697	7340101	Quản trị kinh doanh	NGUYỄN THÁI TRÚC	LY	08/05/2002	NỮ	42	03		1	20.65	
1120	42011395	7340101	Quản trị kinh doanh	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	LY	22/06/2002	NỮ	42	11		1	21.4	
1121	42002160	7340101	Quản trị kinh doanh	TRẦN VÕ KHÁNH	LY	07/12/2002	NỮ	42	01		1	21.65	
1122	42004700	7340101	Quản trị kinh doanh	NGUYỄN LÊ PHƯƠNG	MAI	09/05/2002	NỮ	42	03		1	19.4	
1123	38007913	7340101	Quản trị kinh doanh	NGUYỄN THỊ NGỌC	MAI	28/06/2002	NỮ	38	09		1	24.5	
1124	42008327	7340101	Quản trị kinh doanh	NRÔNG NDÔNG K'	MÉT	21/05/2002	NAM	42	04	01	1	19.92	
1125	42005144	7340101	Quản trị kinh doanh	NGUYỄN THANH	MINH	29/09/2002	NAM	42	03		1	19.15	
1126	42007518	7340101	Quản trị kinh doanh	NGUYỄN THỊ ĐIỂM	MY	17/11/2002	NỮ	42	10		1	18.05	
1127	42004718	7340101	Quản trị kinh doanh	PHẠM THỊ TRÀ	MY	25/02/2002	NỮ	42	03		1	19.65	
1128	04005132	7340101	Quản trị kinh doanh	PHAN NGUYỄN THẢO	MY	23/12/2002	NỮ	04	02		3	24.95	
1129	42000325	7340101	Quản trị kinh doanh	TRẦN LÊ ĐIỂM	MY	22/02/2002	NỮ	42	01		1	21.35	
1130	42002723	7340101	Quản trị kinh doanh	ĐẶNG PHƯƠNG	NAM	28/08/2002	NAM	42	01		1	19.47	
1131	42008756	7340101	Quản trị kinh doanh	LÊ VĂN	NAM	18/04/2002	NAM	42	04		1	18.2	
1132	42005923	7340101	Quản trị kinh doanh	NGUYỄN HỒ	NAM	14/09/2002	NAM	42	03		1	17.7	
1133	16008080	7340101	Quản trị kinh doanh	NGUYỄN HUỲNH	NAM	27/11/2002	NAM	16	05		2NT	21.35	
1134	42002728	7340101	Quản trị kinh doanh	NGUYỄN PHƯƠNG	NAM	21/12/2002	NAM	42	01		1	18.13	

STT	Số báo danh	Mã ngành	Tên ngành	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã tỉnh	Mã huyện	Đối tượng	Khu vực	Điểm XT	Ghi chú
1135	42001011	7340101	Quản trị kinh doanh	TRƯƠNG ĐÌNH NHẬT	NAM	30/09/2002	NAM	42	01		1	20.7	
1136	17007693	7340101	Quản trị kinh doanh	VŨ VĂN	NAM	23/09/2002	NAM	17	01		2	19.95	
1137	42002733	7340101	Quản trị kinh doanh	ĐẶNG THỊ KIM	NGÂN	26/11/2002	NỮ	42	01		1	20.2	
1138	42000341	7340101	Quản trị kinh doanh	NGUYỄN NGỌC KHÁNH	NGÂN	11/08/2002	NỮ	42	01		1	20.85	
1139	42002190	7340101	Quản trị kinh doanh	NGUYỄN NGỌC THANH	NGÂN	08/09/2002	NỮ	42	01		1	19.1	
1140	42000342	7340101	Quản trị kinh doanh	NGUYỄN THỊ LÝ KHÁNH	NGÂN	17/12/2002	NỮ	42	01		1	18.2	
1141	42009460	7340101	Quản trị kinh doanh	TRẦN NGỌC MỸ	NGÂN	16/12/2002	NỮ	42	11		1	21.3	
1142	45004213	7340101	Quản trị kinh doanh	NGUYỄN ĐẶNG NHÂN	NGHĨA	21/08/2002	NAM	45	01		2	18.35	
1143	42001031	7340101	Quản trị kinh doanh	ĐỖ NHƯ	NGỌC	05/09/2002	NỮ	42	01		1	25.3	
1144	42000354	7340101	Quản trị kinh doanh	ĐỖ THỊ	NGỌC	03/08/2002	NỮ	42	01		1	23	
1145	43002630	7340101	Quản trị kinh doanh	LÊ THỊ	NGỌC	20/07/2001	NỮ	43	11		1	24.1	
1146	42000359	7340101	Quản trị kinh doanh	NGUYỄN ĐOÀN NHƯ	NGỌC	11/08/2002	NỮ	42	01		1	21.9	
1147	43002639	7340101	Quản trị kinh doanh	BÙI THANH	NGUYỄN	12/07/2002	NAM	43	07		1	20	
1148	41003440	7340101	Quản trị kinh doanh	NGUYỄN LÊ	NGUYỄN	02/12/2002	NAM	41	04		2NT	22.5	
1149	42000371	7340101	Quản trị kinh doanh	NGUYỄN TRẦN THẢO	NGUYỄN	27/05/2002	NỮ	42	01		1	23.9	
1150	42007294	7340101	Quản trị kinh doanh	NÔNG ĐẠI	NGUYỄN	27/02/2002	NAM	42	10	01	1	18.95	
1151	42002220	7340101	Quản trị kinh doanh	NGUYỄN DANH	NHÂN	08/03/2002	NAM	42	01		1	21.3	
1152	42002223	7340101	Quản trị kinh doanh	TRẦN ĐẮC TRÍ	NHÂN	28/07/2002	NAM	42	01		1	21.8	
1153	42002227	7340101	Quản trị kinh doanh	LƯƠNG MINH	NHẬT	12/09/2002	NAM	42	01		1	21.15	
1154	45002174	7340101	Quản trị kinh doanh	LÊ THỊ PHƯƠNG	NHI	07/02/2002	NỮ	45	02		2NT	22.5	
1155	42002237	7340101	Quản trị kinh doanh	NGÔ QUỲNH Ý	NHI	14/01/2002	NỮ	42	01		1	23.85	
1156	42009042	7340101	Quản trị kinh doanh	NGUYỄN THỊ Ý	NHI	14/06/2002	NỮ	42	04		1	20.8	
1157	42003772	7340101	Quản trị kinh doanh	PHẠM THỤY UYÊN	NHI	16/10/2002	NỮ	42	05		1	22.5	
1158	42001068	7340101	Quản trị kinh doanh	TRẦN HOÀNG THẢO	NHI	14/05/2002	NỮ	42	01		1	23.45	
1159	42008777	7340101	Quản trị kinh doanh	TRƯƠNG THỊ THẢO	NHI	27/07/2002	NỮ	42	04		1	23.4	
1160	37015457	7340101	Quản trị kinh doanh	HỒ QUANG	NHƠN	16/11/2001	NAM	37	04		2NT	17.9	
1161	42003775	7340101	Quản trị kinh doanh	LÊ QUỲNH	NHƯ	20/04/2002	NỮ	42	05		1	21.05	
1162	42001086	7340101	Quản trị kinh doanh	NGUYỄN THỰC QUỲNH	NHƯ	17/02/2002	NỮ	42	01		1	21.7	
1163	42008780	7340101	Quản trị kinh doanh	PHAN ĐẶNG QUỲNH	NHƯ	30/09/2002	NỮ	42	04		1	17.8	
1164	45005264	7340101	Quản trị kinh doanh	TRỊNH HUỲNH	NHƯ	19/06/2002	NỮ	45	01		2	19.5	
1165	42009866	7340101	Quản trị kinh doanh	ĐỖ HỒNG	NHUNG	18/03/2002	NỮ	42	11		1	18.28	
1166	42001077	7340101	Quản trị kinh doanh	LÊ THỊ XUÂN	NHUNG	20/06/2002	NỮ	42	01		1	18.37	
1167	39009580	7340101	Quản trị kinh doanh	BÁ SO HAN	NI	19/12/2002	NỮ	39	05	01	1	22.05	
1168	43006226	7340101	Quản trị kinh doanh	NGUYỄN KỶ ANH	PHÁT	22/07/2002	NAM	43	11		1	18.75	
1169	45004269	7340101	Quản trị kinh doanh	TÔ NGUYỄN THIỆN	PHÁT	12/12/2002	NAM	45	04		2	17.5	
1170	42002777	7340101	Quản trị kinh doanh	NGUYỄN ĐOÀN THANH	PHONG	23/11/2002	NAM	42	01		1	19.2	
1171	42009511	7340101	Quản trị kinh doanh	VÔ TẤN	PHÚ	01/01/2002	NAM	42	11		1	21.15	
1172	42002786	7340101	Quản trị kinh doanh	TRẦN THỊ HỒNG	PHÚC	12/03/2002	NỮ	42	01		1	18.5	
1173	42002787	7340101	Quản trị kinh doanh	LÊ HOÀNG BẢO	PHỤNG	30/12/2002	NAM	42	01		1	18.78	
1174	42000438	7340101	Quản trị kinh doanh	ĐÌNH LÊ HÀ	PHƯƠNG	28/06/2002	NỮ	42	01		1	23.45	
1175	42004150	7340101	Quản trị kinh doanh	HỖ LÊ	PHƯƠNG	19/08/2002	NỮ	42	05	01	1	21.65	
1176	38011746	7340101	Quản trị kinh doanh	LÊ NGUYỄN NHƯ	PHƯƠNG	11/04/2001	NỮ	38	03		1	20.9	
1177	37006459	7340101	Quản trị kinh doanh	LÊ QUẾ	PHƯƠNG	17/12/2002	NỮ	37	10		2	20.1	
1178	45003173	7340101	Quản trị kinh doanh	NGÔ THỊ THANH	PHƯƠNG	13/11/2002	NỮ	45	03		2NT	21.7	
1179	42001115	7340101	Quản trị kinh doanh	TRẦN THỊ MINH	PHƯƠNG	17/01/2002	NỮ	42	01		1	23.95	
1180	42008384	7340101	Quản trị kinh doanh	KA	PHƯỜNG	23/01/2002	NỮ	42	04	01	1	22.1	
1181	42006527	7340101	Quản trị kinh doanh	PHAN NGUYỄN BÍCH	PHƯỜNG	01/07/2002	NỮ	42	10		1	17.55	
1182	42000444	7340101	Quản trị kinh doanh	VÔ MINH	PHƯỜNG	13/11/2002	NỮ	42	01		1	24.7	
1183	42006206	7340101	Quản trị kinh doanh	MA	PÔI	07/08/2002	NỮ	42	03	01	1	23.5	
1184	42002801	7340101	Quản trị kinh doanh	DOÃN MINH	QUẢN	27/09/2002	NAM	42	01		1	19.18	
1185	42002802	7340101	Quản trị kinh doanh	HUỶNH NHẬT	QUẢN	26/03/2002	NAM	42	01		1	17.57	
1186	42006533	7340101	Quản trị kinh doanh	NGUYỄN VỸ	QUẢN	23/12/2002	NAM	42	10		1	20.25	
1187	42009524	7340101	Quản trị kinh doanh	ĐỖ NHẬT	QUANG	13/03/2002	NAM	42	11		1	20.08	
1188	42002797	7340101	Quản trị kinh doanh	NGUYỄN ĐĂNG	QUANG	26/06/2002	NAM	42	01		1	22.95	
1189	42004796	7340101	Quản trị kinh doanh	HÀ NGUYỆT	QUẾ	18/08/2002	NỮ	42	03	01	1	23.7	
1190	42002286	7340101	Quản trị kinh doanh	NGUYỄN TRẦN DIỆU	QUYÊN	16/02/2002	NỮ	42	01		1	23.3	
1191	42002290	7340101	Quản trị kinh doanh	TRẦN MỸ	QUYÊN	01/10/2002	NỮ	42	01		1	22.4	
1192	42000471	7340101	Quản trị kinh doanh	VÔ TRẦN THẢO	QUYÊN	12/09/2002	NỮ	42	01		1	23	
1193	42004170	7340101	Quản trị kinh doanh	VŨ NGUYỄN BẢO	QUYÊN	01/07/2002	NỮ	42	05		1	19.55	
1194	42002292	7340101	Quản trị kinh doanh	ĐỖ THỊ TRÚC	QUỲNH	12/09/2002	NỮ	42	01		1	20.9	

STT	Số báo danh	Mã ngành	Tên ngành	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã tỉnh	Mã huyện	Đổi trạng	Khu vực	Điểm XT	Ghi chú
1195	42002815	7340101	Quản trị kinh doanh	LÊ THỊ THẢO	QUỲNH	23/12/2002	NỮ	42	01		1	18.02	
1196	09006269	7340101	Quản trị kinh doanh	LƯU ĐIỂM	QUỲNH	10/10/2002	NỮ	09	07	01	1	25.25	
1197	42001135	7340101	Quản trị kinh doanh	NGÔ THỊ ĐIỂM	QUỲNH	22/11/2002	NỮ	42	01		1	22	
1198	42002820	7340101	Quản trị kinh doanh	PHẠM NHƯ	QUỲNH	17/12/2002	NỮ	42	01		1	19.1	
1199	39006260	7340101	Quản trị kinh doanh	TRẦN MAI	QUỲNH	19/01/2002	NỮ	39	08		2NT	18.75	
1200	42002303	7340101	Quản trị kinh doanh	PHẠM PHƯỚC	ROA	14/10/2002	NAM	42	01		1	20.98	
1201	42002822	7340101	Quản trị kinh doanh	PHẠM BÁ	SANG	01/06/2002	NAM	42	01		1	23.65	
1202	42002307	7340101	Quản trị kinh doanh	DƯƠNG PHÚ	SĨ	04/06/2002	NAM	42	01		1	20.73	
1203	42000484	7340101	Quản trị kinh doanh	ĐỖ HOÀNG	SƠN	07/08/2002	NAM	42	01		1	24.7	
1204	42002309	7340101	Quản trị kinh doanh	NGUYỄN CAO	SƠN	03/04/2002	NAM	42	01		1	20.12	
1205	42001144	7340101	Quản trị kinh doanh	NGUYỄN HOÀNG VÔ	SONG	23/10/2002	NỮ	42	01		1	23.6	
1206	42001783	7340101	Quản trị kinh doanh	K'	SỸ	20/12/2002	NAM	42	04	01	1	24.93	
1207	47006869	7340101	Quản trị kinh doanh	PHẠM NĂNG	TÀI	29/09/2002	NAM	47	01		2	22.3	
1208	42001788	7340101	Quản trị kinh doanh	HA	TÂM	06/12/2002	NAM	42	10	01	1	21.65	
1209	42000502	7340101	Quản trị kinh doanh	NGUYỄN NGỌC KIỀU	TÂM	01/04/2002	NỮ	42	05		1	20	
1210	42011522	7340101	Quản trị kinh doanh	PHẠM THANH	TÂM	01/05/2002	NỮ	42	02		1	21.55	
1211	58002944	7340101	Quản trị kinh doanh	PHẠM TRƯƠNG MỸ	TÂM	01/10/2002	NỮ	58	01		1	19.1	
1212	42009565	7340101	Quản trị kinh doanh	TRỊNH THỊ MỸ	TÂM	02/08/2002	NỮ	42	11		1	20.15	
1213	44011310	7340101	Quản trị kinh doanh	VŨ THỊ THU	TÂM	06/05/2002	NỮ	44	07		2NT	21.45	
1214	32007722	7340101	Quản trị kinh doanh	LÊ VĂN	TÂN	08/10/2002	NAM	32	07		2NT	19	
1215	02046844	7340101	Quản trị kinh doanh	NGUYỄN HỮU BẢO	THẠCH	25/08/2001	NAM	42	10		1	19.5	
1216	42001163	7340101	Quản trị kinh doanh	PHẠM VĂN	THẠCH	19/04/2002	NAM	42	01		1	21.45	
1217	42009570	7340101	Quản trị kinh doanh	PHẠM QUỐC	THÁI	04/11/2002	NAM	42	11		1	21.62	
1218	42002848	7340101	Quản trị kinh doanh	TẦN MINH QUỐC	THÁI	14/11/2002	NAM	42	01		1	18.43	
1219	40001529	7340101	Quản trị kinh doanh	TRẦN THỊ HỒNG	THÂM	04/05/2002	NỮ	40	12		1	21	
1220	42002863	7340101	Quản trị kinh doanh	NGUYỄN ĐÌNH	THÁNG	11/11/2002	NAM	42	01		1	17.95	
1221	42000511	7340101	Quản trị kinh doanh	ĐỖ PHƯƠNG	THANH	05/06/2002	NỮ	42	01		1	21.6	
1222	42009572	7340101	Quản trị kinh doanh	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THANH	18/02/2002	NỮ	42	11		1	18.4	
1223	42006575	7340101	Quản trị kinh doanh	VÔ TẤN	THÀNH	21/10/2002	NAM	42	10		1	17.2	
1224	42004196	7340101	Quản trị kinh doanh	BÙI THỊ THANH	THẢO	11/06/2002	NỮ	42	05		1	21.45	
1225	41004191	7340101	Quản trị kinh doanh	DƯƠNG THỊ HOÀI	THẢO	16/06/2002	NỮ	41	04		2NT	25.05	
1226	42011538	7340101	Quản trị kinh doanh	HOÀNG HÀ THANH	THẢO	27/09/2002	NỮ	42	02		1	19.4	
1227	42002857	7340101	Quản trị kinh doanh	NGUYỄN THỊ BÍCH	THẢO	17/12/2002	NỮ	42	01		1	20.25	
1228	41011602	7340101	Quản trị kinh doanh	NGUYỄN ĐÌNH	THI	14/04/2002	NAM	41	03		2	17.1	
1229	42000529	7340101	Quản trị kinh doanh	NGUYỄN THỊ BÍCH	THI	12/08/2002	NỮ	42	01		1	24.9	
1230	42005233	7340101	Quản trị kinh doanh	HUỶNH PHAN MINH	THIỆN	13/11/2002	NAM	42	03		1	18.67	
1231	42011551	7340101	Quản trị kinh doanh	NGUYỄN THÀNH	THỊNH	08/07/2002	NAM	42	11		1	18.9	
1232	42002355	7340101	Quản trị kinh doanh	TRẦN TIẾN	THỊNH	22/10/2002	NAM	42	01		1	23.95	
1233	42003827	7340101	Quản trị kinh doanh	TRỊNH LÊ QUỐC	THỊNH	18/07/2002	NAM	42	05		1	17.53	
1234	45005101	7340101	Quản trị kinh doanh	NGUYỄN NGỌC THANH	THOẠI	11/04/2002	NỮ	45	02		1	23.95	
1235	35007092	7340101	Quản trị kinh doanh	ĐẶNG VĂN	THOẠI	20/08/2001	NAM	35	03		2NT	21.1	
1236	42009923	7340101	Quản trị kinh doanh	KA	THƠM	29/10/2001	NỮ	42	11	01	1	18.45	
1237	42002358	7340101	Quản trị kinh doanh	ĐÌNH THIÊN HÀ	THU	30/12/2002	NỮ	42	01		1	19.1	
1238	42000541	7340101	Quản trị kinh doanh	LÊ ĐỖ TUYẾT	THU	20/03/2002	NỮ	42	01		1	17.7	
1239	63006192	7340101	Quản trị kinh doanh	NGUYỄN THỊ	THU	26/03/2002	NỮ	63	08		1	18.7	
1240	42000559	7340101	Quản trị kinh doanh	HOÀNG THỊ MINH	THỨ	16/09/2002	NỮ	42	01		1	21.15	
1241	02064146	7340101	Quản trị kinh doanh	LƯƠNG THỊ MINH	THỨ	16/03/2001	NỮ	02	13		3	22.65	
1242	52004961	7340101	Quản trị kinh doanh	NGUYỄN HOÀNG MINH	THỨ	17/11/2002	NỮ	52	04		2NT	18.75	
1243	42005698	7340101	Quản trị kinh doanh	NGUYỄN THỊ MINH	THỨ	19/08/2002	NỮ	42	03		1	18.05	
1244	42001202	7340101	Quản trị kinh doanh	NGUYỄN TRƯƠNG ANH	THỨ	01/07/2002	NỮ	42	01		1	18.65	
1245	45005580	7340101	Quản trị kinh doanh	TRẦN HỒ ANH	THỨ	24/12/2002	NỮ	45	04		2	19.8	
1246	42011555	7340101	Quản trị kinh doanh	NGUYỄN ĐỨC	THUẬN	13/01/2002	NAM	42	02		1	21.7	
1247	42006015	7340101	Quản trị kinh doanh	HỒ ĐỨC	THƯỜNG	20/12/2002	NAM	42	03		1	17.23	
1248	42009616	7340101	Quản trị kinh doanh	PHẠM VĂN	THƯỜNG	01/11/2001	NAM	42	11		1	21	
1249	42007123	7340101	Quản trị kinh doanh	NGÔ THỊ	THÚY	28/12/2002	NỮ	42	10		1	23.65	
1250	42004221	7340101	Quản trị kinh doanh	NGUYỄN THỊ THANH	THÚY	05/01/2002	NỮ	42	05		1	21.45	
1251	42004856	7340101	Quản trị kinh doanh	VÔ NGUYỄN XUÂN	THÙY	05/01/2002	NỮ	42	03		1	17.45	
1252	42006614	7340101	Quản trị kinh doanh	PHẠM DUY	TIÊN	14/04/2002	NAM	42	10		1	18.3	
1253	42002376	7340101	Quản trị kinh doanh	ĐÌNH VĂN	TOÀN	04/11/2002	NAM	42	01		1	24.4	
1254	42006025	7340101	Quản trị kinh doanh	NÔNG ĐỨC	TOÀN	26/03/2002	NAM	42	03	01	1	21.65	

STT	Số báo danh	Mã ngành	Tên ngành	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã tỉnh	Mã huyện	Đối tượng	Khu vực	Điểm XT	Ghi chú
1255	42000624	7340101	Quản trị kinh doanh	LÊ THỊ QUỲNH	TRÂM	11/09/2002	NỮ	42	01		1	23.35	
1256	45004481	7340101	Quản trị kinh doanh	NGUYỄN THỊ KIM	TRÂM	27/12/2002	NỮ	45	04		2	17.1	
1257	41011717	7340101	Quản trị kinh doanh	TRẦN THỊ HUYỀN	TRÂM	27/05/2002	NỮ	41	03		2	19.7	
1258	42000635	7340101	Quản trị kinh doanh	NGUYỄN THỊ HUYỀN	TRÂN	17/06/2002	NỮ	42	01		1	20.95	
1259	42006905	7340101	Quản trị kinh doanh	NGUYỄN THỊ MINH	TRANG	02/12/2002	NỮ	42	10		1	22.95	
1260	42006030	7340101	Quản trị kinh doanh	NGUYỄN THỊ THỦY	TRANG	24/12/2002	NỮ	42	03		1	18.75	
1261	42004240	7340101	Quản trị kinh doanh	PHAN THỊ HUYỀN	TRANG	25/07/2002	NỮ	42	05		1	20.65	
1262	02028150	7340101	Quản trị kinh doanh	HUYỄN MINH	TRÍ	24/03/2002	NAM	02	20		3	19.9	
1263	42009640	7340101	Quản trị kinh doanh	BÙI THỊ PHƯƠNG	TRINH	21/11/2002	NỮ	42	11		1	18.43	
1264	42004914	7340101	Quản trị kinh doanh	NGUYỄN THỊ KIỀU	TRINH	12/07/2002	NỮ	42	03		1	18.45	
1265	42001868	7340101	Quản trị kinh doanh	TRẦN NGUYỄN PHƯƠNG	TRINH	04/01/2002	NỮ	42	01		1	17.8	
1266	42001250	7340101	Quản trị kinh doanh	LÊ ĐỨC	TRONG	08/05/2002	NAM	42	01		1	20.6	
1267	52009185	7340101	Quản trị kinh doanh	DƯƠNG THỊ NGỌC	TRÚC	17/02/2002	NỮ	52	07	01	1	17.2	
1268	42002911	7340101	Quản trị kinh doanh	LÊ THỊ QUỲNH	TRÚC	28/04/2002	NỮ	42	01		1	20.05	
1269	42003857	7340101	Quản trị kinh doanh	NGUYỄN NGỌC THANH	TRÚC	01/07/2002	NỮ	42	05		1	17.35	
1270	37012297	7340101	Quản trị kinh doanh	NGUYỄN THỊ THANH	TRÚC	24/05/2002	NỮ	37	05		1	19.25	
1271	42003859	7340101	Quản trị kinh doanh	PHAN THANH	TRÚC	17/09/2001	NỮ	42	05		1	21.7	
1272	42006045	7340101	Quản trị kinh doanh	HOÀNG QUỐC	TRUNG	06/08/2002	NAM	42	03	01	1	19.35	
1273	42002417	7340101	Quản trị kinh doanh	LÊ TUẤN	TRUNG	07/01/2002	NAM	42	01		1	21.95	
1274	42005740	7340101	Quản trị kinh doanh	TRỊNH VŨ HÒANG	TRUNG	06/03/2002	NAM	42	03		1	22.55	
1275	42002915	7340101	Quản trị kinh doanh	VŨ	TRUNG	21/11/2002	NAM	42	01		1	20.65	
1276	42001879	7340101	Quản trị kinh doanh	BÙI LÊ NHẬT	TRƯỜNG	30/11/2002	NAM	42	01		1	20.2	
1277	42007137	7340101	Quản trị kinh doanh	NÔNG VĂN	TRƯỜNG	08/11/2002	NAM	42	10	01	1	20.75	
1278	42005278	7340101	Quản trị kinh doanh	VŨ OANH	TRƯỜNG	23/03/2002	NAM	42	03		1	18.55	
1279	42001260	7340101	Quản trị kinh doanh	HOÀNG THỊ CẨM	TÚ	13/09/2002	NỮ	42	05		1	20	
1280	28010337	7340101	Quản trị kinh doanh	PHẠM MINH	TÚ	15/11/2002	NAM	28	11	01	1	23.3	
1281	45001993	7340101	Quản trị kinh doanh	CAO VĂN	TUẤN	26/07/2002	NAM	45	01		2	21.75	
1282	45001036	7340101	Quản trị kinh doanh	ĐÀO MAI	TUẤN	13/02/2002	NAM	45	01		2	19	
1283	42004929	7340101	Quản trị kinh doanh	ĐÀO TẤN	TUẤN	11/12/2002	NAM	42	03		1	22.4	
1284	42002429	7340101	Quản trị kinh doanh	NGÔ QUANG	TUẤN	30/08/2001	NAM	42	01		1	21.75	
1285	42001263	7340101	Quản trị kinh doanh	NGUYỄN THÁI	TUẤN	24/05/2002	NAM	42	01		1	23.85	
1286	42009669	7340101	Quản trị kinh doanh	VŨ ANH	TÙNG	03/05/2002	NAM	42	11		1	21.8	
1287	42004268	7340101	Quản trị kinh doanh	NGUYỄN THỊ THANH	TƯỜNG	01/08/2002	NỮ	42	05		1	19.2	
1288	42005761	7340101	Quản trị kinh doanh	ĐẶNG THẾ	TƯỜNG	30/03/2002	NAM	42	03		1	17.42	
1289	42002436	7340101	Quản trị kinh doanh	VŨ NGUYỄN BÍCH	TUYỀN	07/11/2002	NỮ	45	01		1	17.15	
1290	42000696	7340101	Quản trị kinh doanh	VŨ THỊ PHƯƠNG	TUYỀN	18/03/2002	NỮ	42	01		1	20.5	
1291	42006664	7340101	Quản trị kinh doanh	LÊ NGUYỄN PHƯƠNG	UYÊN	08/05/2002	NỮ	42	10		1	17.5	
1292	42001277	7340101	Quản trị kinh doanh	NGUYỄN HOÀNG ĐAN	UYÊN	01/01/2002	NỮ	42	01		1	20.4	
1293	42000700	7340101	Quản trị kinh doanh	NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG	UYÊN	25/08/2002	NỮ	42	01		1	19.9	
1294	42002450	7340101	Quản trị kinh doanh	NGUYỄN THẢO	UYÊN	16/03/2002	NỮ	42	01	01	1	24.2	
1295	42007155	7340101	Quản trị kinh doanh	NGUYỄN THỊ THANH	UYÊN	01/02/2002	NỮ	42	10		1	21.25	
1296	42002451	7340101	Quản trị kinh doanh	NGUYỄN THỊ TÚ	UYÊN	23/10/2002	NỮ	42	01		1	21.5	
1297	42004506	7340101	Quản trị kinh doanh	VŨ HỒNG THẢO	UYÊN	26/09/2002	NỮ	42	05		1	21.45	
1298	35001754	7340101	Quản trị kinh doanh	ĐỖ THỊ NGỌC	UYẾN	13/07/2002	NỮ	35	01		2NT	18.35	
1299	42002460	7340101	Quản trị kinh doanh	PHẠM THỊ THẢO	VĂN	24/03/2002	NỮ	42	01		1	21	
1300	42011661	7340101	Quản trị kinh doanh	NGUYỄN NGỌC TƯỜNG	VI	23/07/2002	NỮ	42	02		1	20.75	
1301	45001552	7340101	Quản trị kinh doanh	MANG	VIÊN	01/10/2001	NAM	45	04	01	1	20.95	
1302	42002953	7340101	Quản trị kinh doanh	VŨ QUANG	VINH	04/11/2002	NAM	42	01		1	19.1	
1303	42002471	7340101	Quản trị kinh doanh	LÊ ANH	VŨ	25/11/2002	NAM	42	01		1	18.15	
1304	42005298	7340101	Quản trị kinh doanh	NGUYỄN ANH	VŨ	22/02/2002	NAM	42	03		1	21.75	
1305	42006075	7340101	Quản trị kinh doanh	NGUYỄN MẬU ANH	VŨ	20/10/2002	NAM	42	03		1	17.8	
1306	39002602	7340101	Quản trị kinh doanh	NGUYỄN HÙNG	VƯƠNG	11/03/2002	NAM	39	05		1	17.9	
1307	42003627	7340101	Quản trị kinh doanh	ĐOÀN THỊ YẾN	VY	17/09/2002	NỮ	42	12		1	19.55	
1308	42003879	7340101	Quản trị kinh doanh	HUYỄN THỊ TƯỜNG	VY	02/11/2002	NỮ	42	05		1	23.4	
1309	42002478	7340101	Quản trị kinh doanh	LƯƠNG HOÀNG BẢO	VY	17/06/2002	NỮ	42	01		1	20.95	
1310	41003584	7340101	Quản trị kinh doanh	LƯƠNG THỊ TƯỜNG	VY	11/03/2002	NỮ	41	04		2NT	21.75	
1311	42001309	7340101	Quản trị kinh doanh	NGUYỄN HOÀNG KHÁNH	VY	03/06/2002	NỮ	42	01		1	19.22	
1312	40011116	7340101	Quản trị kinh doanh	NGUYỄN THỊ THẢO	VY	06/08/2002	NỮ	40	07		1	20.9	
1313	42001315	7340101	Quản trị kinh doanh	PHAN NGUYỄN THẢO	VY	21/01/2002	NỮ	42	01		1	25.15	
1314	42001940	7340101	Quản trị kinh doanh	SƠN NHẬT	VY	22/11/2002	NỮ	42	01	01	1	18.35	

STT	Số báo danh	Mã ngành	Tên ngành	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã tỉnh	Mã huyện	Đối tượng	Khu vực	Điểm XT	Ghi chú
1315	42003880	7340101	Quản trị kinh doanh	TRƯƠNG THỊ KIỀU	VY	10/01/2002	NỮ	42	05		1	22.1	
1316	42001317	7340101	Quản trị kinh doanh	VŨ NGUYỄN THUỶ	VY	12/07/2002	NỮ	42	01		1	21.65	
1317	44006469	7340101	Quản trị kinh doanh	VŨ THỊ TƯỜNG	VY	15/02/2002	NỮ	53	05		2	20.75	
1318	42002489	7340101	Quản trị kinh doanh	TRẦN NGỌC THANH	XUÂN	13/11/2002	NỮ	42	01		1	19.45	
1319	41000841	7340101	Quản trị kinh doanh	ĐỖ THỊ NGỌC	Ý	12/08/2002	NỮ	41	06		2	19.75	
1320	42002490	7340101	Quản trị kinh doanh	TRẦN NHƯ	Ý	18/11/2002	NỮ	01	01		1	19.7	
1321	45000381	7340101	Quản trị kinh doanh	HÀN THỊ KIM	YẾN	29/01/2002	NỮ	45	04	01	1	18.55	
1322	17002990	7340101	Quản trị kinh doanh	SẢN MỘC	YẾN	01/04/2002	NỮ	17	08	01	1	17.85	
1323	42010228	7340301	Kế toán	TRẦN NGỌC KHÁNH	AN	16/09/2002	NỮ	42	02		1	21.7	
1324	42000007	7340301	Kế toán	TRIỆU THÚY	AN	07/05/2002	NỮ	42	01		1	22.55	
1325	21018482	7340301	Kế toán	BÙI THỊ MAI	ANH	25/11/2002	NỮ	21	11		2NT	16.45	
1326	47006389	7340301	Kế toán	NGUYỄN DIỆP NGỌC	ANH	07/12/2002	NỮ	47	01		2	18.13	
1327	42008669	7340301	Kế toán	NGUYỄN HOÀNG MINH	ANH	23/02/2002	NỮ	42	04		1	20.15	
1328	42000030	7340301	Kế toán	TRẦN DUY MINH	ANH	17/01/2002	NỮ	42	01		1	24.25	
1329	39004511	7340301	Kế toán	LÊ THỊ NGỌC	BÍCH	08/11/2002	NỮ	39	10		1	18.45	
1330	45000582	7340301	Kế toán	NGUYỄN THỊ NGỌC	BÍCH	10/12/2002	NỮ	45	04		2	17.87	
1331	42006100	7340301	Kế toán	JORLONG NAI	CHÂM	28/09/2002	NỮ	42	03	01	1	20.85	
1332	47000065	7340301	Kế toán	NGUYỄN ÁI	CHI	06/12/2002	NỮ	47	01		2	18.6	
1333	42006944	7340301	Kế toán	LÝ THỊ	CHINH	27/08/2002	NỮ	42	10	01	1	19.85	
1334	42006311	7340301	Kế toán	NGUYỄN VIỆT	CHINH	23/05/2002	NỮ	42	10		1	18.25	
1335	42004567	7340301	Kế toán	VÕ PHẠM NGỌC	ĐÀ	19/11/2002	NAM	42	01		1	19.95	
1336	40003683	7340301	Kế toán	TRẦN THỊ	ĐÀO	12/04/2002	NỮ	40	04		1	19.9	
1337	45001101	7340301	Kế toán	MÁU THỊ KIM	DĨ	04/11/2002	NỮ	45	06	01	1	21.85	
1338	42000842	7340301	Kế toán	NGUYỄN HOÀNG KHÁNH	ĐOAN	19/09/2002	NỮ	42	01		1	21.65	
1339	35008057	7340301	Kế toán	NGUYỄN THỊ THỦY	DƯƠNG	15/02/2002	NỮ	35	06		1	23.2	
1340	42006370	7340301	Kế toán	NGUYỄN TRẦN XUÂN	HẢI	20/07/2002	NAM	42	10		1	16.05	
1341	42006126	7340301	Kế toán	NGUYỄN HOÀI BẢO	HÂN	23/11/2002	NỮ	42	01		1	17.45	
1342	42004605	7340301	Kế toán	NGUYỄN NGỌC GIA	HÂN	09/07/2002	NỮ	42	03		1	23.7	
1343	42004355	7340301	Kế toán	NGUYỄN NHẬT	HÀO	04/08/2002	NAM	42	05		1	16.22	
1344	42006742	7340301	Kế toán	HOÀNG THỊ BÍCH	HẬU	18/08/2002	NỮ	42	10		1	20.35	
1345	43002480	7340301	Kế toán	NGUYỄN NHẬT	HẬU	14/04/2002	NAM	63	08		1	17.45	
1346	42007451	7340301	Kế toán	NGUYỄN THỊ THU	HIỀN	03/06/2002	NỮ	42	10		1	21.75	
1347	39002732	7340301	Kế toán	LƯU THỊ	HOA	28/02/2002	NỮ	39	06	01	1	20.6	
1348	42003986	7340301	Kế toán	NGUYỄN THỊ THU	HOÀI	25/09/2002	NỮ	42	05		1	20.9	
1349	42009344	7340301	Kế toán	NGUYỄN VIỆT LỆ	HOÀI	20/02/2002	NỮ	42	11		1	22.35	
1350	42001500	7340301	Kế toán	TRẦN HUY	HOÀNG	01/05/2002	NAM	42	01		1	16.05	
1351	42002636	7340301	Kế toán	LÊ VŨ	HÙNG	18/11/2002	NAM	42	01		1	21.67	
1352	42010800	7340301	Kế toán	ĐOÀN THỊ THANH	HƯƠNG	14/03/2002	NỮ	42	02		1	21.85	
1353	42010804	7340301	Kế toán	PHAN THỊ THU	HƯƠNG	15/09/2002	NỮ	42	02		1	21	
1354	42008970	7340301	Kế toán	HUYỀN TÂN	HUY	02/12/2001	NAM	42	04		1	20.35	
1355	38004580	7340301	Kế toán	RÓ CHÂM	KĂM	02/09/2002	NAM	38	12	01	1	19.95	
1356	42006157	7340301	Kế toán	NGUYỄN THỊ	LANH	16/11/2002	NỮ	42	03		1	20.45	
1357	45004168	7340301	Kế toán	NGUYỄN MỸ	LINH	30/12/2002	NỮ	45	02		1	24.5	
1358	42004677	7340301	Kế toán	TÀO NGUYỄN THỰC	LINH	09/02/2002	NỮ	42	01	01	1	22.2	
1359	41002120	7340301	Kế toán	LƯU THỊ MỸ	LỘC	01/07/2002	NỮ	41	09		1	16.1	
1360	42000993	7340301	Kế toán	PHẠM NGUYỄN THẢO	LY	23/09/2002	NỮ	42	01		1	21.05	
1361	41011022	7340301	Kế toán	NGUYỄN THỊ	MẬN	24/10/2001	NỮ	41	03		2	18.6	
1362	42005515	7340301	Kế toán	ĐÀO TUỆ	MI	28/09/2002	NỮ	42	03		1	16.53	
1363	42004410	7340301	Kế toán	BƠ NÀH RIA MA	MIỀN	15/07/2002	NỮ	42	05	01	1	21.05	
1364	45002131	7340301	Kế toán	LÊ THỊ ÚT	MINH	01/03/2002	NỮ	45	02		1	21.05	
1365	42002180	7340301	Kế toán	NGUYỄN LÊ HUYỀN	MY	06/03/2002	NỮ	42	01		1	19.2	
1366	42008568	7340301	Kế toán	TRẦN THỊ TRÀ	MY	11/09/2002	NỮ	42	04		1	19.95	
1367	48013055	7340301	Kế toán	VŨ THỊ DIỄM	MY	01/05/2002	NỮ	48	08		2NT	19.2	
1368	42006472	7340301	Kế toán	SŨ CHẤN HOÀNG	MỸ	13/12/2002	NỮ	42	10		1	17.6	
1369	52004797	7340301	Kế toán	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	20/09/2002	NỮ	52	06		2NT	23.55	
1370	42002204	7340301	Kế toán	VÕ HỒNG	NGỌC	22/02/2002	NỮ	42	01		1	18.3	
1371	42004101	7340301	Kế toán	ĐỖ PHAN DIỄM	NGUYỄN	07/05/2002	NỮ	42	05		1	20.65	
1372	42008768	7340301	Kế toán	NGUYỄN THẢO	NGUYỄN	04/03/2002	NỮ	42	04		1	19.25	
1373	45000119	7340301	Kế toán	BÁ THỊ KIM	NGUYỆT	25/02/2002	NỮ	45	04	01	1	20	
1374	42003766	7340301	Kế toán	KHIẾU NỮ THỊ THU	NGUYỆT	18/05/2002	NỮ	42	05		1	20.23	

STT	Số báo danh	Mã ngành	Tên ngành	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã tỉnh	Mã huyện	Đối tượng	Khu vực	Điểm XT	Ghi chú
1375	47005134	7340301	Kế toán	NGUYỄN THỊ ÁNH	NGUYỆT	20/04/2002	NỮ	47	08	01	1	22	
1376	41006566	7340301	Kế toán	NGUYỄN THỊ MINH	NGUYỆT	06/09/2002	NỮ	41	01		1	19.4	
1377	42009038	7340301	Kế toán	NGUYỄN THỊ THU	NGUYỆT	27/09/2002	NỮ	42	04		1	21.45	
1378	42009476	7340301	Kế toán	NGUYỄN MINH	NHẬT	23/02/2002	NAM	42	11		1	22.8	
1379	47001240	7340301	Kế toán	ĐỖ THÚY	NHI	28/08/2002	NỮ	47	02		2NT	23.4	
1380	42004431	7340301	Kế toán	LAI THÚY	NHI	03/06/2002	NỮ	42	05	01	1	20.65	
1381	42004126	7340301	Kế toán	NGUYỄN NỮ LINH	NHI	15/03/2002	NỮ	42	05		1	19.55	
1382	42005176	7340301	Kế toán	TRƯƠNG THỊ Ý	NHI	05/07/2002	NỮ	42	03		1	18.85	
1383	42005580	7340301	Kế toán	VÕ ĐÀM MINH	NHUNG	09/08/2002	NỮ	42	03		1	19.35	
1384	42004144	7340301	Kế toán	ĐÌNH THỊ HỒNG	PHÚC	10/11/2002	NỮ	29	16		1	17.63	
1385	42002267	7340301	Kế toán	NGUYỄN THỊ THÙY	PHƯƠNG	09/09/2002	NỮ	40	08		1	24.45	
1386	42004797	7340301	Kế toán	LÊ ĐÌNH	QUỐC	08/03/2002	NAM	42	03		1	16.65	
1387	42006543	7340301	Kế toán	ĐỖ THỊ KIM	QUỖNH	03/06/2002	NỮ	42	10		1	17.45	
1388	42005619	7340301	Kế toán	LÊ THỊ NHƯ	QUỖNH	30/07/2002	NỮ	42	03		1	20.32	
1389	52007595	7340301	Kế toán	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	QUỖNH	01/03/2002	NỮ	52	06		2	22.25	
1390	63006172	7340301	Kế toán	LA THỊ	SÔNG	10/08/2002	NỮ	63	08		1	18.25	
1391	42007590	7340301	Kế toán	NGUYỄN HOÀNG THANH	TÂM	22/09/2002	NỮ	42	10		1	19.4	
1392	42006231	7340301	Kế toán	CRUYANG NAI	THÂM	28/04/2002	NỮ	42	03	01	1	19.38	
1393	41003728	7340301	Kế toán	ĐẶNG BAO	THANH	24/03/2002	NỮ	41	04		2NT	18.25	
1394	29012213	7340301	Kế toán	TRẦN THỊ NGỌC	THANH	16/11/2002	NỮ	29	05		1	22.85	
1395	42006577	7340301	Kế toán	BÙI THỊ PHƯƠNG	THẢO	01/11/2002	NỮ	42	10		1	17.95	
1396	27004231	7340301	Kế toán	ĐÌNH THỊ	THẢO	24/10/2002	NỮ	27	05		2	18.4	
1397	42002332	7340301	Kế toán	DƯƠNG THANH	THẢO	07/11/2002	NỮ	42	01		1	19.85	
1398	42010991	7340301	Kế toán	LÊ NGUYỄN THANH	THẢO	11/05/2002	NỮ	42	02		1	19.55	
1399	42002341	7340301	Kế toán	TRẦN NGỌC THANH	THẢO	21/08/2002	NỮ	42	01		1	20.72	
1400	42009587	7340301	Kế toán	NGUYỄN HỮU	THIỆN	09/02/2002	NAM	42	11		1	16.65	
1401	42001188	7340301	Kế toán	PHAN VĂN QUỐC	THỊNH	20/09/2002	NAM	42	01		1	26.6	
1402	42009116	7340301	Kế toán	KA	THOẠI	16/07/2002	NỮ	42	04	01	1	22.35	
1403	42011567	7340301	Kế toán	LÊ THÙY ANH	THƯ	01/01/2002	NỮ	42	02		1	20.75	
1404	42001199	7340301	Kế toán	NGUYỄN HOÀNG MINH	THƯ	08/01/2002	NỮ	42	01		1	19.05	
1405	42004224	7340301	Kế toán	NGUYỄN NỮ QUỖNH	THƯ	12/12/2002	NỮ	42	05		1	17.05	
1406	42002366	7340301	Kế toán	NGUYỄN THỊ ANH	THƯ	24/05/2002	NỮ	42	01		1	22.95	
1407	42006608	7340301	Kế toán	TRẦN THỊ MINH	THƯ	12/11/2002	NỮ	42	10		1	23.4	
1408	42005248	7340301	Kế toán	ĐẶNG HÀ XUÂN	THƯƠNG	16/07/2002	NỮ	42	05		1	24.3	
1409	42007344	7340301	Kế toán	TRẦN THỊ	THƯỜNG	18/10/2002	NỮ	42	10		1	19.25	
1410	63001103	7340301	Kế toán	LƯƠNG THỊ	THÚY	28/03/2002	NỮ	63	05	01	1	22.5	
1411	40010246	7340301	Kế toán	TRẦN NGUYỄN LÊ	THÙY	22/10/2001	NỮ	40	14		1	17.15	
1412	42006616	7340301	Kế toán	PHẠM THỊ KIỀU	TIÊN	20/05/2002	NỮ	42	10		1	20.45	
1413	42004231	7340301	Kế toán	LÊ BÁ	TOÀN	12/10/2002	NAM	42	05		1	21.6	
1414	41000337	7340301	Kế toán	MA THỊ	TỐI	11/01/2002	NỮ	41	05	01	1	20.15	
1415	52009779	7340301	Kế toán	CHÂU NGỌC BÍCH	TRÂM	10/03/2002	NỮ	52	07		1	18.8	
1416	42008102	7340301	Kế toán	LÊ VŨ MINH	TRÂM	11/04/2002	NỮ	42	04		1	19.85	
1417	42005263	7340301	Kế toán	TỬ THỊ NGỌC	TRÂM	12/11/2002	NỮ	42	03		1	21.25	
1418	42002399	7340301	Kế toán	LƯƠNG THỊ BẢO	TRẦN	10/08/2002	NỮ	42	01		1	17.07	
1419	42000641	7340301	Kế toán	VŨ HUYỀN NGỌC	TRẦN	24/06/2002	NỮ	42	01		1	22.8	
1420	42008448	7340301	Kế toán	ĐỖ THỊ HUYỀN	TRANG	27/04/2002	NỮ	42	04		1	21.6	
1421	42000613	7340301	Kế toán	PHAN HOÀNG MAI	TRANG	19/07/2002	NỮ	42	01		1	21.1	
1422	47001413	7340301	Kế toán	TRƯƠNG QUỖNH	TRANG	14/11/2002	NỮ	47	02		2NT	16.55	
1423	42010191	7340301	Kế toán	VŨ NGỌC THÙY	TRANG	16/03/2002	NỮ	42	11		1	22.75	
1424	41000346	7340301	Kế toán	CAO THỊ KIM	TRÚC	28/12/2002	NỮ	41	05	01	1	19.83	
1425	42002925	7340301	Kế toán	NGUYỄN HỮU	TUẤN	13/03/2002	NAM	42	01		1	16.9	
1426	42004932	7340301	Kế toán	NGUYỄN THANH	TUYỀN	07/05/2002	NỮ	42	03		1	24	
1427	41003858	7340301	Kế toán	NGUYỄN THÙY MỸ	UYÊN	17/02/2002	NỮ	41	04		2NT	23.4	
1428	42008130	7340301	Kế toán	ĐỖ THỊ	VÂN	18/02/2002	NỮ	42	04		1	18.9	
1429	42007659	7340301	Kế toán	LÊ THỊ CẨM	VÂN	09/03/2002	NỮ	42	10		1	16.2	
1430	02038478	7340301	Kế toán	TRẦN THÙY	VÂN	18/08/2002	NỮ	42	02		3	23.65	
1431	42004298	7340301	Kế toán	LÊ THỊ QUÝ	VY	06/04/2002	NỮ	42	05		1	16.65	
1432	42002479	7340301	Kế toán	NGUYỄN NGỌC KHÁNH	VY	04/04/2002	NỮ	42	01		1	23.25	
1433	42008666	7340301	Kế toán	ĐOÀN THỊ HẢI	YÊN	16/09/2002	NỮ	42	04		1	21.4	
1434	42004311	7340301	Kế toán	NGUYỄN VI TIÊU	YÊN	15/04/2002	NỮ	42	05		1	23.05	

STT	Số báo danh	Mã ngành	Tên ngành	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã tỉnh	Mã huyện	Đối tượng	Khu vực	Điểm XT	Ghi chú
1435	45000523	7380101	Luật	MAI NGỌC HOÀNG	AN	21/11/2001	NAM	45	01		2	23.75	
1436	40003513	7380101	Luật	PHAN ĐÌNH	AN	20/08/2002	NAM	40	04		1	23.75	
1437	29027411	7380101	Luật	BÙI THỊ VÂN	ANH	01/05/2002	NỮ	29	16		2NT	23	
1438	42009214	7380101	Luật	CHU THỊ YẾN	ANH	25/04/2002	NỮ	42	11	01	1	24.15	
1439	42006284	7380101	Luật	ĐẶNG NGỌC VÂN	ANH	10/02/2002	NỮ	42	10		1	21.4	
1440	42003893	7380101	Luật	LẠCH BONYO KA VÂN	ANH	17/05/2002	NỮ	42	05	01	1	26.5	
1441	02040274	7380101	Luật	LÊ HOÀNG	ANH	05/04/2002	NAM	28	24		3	17.5	
1442	28019039	7380101	Luật	LÊ TIẾN	ANH	26/02/2002	NAM	28	18		2NT	22.75	
1443	42008670	7380101	Luật	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	ANH	31/07/2002	NỮ	42	04		1	20	
1444	26009049	7380101	Luật	NGUYỄN THỊ VÂN	ANH	12/12/2002	NỮ	26	04		2NT	27.5	
1445	09007105	7380101	Luật	THÂM NGỌC	ANH	11/05/2002	NỮ	09	07		1	22.25	
1446	42011706	7380101	Luật	HỒ NGỌC	ÁNH	01/07/2002	NỮ	42	02		1	18.25	
1447	40010171	7380101	Luật	H SOI	AYÛN	27/04/2002	NỮ	40	14	01	1	19	
1448	42003911	7380101	Luật	NGUYỄN HOÀI	BẢO	29/06/2002	NAM	42	05		1	21	
1449	48001841	7380101	Luật	BÙI THỊ	BÍCH	06/02/2002	NỮ	48	01		2	21	
1450	42008886	7380101	Luật	K'	BRING	09/09/2000	NAM	42	04	01	1	19.25	
1451	42001371	7380101	Luật	K'	BRÔS	05/06/2002	NAM	42	04	01	1	20	
1452	42006308	7380101	Luật	HỒ NGỌC	CHÂU	12/10/2002	NỮ	42	10		1	18.45	
1453	45002366	7380101	Luật	TRƯƠNG THỊ MỸ	CHÂU	10/02/2002	NỮ	45	04	01	1	21	
1454	42006943	7380101	Luật	ĐÌNH TRUNG	CHIẾN	15/09/2002	NAM	63	07		1	20.5	
1455	40002396	7380101	Luật	NGÔ THỊ KIỀU	CHINH	28/01/2002	NỮ	40	02		1	20.75	
1456	42007184	7380101	Luật	LÔ MU HA	CHUNG	14/03/2002	NAM	42	10	01	1	22.75	
1457	41003187	7380101	Luật	NGUYỄN PHI	CÔNG	26/10/2001	NAM	41	04		2NT	23.75	
1458	42009728	7380101	Luật	PHẠM MINH	CƯỜNG	15/04/2002	NAM	42	11		1	23.75	
1459	42003515	7380101	Luật	ĐÀO VÂN	CƯỜNG	15/11/2002	NAM	42	12		1	18.75	
1460	42007746	7380101	Luật	MO LOM	ĐÁM	05/01/2002	NAM	42	04	01	1	23.25	
1461	39007722	7380101	Luật	KSOR HỒ	DÂN	20/03/2002	NỮ	39	06	01	1	19.5	
1462	41005128	7380101	Luật	PHẠM	ĐĂNG	13/11/2002	NAM	41	01		2	21.75	
1463	42012963	7380101	Luật	BÀN THỊ KIM	ĐÀO	26/12/2002	NỮ	42	09	01	1	25.75	
1464	02064817	7380101	Luật	ĐỖ TIẾN	ĐẠT	06/10/2002	NAM	42	04		3	18.5	
1465	42002016	7380101	Luật	HÀ XUÂN LONG	ĐẠT	06/04/2002	NAM	42	01		1	21	
1466	42005834	7380101	Luật	HUYỄN ĐẶNG PHƯỚC	ĐẠT	24/11/2001	NAM	42	03		1	19	
1467	42009738	7380101	Luật	HUYỄN QUỐC	ĐẠT	07/05/2002	NAM	42	11		1	21.5	
1468	41010545	7380101	Luật	NGUYỄN QUỐC	ĐẠT	08/02/2002	NAM	41	03		2	21	
1469	42002022	7380101	Luật	NGUYỄN VĂN THÀNH	ĐẠT	11/10/2002	NAM	42	01		1	17.74	
1470	42008219	7380101	Luật	N'RÔNG -	ĐẠT	11/08/2002	NAM	42	04	01	1	25.25	
1471	42007198	7380101	Luật	THÂN TIẾN	ĐẠT	16/10/2002	NAM	42	10		1	18.75	
1472	42008681	7380101	Luật	KA QUỲNH	DIỄM	29/11/2002	NỮ	42	04	01	1	19.25	
1473	37015644	7380101	Luật	NGUYỄN THỊ KIỀU	DIỄM	24/04/2002	NỮ	37	04		2NT	17.25	
1474	37008602	7380101	Luật	PHAN HUỲNH	DIỆP	20/08/2002	NAM	37	08		2NT	18.75	
1475	42002587	7380101	Luật	NGUYỄN HỮU	ĐỨC	08/11/2002	NAM	42	01		1	23	
1476	42008694	7380101	Luật	PHẠM HOÀNG ANH	ĐỨC	20/08/2002	NAM	42	04		1	22.25	
1477	42006972	7380101	Luật	VŨ HOÀI	ĐỨC	15/09/2002	NAM	42	10		1	17.25	
1478	42007719	7380101	Luật	KA'	DÙI	20/01/2002	NỮ	42	04	01	1	25.75	
1479	42008213	7380101	Luật	KA'	DỪM	19/03/2002	NỮ	42	04	01	1	26.25	
1480	42000079	7380101	Luật	NGUYỄN HOÀNG ANH	DỪNG	03/02/2002	NAM	42	01		1	21.25	
1481	42006336	7380101	Luật	ĐÀO VÂN	DƯƠNG	31/01/2001	NAM	42	10		1	21.5	
1482	42004343	7380101	Luật	PHẠM XUÂN	DƯƠNG	01/11/2002	NAM	42	05		1	25.5	
1483	42000829	7380101	Luật	VŨ HẢI	DƯƠNG	04/04/2002	NAM	01	28		1	20.25	
1484	35001396	7380101	Luật	BÙI VIỆT	DUY	15/10/2002	NAM	35	01		2NT	17	
1485	42008503	7380101	Luật	MAI ĐỨC	DUY	16/01/2002	NAM	42	04		1	22.75	
1486	39005758	7380101	Luật	NGUYỄN THÀNH	DUY	12/02/1997	NAM	39	08		1	17.75	
1487	42006960	7380101	Luật	NÔNG NGỌC	DUY	18/08/2001	NAM	42	10	01	1	23.25	
1488	42002556	7380101	Luật	PHAN NHẬT	DUY	20/02/2002	NAM	42	01		1	19	
1489	63002980	7380101	Luật	PHAN THỊ MỸ	DUYÊN	25/10/2002	NỮ	63	03		1	20.75	
1490	63000150	7380101	Luật	THỊ KIỀU	DUYÊN	28/07/2002	NỮ	63	08	01	1	22.25	
1491	40002527	7380101	Luật	VŨ THỊ HỒNG	GÁM	21/03/2002	NỮ	40	02	06	1	24.5	
1492	42006728	7380101	Luật	KIỀU NGUYỄN TRƯỜNG	GIANG	14/08/2002	NAM	42	10		1	23.25	
1493	40001792	7380101	Luật	LÝ TÔNG	GIANG	12/01/2002	NỮ	40	09	01	1	26	
1494	38003676	7380101	Luật	KSOR H'	GUANH	28/11/2002	NỮ	38	11	01	1	24.75	

STT	Số báo danh	Mã ngành	Tên ngành	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã tỉnh	Mã huyện	Đổi trạng	Khu vực	Điểm XT	Ghi chú
1495	42008517	7380101	Luật	KA	HÀ	09/03/2002	NỮ	42	04	01	1	23.5	
1496	43005504	7380101	Luật	NGUYỄN THỊ THU	HÀ	07/11/2002	NỮ	43	08		1	18.25	
1497	47002736	7380101	Luật	TRẦN THỊ HẢI	HÀ	17/05/2002	NỮ	47	05		1	21.35	
1498	38003682	7380101	Luật	KSOR	HẠ	10/04/2002	NỮ	38	11	01	1	24.25	
1499	40015157	7380101	Luật	NGUYỄN THỊ THU	HẠ	25/11/2002	NỮ	40	01		1	23	
1500	42002045	7380101	Luật	LÊ THANH	HẢI	09/09/2002	NAM	42	01		1	21	
1501	42000861	7380101	Luật	LÊ XUÂN	HẢI	19/02/2002	NAM	30	12		1	19.65	
1502	42006369	7380101	Luật	NGUYỄN MINH	HẢI	30/06/2002	NỮ	42	10		1	22	
1503	47009111	7380101	Luật	NGUYỄN TẤN	HẢI	10/01/2002	NAM	47	05		2	20.5	
1504	42007208	7380101	Luật	NGUYỄN THANH	HẢI	15/11/2002	NAM	42	10		1	22	
1505	37015694	7380101	Luật	LÊ THỊ	HÂN	01/10/2002	NỮ	37	04		2NT	21	
1506	42010311	7380101	Luật	LƯƠNG GIA	HÂN	21/01/2002	NỮ	42	02		1	20.25	
1507	45000815	7380101	Luật	PHẠM TÔ GIA	HÂN	16/05/2002	NỮ	45	01		2	19.25	
1508	41005185	7380101	Luật	TRẦN PHÙNG GIA	HÂN	07/07/2002	NỮ	41	01		2	23.1	
1509	45002932	7380101	Luật	DƯƠNG TRẦN MỸ	HẠNH	20/01/2002	NỮ	45	03		2NT	23.25	
1510	42003970	7380101	Luật	NGUYỄN THỊ HỒNG	HẠNH	17/10/2002	NỮ	42	05		1	20	
1511	42005053	7380101	Luật	NGUYỄN TIẾN	HẠNH	10/07/2001	NAM	42	03		1	24.25	
1512	42006734	7380101	Luật	ĐẬU VÕ ANH	HÀO	08/09/2002	NAM	42	10		1	22.75	
1513	45005035	7380101	Luật	BÙI THỊ KIM	HÁO	15/04/2002	NỮ	45	02		1	21.5	
1514	42003537	7380101	Luật	KON SƠ HA	HÁO	18/03/2002	NAM	42	12	01	1	24.75	
1515	41006126	7380101	Luật	NGUYỄN LÊ NGỌC	HÁO	13/09/2002	NỮ	41	01		1	25.25	
1516	40002589	7380101	Luật	PHẠM THỊ	HIỀN	05/12/2002	NỮ	40	02		1	21.25	
1517	28019145	7380101	Luật	PHÙNG THẢO	HIỀN	12/01/2002	NỮ	28	18		2NT	24.5	
1518	42002611	7380101	Luật	BÙI NGUYỄN HOÀNG	HIỆP	24/07/2002	NAM	42	01		1	26.75	
1519	43006065	7380101	Luật	HOÀNG TRUNG	HIẾU	05/11/2002	NAM	43	11		1	24.75	
1520	41003965	7380101	Luật	HUỶNH VĂN	HIẾU	16/08/2002	NAM	41	04		2NT	19	
1521	42006390	7380101	Luật	LÊ MINH	HIẾU	21/04/2002	NAM	42	10		1	19.75	
1522	42008528	7380101	Luật	MAI ĐẠI	HIẾU	10/01/2001	NAM	42	04		1	23.25	
1523	43000140	7380101	Luật	MAI TRUNG	HIẾU	04/01/2002	NAM	43	02		1	23.15	
1524	42000880	7380101	Luật	PHẠM MINH	HIẾU	15/06/1998	NAM	42	10		1	20.75	
1525	42001487	7380101	Luật	TỬ LONG	HIẾU	04/12/2002	NAM	42	05	01	1	28.25	
1526	37009368	7380101	Luật	ĐẶNG THỊ DIỆU	HOA	01/01/2002	NỮ	37	06		2NT	21	
1527	31004997	7380101	Luật	TRẦN THỊ HỒNG	HOA	24/10/2002	NỮ	31	05		2NT	22	
1528	42000884	7380101	Luật	ĐÌNH TẤN	HÒA	10/04/2002	NAM	42	01		1	21	
1529	42007225	7380101	Luật	NGUYỄN VĂN	HÒA	17/10/2002	NAM	42	10		1	20.75	
1530	21008189	7380101	Luật	VŨ THỊ	HÒA	28/03/2002	NỮ	21	07		2NT	24.75	
1531	37008648	7380101	Luật	MAI TỬ	HOÀI	24/02/2002	NAM	37	08		2NT	17.75	
1532	46000694	7380101	Luật	NGÔ ĐỨC	HOÀI	10/04/2002	NAM	46	10		2	18.75	
1533	42005427	7380101	Luật	NGUYỄN	HOÀI	24/02/2002	NAM	42	03		1	22.25	
1534	42008249	7380101	Luật	KA	HOÀN	15/12/2002	NỮ	42	04	01	1	21	
1535	28026115	7380101	Luật	HÀ THỊNH	HOÀNG	20/02/2002	NAM	28	23		2NT	18.1	
1536	42001497	7380101	Luật	LÊ HUY	HOÀNG	15/10/2002	NAM	42	01		1	17.5	
1537	29001441	7380101	Luật	NGUYỄN BÁ	HOÀNG	27/04/2002	NAM	29	14	06	2NT	25	
1538	42002084	7380101	Luật	ĐÌNH VIỆT	HOÀNH	10/07/2002	NAM	42	01		1	25	
1539	39008740	7380101	Luật	LÊ MÔ HỒ	HUẤN	26/09/2002	NỮ	39	05	01	1	22	
1540	42003998	7380101	Luật	NGUYỄN GIA	HUỆ	22/04/2002	NỮ	42	05		1	21.25	
1541	42009358	7380101	Luật	NGUYỄN PHI	HÙNG	28/02/2002	NAM	42	11		1	21.25	
1542	42002109	7380101	Luật	PHAN QUỐC	HÙNG	20/12/2002	NAM	42	01		1	20.5	
1543	42005098	7380101	Luật	NGUYỄN THỊ TRÚC	HƯƠNG	04/07/2002	NỮ	42	03		1	19	
1544	42000213	7380101	Luật	HOÀNG THỊ THU	HƯƠNG	27/02/2002	NỮ	42	01		1	21.95	
1545	42000215	7380101	Luật	LÊ TẤN	HỮU	05/11/2002	NAM	42	01		1	18.25	
1546	63006088	7380101	Luật	ĐIỀU	HUY	12/01/2002	NAM	63	08	01	1	20	
1547	42002637	7380101	Luật	ĐÌNH NHƯ GIA	HUY	12/07/2002	NAM	42	02		1	20.25	
1548	63003117	7380101	Luật	NGUYỄN ĐAN	HUY	24/12/2002	NAM	63	03		1	19.75	
1549	42005089	7380101	Luật	NGUYỄN ĐĂNG	HUY	27/08/2001	NAM	42	03		1	21.25	
1550	42002093	7380101	Luật	NGUYỄN ĐOÀN GIA	HUY	03/10/2002	NAM	42	01		1	24.25	
1551	42005088	7380101	Luật	NGUYỄN DƯƠNG BẢO	HUY	01/07/2002	NAM	42	03		1	18.75	
1552	06000942	7380101	Luật	NGUYỄN HỮU	HUY	23/07/2002	NAM	06	13	01	1	24.25	
1553	42002644	7380101	Luật	NGUYỄN QUANG	HUY	11/06/2002	NAM	42	01		1	18.25	
1554	43006097	7380101	Luật	NGUYỄN QUỐC	HUY	28/12/2002	NAM	43	11		1	23.75	

STT	Số báo danh	Mã ngành	Tên ngành	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã tỉnh	Mã huyện	Đổi trạng	Khu vực	Điểm XT	Ghi chú
1555	42005873	7380101	Luật	PHAN QUANG	HUY	26/12/2002	NAM	42	03		1	21.25	
1556	42002647	7380101	Luật	PHÙNG QUANG	HUY	16/06/2001	NAM	42	01		1	18	
1557	28019177	7380101	Luật	ĐỐI THỊ THU	HUYỀN	10/11/2002	NỮ	28	18		2NT	23.75	
1558	33009203	7380101	Luật	NGUYỄN THỊ THU	HUYỀN	28/03/2002	NỮ	33	05		1	22.5	
1559	42001532	7380101	Luật	KA SẢ KA	HWOAN	09/01/2002	NỮ	42	05	01	1	22	
1560	45003788	7380101	Luật	THIÊN SANH	JÉT	23/09/2002	NAM	45	07	01	1	20.5	
1561	42010072	7380101	Luật	NGUYỄN DUY	KHÁI	28/05/2002	NAM	42	11		1	20.25	
1562	42000219	7380101	Luật	HUỶNH NGUYỄN NHẬT	KHANG	09/06/2002	NAM	42	01		1	19.25	
1563	42000220	7380101	Luật	LÂM HOÀNG	KHANG	03/10/2002	NAM	42	01		1	24	
1564	42000934	7380101	Luật	TRẦN DUY	KHANH	28/07/2002	NAM	42	01		1	23	
1565	42008985	7380101	Luật	HOÀNG QUANG	KHÁNH	25/11/2002	NAM	42	04		1	18.25	
1566	42003557	7380101	Luật	LÊ NGUYỄN	KHÁNH	14/03/2002	NAM	42	12		1	22.5	
1567	52009452	7380101	Luật	NGUYỄN NHỰ	KHÁNH	02/09/2002	NAM	52	07		1	17.75	
1568	42008988	7380101	Luật	K' SANG	KHOA	25/06/2002	NAM	42	04	01	1	20.5	
1569	42000239	7380101	Luật	ĐẶNG NGUYỄN ANH	KHÔI	24/09/2001	NAM	42	01		1	19.75	
1570	41012595	7380101	Luật	NGUYỄN HIẾU ANH	KHƯƠNG	03/06/2002	NAM	41	02		2NT	23	
1571	42001560	7380101	Luật	BƠ NẢH RIA	KIÊN	21/09/2002	NỮ	42	05	01	1	28	
1572	42000248	7380101	Luật	TRẦN QUANG TUẤN	KIỆT	21/10/2002	NAM	42	01		1	18.25	
1573	42003379	7380101	Luật	LIỀNG JRANG K'	KIẾU	27/03/2002	NỮ	42	12	01	1	27.75	
1574	39001785	7380101	Luật	PHAN MINH	LAM	30/11/2002	NAM	39	04		2NT	23.75	
1575	42002685	7380101	Luật	ĐẶNG THÁI	LÂM	21/06/2002	NAM	42	01		1	20.25	
1576	42006440	7380101	Luật	HOÀNG NGỌC BẢO	LÂM	09/01/2002	NAM	42	10		1	21	
1577	42007024	7380101	Luật	LÃNG VÂN	LÂM	22/08/2002	NAM	42	10	01	1	20.25	
1578	42003734	7380101	Luật	MAI NGỌC	LÂM	22/01/2002	NAM	42	05		1	21.75	
1579	42007874	7380101	Luật	KA THỊ HỒNG	LAN	19/07/2002	NỮ	42	04	01	1	26	
1580	40016464	7380101	Luật	LÊ THỊ	LAN	16/03/2002	NỮ	40	01	01	1	25.25	
1581	42009805	7380101	Luật	NGÔ THỊ KIM	LIÊN	05/06/2002	NỮ	42	11		1	22.75	
1582	38008968	7380101	Luật	VŨ THỊ KIM	LIÊN	17/01/2002	NỮ	38	13		1	18.5	
1583	42006776	7380101	Luật	NGUYỄN THỊ	LIỆU	12/11/2002	NỮ	42	10		1	24	
1584	41005360	7380101	Luật	CÀM THỊ MỸ	LINH	06/01/2002	NỮ	41	06	01	1	22.5	
1585	42000270	7380101	Luật	ĐẶNG THỊ ÁNH	LINH	29/06/2002	NỮ	42	01		1	24.05	
1586	42002137	7380101	Luật	HOÀNG XUÂN TRÚC	LINH	07/02/2002	NỮ	42	01		1	21.75	
1587	28019227	7380101	Luật	LÊ THÙY	LINH	16/01/2002	NỮ	28	18		2NT	23.25	
1588	42003740	7380101	Luật	NGÔ NGỌC	LINH	14/02/2002	NỮ	42	05		1	19	
1589	40005684	7380101	Luật	NGUYỄN THỊ	LINH	23/09/2002	NỮ	40	06		1	20.5	
1590	42009425	7380101	Luật	NGUYỄN THỦY	LINH	18/04/2002	NỮ	42	11		1	21.25	
1591	29028131	7380101	Luật	PHẠM THỊ THUỶ	LINH	01/03/2002	NỮ	29	16		2NT	22.25	
1592	47009157	7380101	Luật	VŨ NGỌC MỸ	LINH	01/03/2002	NỮ	47	10		2	18	
1593	42008310	7380101	Luật	LÊ THỊ	LOAN	27/12/2002	NỮ	42	04		1	19.25	
1594	42002152	7380101	Luật	HUỶNH HỮU	LỘC	13/05/2002	NAM	42	01		1	22.25	
1595	42000290	7380101	Luật	NGUYỄN HỮU	LỘC	07/02/2002	NAM	42	01		1	22.5	
1596	54007729	7380101	Luật	NGUYỄN TẤN	LỘC	02/07/2002	NAM	54	15		1	18.9	
1597	42012462	7380101	Luật	NGUYỄN VĂN	LỢI	20/03/2000	NAM	42	07		1	19.5	
1598	45003051	7380101	Luật	NGUYỄN VĂN DUY	LONG	18/10/2002	NAM	45	03		2NT	21.25	
1599	42000286	7380101	Luật	PHẠM HOÀNG	LONG	22/11/2002	NAM	42	01		1	21	
1600	41000556	7380101	Luật	NGUYỄN VĂN	LỤC	24/07/2001	NAM	41	09		2	18	
1601	42003063	7380101	Luật	NGUYỄN THỊ	LY	05/09/2002	NỮ	42	06		1	22.75	
1602	42003744	7380101	Luật	HỒ THỊ TUYẾT	MAI	31/10/2002	NỮ	42	05		1	23.5	
1603	42002163	7380101	Luật	TRƯƠNG HIỀN	MAI	22/05/2002	NỮ	42	01		1	26.5	
1604	43006165	7380101	Luật	MAI MINH	MÃN	02/03/2002	NAM	43	11		1	23.75	
1605	29000136	7380101	Luật	TRƯƠNG CÔNG	MẠNH	26/08/2002	NAM	29	14		2NT	20	
1606	42000311	7380101	Luật	BÙI CÔNG	MINH	04/02/2002	NAM	42	01		1	21.25	
1607	42002171	7380101	Luật	PHẠM LÊ	MINH	18/02/2002	NAM	41	01		1	26.25	
1608	42002715	7380101	Luật	TRẦN NHẬT	MINH	06/01/2002	NAM	42	01		1	20.5	
1609	42006801	7380101	Luật	VŨ THỊ	MƠ	19/05/2002	NỮ	42	10		1	20.25	
1610	42007281	7380101	Luật	HUỶNH NHẬT THẢO	MY	28/08/2002	NỮ	42	10		1	18	
1611	42006803	7380101	Luật	LÊ THỊ HƯƠNG	MY	16/01/2002	NỮ	42	10		1	25	
1612	42000324	7380101	Luật	NGÔ THỊ TRÀ	MY	27/06/2002	NỮ	42	01		1	24.95	
1613	48012945	7380101	Luật	NGUYỄN MAI HÀ	MY	18/06/2002	NỮ	48	11		2	21.35	
1614	41008573	7380101	Luật	NGUYỄN NGỌC ÁI	MY	05/01/2002	NỮ	41	01		2	25.3	

STT	Số báo danh	Mã ngành	Tên ngành	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã tỉnh	Mã huyện	Đổi trạng	Khu vực	Điểm XT	Ghi chú
1615	42002720	7380101	Luật	NGUYỄN THỊ QUỲNH	MY	15/10/2002	NỮ	42	01		1	24.5	
1616	40003066	7380101	Luật	TRẦN ĐIỂM	MY	05/05/2002	NỮ	40	02		1	17.5	
1617	42002185	7380101	Luật	HOÀNG QUỐC	NAM	05/11/2001	NAM	42	01		1	21.25	
1618	42002186	7380101	Luật	NGUYỄN ĐỨC HOÀI	NAM	28/06/2002	NAM	42	03		1	25.5	
1619	42007285	7380101	Luật	TÔ VĂN	NAM	10/12/2002	NAM	42	10		1	21	
1620	36002520	7380101	Luật	NGUYỄN THỊ	NGA	17/12/2002	NỮ	36	07		1	24.25	
1621	63000681	7380101	Luật	NGUYỄN THỊ THÚY	NGA	03/08/2002	NỮ	63	01		1	18.25	
1622	42001014	7380101	Luật	ĐỖ NGUYỄN THẢO	NGÂN	18/03/2002	NỮ	42	01		1	23.75	
1623	42009839	7380101	Luật	KA	NGÂN	01/12/2001	NỮ	42	11	01	1	20.25	
1624	42001641	7380101	Luật	LÝ DƯƠNG	NGÂN	18/04/2002	NAM	42	10	01	1	25.25	
1625	42006480	7380101	Luật	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	13/07/2002	NỮ	42	10		1	24.5	
1626	42002193	7380101	Luật	PHẠM THỊ KIM	NGÂN	10/11/2002	NỮ	42	01		1	19.25	
1627	41003612	7380101	Luật	TRẦN THỊ KIM	NGÂN	26/07/2002	NỮ	41	04		2NT	17.75	
1628	42006481	7380101	Luật	BÙI TRỌNG	NGHĨA	26/11/1998	NAM	42	10		1	25	
1629	42001649	7380101	Luật	KRÃ JÃN K'	NGHIỆP	01/04/2002	NỮ	42	10	01	1	23.25	
1630	40005851	7380101	Luật	NGUYỄN THỊ	NGỌ	05/11/2002	NỮ	40	06		1	19.75	
1631	42001036	7380101	Luật	NGUYỄN THỊ NHƯ	NGỌC	24/11/2002	NỮ	42	01		1	25.05	
1632	42007529	7380101	Luật	NGUYỄN THỊ VÂN	NGỌC	24/05/2002	NỮ	42	10		1	17	
1633	42002743	7380101	Luật	NGUYỄN TRƯỜNG	NGỌC	03/03/2002	NAM	28	20		1	21.75	
1634	42009468	7380101	Luật	PHẠM THỊ BÍCH	NGỌC	29/09/2002	NỮ	42	11		1	21.75	
1635	42003761	7380101	Luật	ĐÌNH THỊ THẢO	NGUYỄN	16/01/2002	NỮ	42	05		1	23.25	
1636	42001042	7380101	Luật	NGUYỄN THỊ THẢO	NGUYỄN	23/06/2002	NỮ	42	01		1	17.75	
1637	42002752	7380101	Luật	TRẦN QUỐC	NGUYỄN	05/06/2002	NAM	42	01		1	20.75	
1638	42002214	7380101	Luật	HỒ PHAN ANH	NGUYỆT	29/08/2002	NỮ	42	01		1	25.25	
1639	42001674	7380101	Luật	KA	NGUYỆT	10/11/2002	NỮ	42	04	01	1	18.5	
1640	39001895	7380101	Luật	MAI HUỲNH	NHÃ	21/05/2002	NỮ	39	04		2NT	23	
1641	42010900	7380101	Luật	PHẠM THỊ	NHÂM	12/03/2002	NỮ	42	08		1	23.5	
1642	42002218	7380101	Luật	ĐỖ THỊ THANH	NHÂN	23/01/2002	NỮ	42	01		1	22.75	
1643	47002405	7380101	Luật	LÊ THỊ THANH	NHÂN	13/01/2002	NỮ	47	04		2NT	20.75	
1644	42001053	7380101	Luật	NGUYỄN ĐÌNH QUỐC	NHÂN	30/12/2002	NAM	42	01		1	17	
1645	32001621	7380101	Luật	NGUYỄN ĐỨC THÀNH	NHÂN	21/11/2002	NAM	32	04		2NT	19	
1646	42001678	7380101	Luật	KA	NHẬN	05/12/2002	NỮ	42	04	01	1	24	
1647	42004757	7380101	Luật	HỒ THỊ UYÊN	NHI	15/07/2002	NỮ	42	03		1	23.75	
1648	42008352	7380101	Luật	KA	NHI	03/06/2002	NỮ	42	04	01	1	20	
1649	38001162	7380101	Luật	LÊ NGỌC HUYỀN	NHI	06/11/2002	NỮ	38	01		1	17.4	
1650	42007543	7380101	Luật	NGUYỄN THỊ NGỌC	NHI	02/02/2002	NỮ	42	10		1	21.25	
1651	45001861	7380101	Luật	TÔ NỮ THỰC	NHI	18/05/2002	NỮ	45	01		2	24	
1652	42007545	7380101	Luật	TRẦN YẾN	NHI	03/01/2002	NỮ	42	10		1	20.75	
1653	42006823	7380101	Luật	NÔNG MINH	NHÍ	03/02/2002	NỮ	42	10	01	1	23.85	
1654	42002246	7380101	Luật	LÊ PHẠM QUỲNH	NHƯ	01/09/2002	NỮ	42	01		1	24	
1655	42002247	7380101	Luật	NGUYỄN BẢO	NHƯ	20/07/2002	NỮ	42	01		1	25.5	
1656	41012855	7380101	Luật	NGUYỄN Ý	NHƯ	04/10/2002	NỮ	41	02		2NT	24	
1657	43007414	7380101	Luật	PHAN THỊ QUỲNH	NHƯ	19/04/2002	NỮ	43	06		1	24.75	
1658	42005584	7380101	Luật	VŨ QUỲNH	NHƯ	05/01/2002	NỮ	42	03		1	24.75	
1659	42006511	7380101	Luật	NGUYỄN THỊ TUYẾT	NHUNG	16/02/2002	NỮ	42	10		1	20.75	
1660	40005503	7380101	Luật	H - TỬÊ	NIÊ	15/04/2002	NỮ	40	06	01	1	18	
1661	40003851	7380101	Luật	H' HOA	NIÊ	27/07/2002	NỮ	40	04	01	1	27	
1662	40008512	7380101	Luật	H TRUC	NIÊ	19/03/2001	NỮ	40	15	01	1	19.75	
1663	42002253	7380101	Luật	PHẠM THỊ KIM	OANH	16/09/2002	NỮ	42	01		1	24.75	
1664	41010255	7380101	Luật	TRẦN KIỀU	OANH	20/11/2002	NỮ	41	03		2	18.75	
1665	52003011	7380101	Luật	NGUYỄN TRƯỜNG TẤN	PHÁT	02/12/1995	NAM	52	01	03	2	21.5	
1666	48016690	7380101	Luật	TRẦN ĐẠI	PHÁT	09/06/2002	NAM	43	03		2	22.9	
1667	28019300	7380101	Luật	LÊ SỸ	PHI	08/10/2002	NAM	28	18		2NT	26	
1668	42002778	7380101	Luật	NGUYỄN HỮU THANH	PHONG	01/01/2002	NAM	42	01		1	22.25	
1669	45005313	7380101	Luật	NGUYỄN HỒNG	PHÚC	16/05/2002	NAM	45	07		2	22.25	
1670	42001731	7380101	Luật	TRƯƠNG QUANG	PHÚC	18/02/2002	NAM	42	01		1	21.25	
1671	42012517	7380101	Luật	ĐÌNH NHẬT	PHƯƠNG	29/05/2002	NAM	42	07		1	22.5	
1672	42005601	7380101	Luật	ĐỖ HUỲNH	PHƯƠNG	09/10/2002	NAM	42	03		1	23	
1673	42002265	7380101	Luật	NGUYỄN HÒA UYÊN	PHƯƠNG	25/01/2002	NỮ	42	01		1	20.5	
1674	42000441	7380101	Luật	NGUYỄN NGỌC LAN	PHƯƠNG	18/10/2002	NỮ	42	01		1	24.25	

STT	Số báo danh	Mã ngành	Tên ngành	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã tỉnh	Mã huyện	Đổi trạng	Khu vực	Điểm XT	Ghi chú
1675	42006836	7380101	Luật	NGUYỄN THỊ	PHƯƠNG	16/03/2001	NỮ	42	10		1	22	
1676	45003840	7380101	Luật	NGUYỄN THỊ THÁI	PHƯƠNG	07/03/1996	NỮ	45	04		1	23	
1677	42001741	7380101	Luật	K'	PHƯỜNG	14/04/2002	NỮ	42	03	01	1	21	
1678	37008243	7380101	Luật	HUYỀN ĐĂNG	QUÁ	23/11/2002	NAM	37	08		2NT	21.25	
1679	42010945	7380101	Luật	ĐỖ HỮU	QUÂN	27/06/2002	NAM	42	02		1	22.25	
1680	63003727	7380101	Luật	PHAN NHẬT	QUÂN	02/02/2002	NAM	63	03		1	17.25	
1681	42007076	7380101	Luật	LÝ VIỆT	QUANG	08/09/2002	NAM	42	10	01	1	22	
1682	42007077	7380101	Luật	NGUYỄN QUÊ	QUANG	13/07/2002	NAM	42	10		1	19.5	
1683	45002650	7380101	Luật	NGUYỄN XUÂN	QUANG	10/08/2002	NAM	45	04		1	18.25	
1684	56010427	7380101	Luật	LÊ NGUYỆT	QUÊ	24/01/2002	NỮ	56	01		2	20.35	
1685	39009761	7380101	Luật	BÈ THỊ LỆ	QUYÊN	12/07/2002	NỮ	39	06	01	1	19.25	
1686	42001130	7380101	Luật	ĐẶNG LÝ BÍCH	QUYÊN	13/09/2001	NỮ	42	01		1	17.25	
1687	38009089	7380101	Luật	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	QUYÊN	24/09/2002	NỮ	38	13		1	21	
1688	42002291	7380101	Luật	TRẦN THỊ HOÀI	QUYÊN	04/09/2002	NỮ	42	01		1	17	
1689	63003172	7380101	Luật	VÕ THỊ HÀN	QUYÊN	12/11/2002	NỮ	63	03		1	20.25	
1690	42002814	7380101	Luật	ĐỒNG LÊ VĂN	QUỲNH	19/09/2002	NỮ	42	01		1	21.25	
1691	42006850	7380101	Luật	NGÔ THỊ DIỄM	QUỲNH	28/04/2002	NỮ	42	10		1	19	
1692	42000476	7380101	Luật	NGUYỄN THỊ NGỌC	QUỲNH	09/04/2002	NỮ	42	01		1	23	
1693	42008013	7380101	Luật	KA	RIM	16/04/2002	NỮ	42	04	01	1	25.25	
1694	47010572	7380101	Luật	TRẦN THANH	SANG	23/11/2001	NAM	47	01		2	23.25	
1695	42013086	7380101	Luật	KA	SIÊM	06/04/2002	NỮ	42	07	01	1	23.5	
1696	28019333	7380101	Luật	LÊ BÁ	SƠN	08/08/2002	NAM	28	18		2NT	19.5	
1697	42006854	7380101	Luật	NGUYỄN HỮU	SƠN	19/11/2002	NAM	42	10		1	20.75	
1698	42005209	7380101	Luật	NGUYỄN HỮU HOÀNG	SƠN	18/06/2002	NAM	42	03		1	24	
1699	48019187	7380101	Luật	TRỊNH HOÀNG	SƠN	04/09/1997	NAM	48	01		2	19.25	
1700	42006553	7380101	Luật	K'	SỢP	24/02/2002	NỮ	42	10	01	1	25.75	
1701	36002112	7380101	Luật	ĐÌNH	SUN	13/03/2002	NAM	38	09	01	1	21.75	
1702	41005803	7380101	Luật	MÀ	SƯƠNG	18/10/2002	NỮ	41	05	01	1	24	
1703	63003812	7380101	Luật	ĐẶNG TIẾN	TÀI	21/08/2002	NAM	63	03		1	21	
1704	42000489	7380101	Luật	ĐOÀN CÔNG	TÀI	05/02/2002	NAM	42	01		1	19.5	
1705	50006759	7380101	Luật	NGUYỄN PHƯỚC	TÀI	27/04/2002	NAM	50	05		2	25.5	
1706	63003828	7380101	Luật	NGUYỄN HOÀNG MINH	TÂN	23/11/2002	NAM	63	03		1	17.5	
1707	42005218	7380101	Luật	DƯƠNG QUỐC	THÁI	10/05/2002	NAM	42	01		1	21	
1708	42006225	7380101	Luật	YA -	THÁNG	01/04/2002	NAM	42	03	01	1	23.25	
1709	42002345	7380101	Luật	LƯƠNG QUỐC	THÁNG	12/09/2002	NAM	42	01		1	24.6	
1710	42005995	7380101	Luật	NGUYỄN HỮU	THÁNG	01/02/2002	NAM	42	03		1	21.25	
1711	42002328	7380101	Luật	LÊ THỊ TRANG	THANH	03/03/2000	NỮ	42	01		1	20	
1712	42001796	7380101	Luật	LÝ PHỤ	THANH	22/04/2001	NAM	42	10	01	1	26.5	
1713	42005224	7380101	Luật	TOU PRONG YA	THÁNH	05/03/1997	NAM	42	03	01	1	21	
1714	02043106	7380101	Luật	LÊ ĐĂNG	THÀNH	20/10/2002	NAM	42	03		3	21	
1715	42005656	7380101	Luật	LÊ ĐÌNH	THÀNH	17/11/2002	NAM	42	03		1	24.25	
1716	42011533	7380101	Luật	LÊ PHƯỚC	THÀNH	20/03/2002	NAM	42	02		1	17.5	
1717	42006871	7380101	Luật	BÙI THỊ PHƯƠNG	THẢO	19/09/2002	NỮ	42	10		1	25.25	
1718	48020418	7380101	Luật	ĐỖ NGUYỄN NGUYỄN	THẢO	23/08/2002	NỮ	48	02		2NT	20.3	
1719	35002578	7380101	Luật	LÊ THANH	THẢO	02/05/2002	NỮ	35	03		2	22.75	
1720	41004768	7380101	Luật	NGUYỄN THANH	THẢO	15/01/2002	NỮ	41	01		2	19.25	
1721	42000523	7380101	Luật	NGUYỄN TRẦN THANH	THẢO	24/04/2002	NỮ	42	01		1	22	
1722	27006281	7380101	Luật	TRƯƠNG THỊ THANH	THẢO	15/03/2002	NỮ	27	07		2NT	23.7	
1723	42001811	7380101	Luật	KON SƠ SA LA	THIA	23/09/2000	NỮ	42	03	01	1	25.75	
1724	34004502	7380101	Luật	ĐÌNH VĂN THÀNH	THIÊN	10/06/2002	NAM	34	02		2	22.75	
1725	42005232	7380101	Luật	K'	THIỆN	10/09/2002	NAM	42	03	01	1	24	
1726	45003267	7380101	Luật	TRƯƠNG TRẦN THANH	THIỆN	02/02/2002	NAM	45	03		2NT	21.5	
1727	42002869	7380101	Luật	DƯƠNG NGỌC MỸ	THỊNH	26/12/2000	NỮ	42	10		1	20.25	
1728	42002351	7380101	Luật	HÀ PHƯỚC	THỊNH	01/05/2002	NAM	42	01		1	21	
1729	45000279	7380101	Luật	KIỀU PHÚC	THỊNH	20/02/2002	NAM	45	04		1	20.25	
1730	42005236	7380101	Luật	NGUYỄN QUỐC	THỊNH	13/02/2002	NAM	42	03		1	19.5	
1731	41012047	7380101	Luật	NGUYỄN THỊ HỒNG	THOÀ	16/09/2002	NỮ	41	02		1	20.92	
1732	42006594	7380101	Luật	PANG SIM	THỎA	21/03/2002	NỮ	42	10	01	1	23.25	
1733	63001095	7380101	Luật	NGUYỄN ĐỨC	THÔNG	23/09/2002	NAM	63	01		1	20.25	
1734	41004818	7380101	Luật	NGUYỄN THỊ MINH	THƯ	08/08/2001	NỮ	41	04		2	20.25	

STT	Số báo danh	Mã ngành	Tên ngành	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã tỉnh	Mã huyện	Đổi trạng	Khu vực	Điểm XT	Ghi chú
1735	48022473	7380101	Luật	PHẠM NGUYỄN ANH	THỨ	13/06/2002	NỮ	48	01		2	17	
1736	38006954	7380101	Luật	ĐÌNH	THỰC	28/03/2002	NAM	38	04	01	1	28	
1737	42002878	7380101	Luật	LÊ	THƯỜNG	07/01/2001	NAM	42	01		1	20.75	
1738	42010178	7380101	Luật	VŨ THANH	THƯỜNG	02/08/2002	NỮ	42	11		1	20.05	
1739	42002361	7380101	Luật	NGUYỄN NGỌC THANH	THÚY	08/05/2002	NỮ	42	01		1	25	
1740	41012054	7380101	Luật	NGUYỄN THỊ KIM	THÚY	06/02/2002	NỮ	41	02		1	21.5	
1741	42011563	7380101	Luật	TRẦN THỊ THANH	THÚY	16/01/2002	NỮ	42	02		1	20.5	
1742	42008077	7380101	Luật	KA	THUYỀN	25/01/2002	NỮ	42	04	01	1	25.75	
1743	42002371	7380101	Luật	BÙI THỊ THÚY	TIỀN	04/09/2002	NỮ	42	01		1	24.75	
1744	41000750	7380101	Luật	ĐÌNH THỊ THÚY	TIỀN	13/12/2002	NỮ	41	09		2	19.75	
1745	47000769	7380101	Luật	BÙI NGỌC	TIỀN	13/09/1999	NAM	47	04		2	17.25	
1746	29001576	7380101	Luật	TRẦN XUÂN	TIẾN	26/06/2002	NAM	29	14		2NT	23	
1747	41004238	7380101	Luật	TRẦN THIỆN THANH	TIẾN	31/05/2002	NỮ	41	04		2NT	17	
1748	40001271	7380101	Luật	H HUẾ PANG	TING	01/01/2002	NỮ	40	12	01	1	17.5	
1749	42001845	7380101	Luật	K'	TOÀN	28/04/2002	NAM	42	04	01	1	25.25	
1750	63002712	7380101	Luật	LÊ THANH	TỐI	07/11/2002	NAM	63	05		1	26	
1751	43002319	7380101	Luật	NGUYỄN THANH	TÔNG	18/06/2002	NAM	43	07		1	20	
1752	63003961	7380101	Luật	NGUYỄN NỮ HƯƠNG	TRÀ	20/12/2001	NỮ	63	03		1	17	
1753	42002898	7380101	Luật	VŨ THỊ	TRÂM	13/02/2002	NỮ	42	01		1	22.25	
1754	45004491	7380101	Luật	NGUYỄN NGỌC QUẾ	TRẦN	02/07/2002	NỮ	45	01		2	19.25	
1755	52004473	7380101	Luật	NGUYỄN THỊ NGỌC	TRẦN	21/11/2002	NỮ	52	06		2	19.5	
1756	42000637	7380101	Luật	PHẠM THỤY NGỌC	TRẦN	14/10/2002	NỮ	42	01		1	23.7	
1757	42002403	7380101	Luật	THÁI NGỌC BAO	TRẦN	17/08/2002	NỮ	42	01		1	22.75	
1758	41005883	7380101	Luật	ĐỖ THỊ THU	TRANG	18/02/2002	NỮ	41	01		2	17.95	
1759	42009948	7380101	Luật	LÊ THỊ THANH	TRANG	26/07/2002	NỮ	42	11		1	19.25	
1760	42001227	7380101	Luật	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	13/06/2002	NỮ	42	01		1	20	
1761	24004452	7380101	Luật	TRẦN THỊ HUỖN	TRANG	11/02/2002	NỮ	24	04		2NT	23.9	
1762	01056162	7380101	Luật	VŨ THỊ	TRANG	25/04/2002	NỮ	01	21		2	23.5	
1763	42002406	7380101	Luật	NGUYỄN ĐẶNG MINH	TRÍ	03/01/2002	NAM	42	01		1	23.25	
1764	45005685	7380101	Luật	NGUYỄN QUỐC	TRIỆU	09/08/2002	NAM	45	01		2	18.75	
1765	42006639	7380101	Luật	UNG THUYẾT	TRÌNH	02/09/2002	NAM	42	10		1	22.75	
1766	42000668	7380101	Luật	TRƯƠNG THỊ THANH	TRÚC	26/11/2002	NỮ	42	01		1	20.75	
1767	42007135	7380101	Luật	HOÀNG QUỐC	TRUNG	11/05/2002	NAM	42	10		1	19.75	
1768	42001256	7380101	Luật	NGUYỄN ĐÌNH	TRUNG	08/06/2002	NAM	42	01		1	23	
1769	42001882	7380101	Luật	LÝ PHI	TRƯỜNG	03/02/2002	NAM	42	10	01	1	24.75	
1770	42002916	7380101	Luật	NGUYỄN QUANG	TRƯỜNG	02/08/2002	NAM	42	01		1	20	
1771	02040137	7380101	Luật	LÊ VĂN	TRƯỜNG	31/07/2002	NAM	28	19		3	21	
1772	42009164	7380101	Luật	PHẠM VĂN	TRƯỜNG	30/06/2001	NAM	42	04		1	18.4	
1773	21007477	7380101	Luật	LÊ ĐÌNH	TÚ	19/10/2002	NAM	21	06		2NT	22.75	
1774	42004500	7380101	Luật	NGUYỄN HOÀNG LÊ ANH	TÚ	19/01/2002	NAM	42	05		1	17.5	
1775	42002922	7380101	Luật	PHẠM VĂN	TÚ	05/09/2002	NAM	42	01		1	19.75	
1776	41004282	7380101	Luật	TRẦN THỊ THÙY	TÚ	25/05/2002	NỮ	41	04		2NT	22	
1777	28019454	7380101	Luật	LÊ ĐỨC	TUẤN	07/08/2002	NAM	28	18		2NT	22.25	
1778	43006376	7380101	Luật	BÙI VĂN	TÙNG	05/10/2002	NAM	43	11		1	22.75	
1779	42005754	7380101	Luật	LÊ HỮU	TÙNG	23/05/2002	NAM	42	03		1	20.5	
1780	46005337	7380101	Luật	NGUYỄN THANH	TÙNG	22/01/2002	NAM	46	07		2NT	22.75	
1781	42008855	7380101	Luật	K	TUYẾN	06/07/2002	NAM	42	04	01	1	25.75	
1782	42004933	7380101	Luật	NGUYỄN THỊ THANH	TUYỀN	11/10/2002	NỮ	42	03		1	22.25	
1783	42007368	7380101	Luật	NGUYỄN THỊ BẠCH	TUYẾT	20/06/2001	NỮ	42	10		1	23	
1784	42004935	7380101	Luật	LỤC THỊ HOÀNG	UY	16/02/2002	NỮ	42	03	01	1	23.75	
1785	42007655	7380101	Luật	NGUYỄN THỊ BẢO	UYÊN	18/03/2002	NỮ	42	10		1	17.75	
1786	42002941	7380101	Luật	PHẠM THỊ BẢO	UYÊN	08/04/2001	NỮ	42	01		1	23.75	
1787	43007689	7380101	Luật	PHẠM THỊ PHƯƠNG	UYÊN	19/02/2002	NỮ	43	06		1	21.5	
1788	42008129	7380101	Luật	KA	UYÊN	29/04/2002	NỮ	42	04	01	1	26.75	
1789	63000901	7380101	Luật	LÊ THỊ	VÂN	13/01/2002	NỮ	63	01		1	19.75	
1790	42007660	7380101	Luật	NGUYỄN THỊ	VÂN	18/10/2002	NỮ	42	10		1	18.75	
1791	42002459	7380101	Luật	PHẠM NGUYỄN NGỌC	VÂN	26/10/2002	NỮ	42	01		1	23.25	
1792	02023392	7380101	Luật	ĐOÀN THỊ TƯỜNG	VI	22/02/2002	NỮ	42	02		3	23.25	
1793	42002466	7380101	Luật	NGUYỄN NGỌC TƯỜNG	VI	27/05/2002	NỮ	42	01		1	18.75	
1794	40018607	7380101	Luật	NGUYỄN THỊ HẠ	VI	25/11/2002	NỮ	40	01		1	19.25	

STT	Số báo danh	Mã ngành	Tên ngành	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã tỉnh	Mã huyện	Đổi trường	Khu vực	Điểm XT	Ghi chú
1795	22002179	7380101	Luật	PHẠM THỊ TƯỜNG	VI	02/01/2002	NỮ	22	06		2NT	23.25	
1796	39001744	7380101	Luật	TRẦN MỸ	VI	16/08/2002	NỮ	39	04		2NT	20	
1797	42008662	7380101	Luật	PHẠM QUỐC	VIỆT	27/10/2002	NAM	42	04		1	23.25	
1798	42005295	7380101	Luật	TRƯƠNG MINH	VIỆT	08/10/2002	NAM	42	03		1	23.5	
1799	42004516	7380101	Luật	NGUYỄN TÂN	VINH	15/03/2002	NAM	42	05		1	19.75	
1800	42005297	7380101	Luật	PHAN QUANG	VINH	09/02/2002	NAM	45	03		1	23.75	
1801	45001559	7380101	Luật	NGUYỄN QUANG	VĨNH	31/12/2001	NAM	45	04		1	22.25	
1802	40009879	7380101	Luật	NGUYỄN THỊ	VƯƠNG	04/02/2001	NỮ	40	14		1	18.25	
1803	43002862	7380101	Luật	BÙI NGỌC YẾN	VY	15/09/2002	NỮ	02	16		1	24.75	
1804	42000731	7380101	Luật	LÊ NGUYỄN NHẬT	VY	21/05/2002	NỮ	42	01		1	26.05	
1805	42009698	7380101	Luật	LÊ THỊ HỒNG	VY	05/03/2002	NỮ	42	11		1	21.55	
1806	41009209	7380101	Luật	NGUYỄN THỊ UYÊN	VY	21/05/2002	NỮ	41	01		1	22.75	
1807	42006929	7380101	Luật	TRẦN THẢO	VY	22/07/2002	NỮ	42	10		1	25.25	
1808	35002196	7380101	Luật	TẠ ĐỨC	VỸ	27/12/2002	NAM	35	02		2NT	17	
1809	42004307	7380101	Luật	HOÀNG THỊ HƯƠNG	XUÂN	05/11/2002	NỮ	42	05		1	24.45	
1810	42001321	7380101	Luật	VŨ NGUYỄN THANH	XUÂN	04/12/2002	NỮ	42	01		1	21.75	
1811	42006932	7380101	Luật	LÊ THỊ NGỌC	YẾN	08/11/2002	NỮ	42	10		1	20.25	
1812	42004976	7380101	Luật	NGUYỄN THỊ HỒNG	YẾN	29/03/1998	NỮ	01	04		1	20.25	
1813	45002841	7380101	Luật	PHAN THỊ KIM	YẾN	20/08/2002	NỮ	45	04		1	17.5	
1814	42009998	7380101	Luật	K'	YON	05/09/2001	NAM	42	11	01	1	20.5	
1815	42011329	7420101	Sinh học	NGUYỄN THỊ THU	HUYỀN	25/10/2002	NỮ	42	02		1	16.65	
1816	42011400	7420101	Sinh học	TRẦN XUÂN	MẠNH	10/05/2002	NAM	42	02		1	20.85	
1817	41005874	7420101	Sinh học	PHAN QUỐC	TÍN	23/06/2002	NAM	41	01		2	17.65	
1818	42000764	7420201	Công nghệ sinh học	HUỶNH QUỲNH	ANH	13/04/2002	NỮ	42	01		1	22.8	
1819	47000980	7420201	Công nghệ sinh học	LÊ TỬ	ANH	31/01/2002	NAM	47	02		2NT	22.8	
1820	42003308	7420201	Công nghệ sinh học	ĐA CÁT K'	BEN	23/05/2002	NỮ	42	12	01	1	24.8	
1821	42004574	7420201	Công nghệ sinh học	NGUYỄN NHẬT	ĐĂNG	29/05/2002	NAM	42	03		1	18.5	
1822	02002344	7420201	Công nghệ sinh học	GIANG VÕ THÚY	DIỆM	25/11/2002	NỮ	53	01		3	24.15	
1823	43005196	7420201	Công nghệ sinh học	VI THỊ KIỀU	DIỆM	27/12/2002	NỮ	43	08	01	1	20.9	
1824	42000851	7420201	Công nghệ sinh học	LÊ HOÀNG	GIANG	08/06/2002	NỮ	42	01		1	17.45	
1825	42006407	7420201	Công nghệ sinh học	TRẦN THỊ	HUỆ	02/01/2002	NỮ	42	10		1	22.9	
1826	42000202	7420201	Công nghệ sinh học	NGUYỄN TRẦN GIA	HƯNG	29/04/2002	NAM	42	01		1	21.2	
1827	02065396	7420201	Công nghệ sinh học	NGUYỄN THỊ KIM	KHUYẾN	29/10/2002	NỮ	42	05		3	20.65	
1828	02059001	7420201	Công nghệ sinh học	PHAN THỊ HOÀI	LINH	15/07/2002	NỮ	30	06		3	21.6	
1829	63005838	7420201	Công nghệ sinh học	VŨ DUY	LINH	04/04/2002	NAM	63	07		1	18.35	
1830	42002154	7420201	Công nghệ sinh học	NGUYỄN TRỌNG	LỘC	14/03/2002	NAM	42	01		1	23.15	
1831	42000317	7420201	Công nghệ sinh học	THÔNG HÙNG	MINH	23/07/2001	NAM	42	01	01	1	24.85	
1832	42008770	7420201	Công nghệ sinh học	VÕ TRUNG	NGUYỄN	25/07/2002	NAM	42	04		1	16.3	
1833	42002217	7420201	Công nghệ sinh học	LÊ NGUYỄN THANH	NHÃ	21/07/2002	NỮ	42	01		1	24.85	
1834	42004116	7420201	Công nghệ sinh học	BÙI THẢO	NHI	14/01/2002	NỮ	42	05		1	24.75	
1835	42001069	7420201	Công nghệ sinh học	TRẦN NGỌC UYÊN	NHI	07/12/2002	NỮ	42	01		1	24.4	
1836	42013064	7420201	Công nghệ sinh học	KA	PHÔM	13/07/2002	NỮ	42	11	01	1	21.35	
1837	42002255	7420201	Công nghệ sinh học	PHẠM GIA	PHONG	05/12/2002	NAM	42	01		1	19.3	
1838	42000460	7420201	Công nghệ sinh học	HUỶNH NHẬT MINH	QUẢN	13/12/2001	NAM	42	01		1	22	
1839	43002254	7420201	Công nghệ sinh học	BÙI VĂN	QUỲNH	20/12/1999	NAM	43	07		1	15.85	
1840	42005246	7420201	Công nghệ sinh học	PHAN ANH	THỨ	08/05/2002	NỮ	42	03		1	21.8	
1841	45004868	7420201	Công nghệ sinh học	VÕ THÀNH	TÍCH	06/01/2002	NAM	45	03		2NT	23.6	
1842	55001312	7420201	Công nghệ sinh học	NGUYỄN TRÚC NHẬT	TIÊN	03/12/2001	NỮ	42	04		3	18.75	
1843	42000590	7420201	Công nghệ sinh học	ĐẶNG QUỐC	TÍN	21/02/2002	NAM	42	01		1	22.4	
1844	42004232	7420201	Công nghệ sinh học	TRẦN QUỐC	TOÀN	20/09/2002	NAM	42	05		1	21.45	
1845	42004901	7420201	Công nghệ sinh học	LÊ THỊ BẢO	TRÂM	27/01/2002	NỮ	42	03		1	18.38	
1846	06003773	7420201	Công nghệ sinh học	LUẬN THỊ QUỲNH	TRÂM	16/04/2002	NỮ	40	07	01	1	23.25	
1847	42012612	7420201	Công nghệ sinh học	NGUYỄN THỊ THANH	TUYÊN	13/02/2002	NỮ	42	07		1	23	
1848	42001287	7420201	Công nghệ sinh học	NGUYỄN TRẦN BẢO	VĂN	04/07/2002	NỮ	42	01		1	22.3	
1849	42013525	7420201	Công nghệ sinh học	NGUYỄN TRẦN THANH	YẾN	10/02/2002	NAM	42	09		1	18.05	
1850	40015702	7440112	Hóa học	TÂN HỌC	HIẾU	04/10/2002	NAM	40	01		1	20.15	
1851	47000368	7440112	Hóa học	NGUYỄN HOÀNG PHÚC	LUẬN	21/11/2002	NAM	47	01		2	16.8	
1852	41002495	7440301	Khoa học môi trường	LÊ ĐỨC	HUY	09/03/2002	NAM	41	09		2NT	17.75	
1853	47010554	7440301	Khoa học môi trường	TRẦN DUY	QUANG	16/07/2001	NAM	47	01		2	21.55	
1854	42001179	7440301	Khoa học môi trường	TRƯƠNG BẢO	THẮNG	28/06/2002	NAM	42	01		1	20.65	

STT	Số báo danh	Mã ngành	Tên ngành	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã tỉnh	Mã huyện	Đổi trọng	Khu vực	Điểm XT	Ghi chú
1855	52004404	7460101	Toán học	LÝ THỊ	THOAN	24/11/2001	NỮ	52	02	06	2	22.5	
1856	45004977	7480201	Công nghệ thông tin	NGUYỄN LƯƠNG GIA	BẢO	18/01/2002	NAM	45	02		2NT	16.8	
1857	47003964	7480201	Công nghệ thông tin	NGÔ ĐĂNG THANH	BÌNH	27/08/2002	NAM	47	08		1	21.2	
1858	39004617	7480201	Công nghệ thông tin	LÊ THỊ LINH	ĐA	20/12/2002	NỮ	39	10		2NT	16.35	
1859	42002021	7480201	Công nghệ thông tin	NGUYỄN THÀNH	ĐẠT	15/11/2002	NAM	42	01		1	21.05	
1860	42001429	7480201	Công nghệ thông tin	PHAN TIẾN	ĐẠT	20/11/2002	NAM	42	01		1	17.95	
1861	55006544	7480201	Công nghệ thông tin	TRƯƠNG PHÁT	ĐẠT	02/02/2002	NAM	55	01		3	17	
1862	42000845	7480201	Công nghệ thông tin	TRẦN DIỆU	ĐÔNG	20/02/2002	NAM	42	01	01	1	25.75	
1863	42001418	7480201	Công nghệ thông tin	NGUYỄN ĐÌNH DUY	DƯỜNG	15/04/2001	NAM	42	01		1	18.95	
1864	42008686	7480201	Công nghệ thông tin	NGUYỄN ĐÌNH	DUY	30/05/2002	NAM	42	04		1	20	
1865	42005028	7480201	Công nghệ thông tin	NGUYỄN THỊ MỸ	DUYÊN	14/04/2002	NỮ	40	06		1	22.25	
1866	42003676	7480201	Công nghệ thông tin	THÁI NGUYỄN BẢO	GIANG	21/07/2002	NAM	42	05		1	18.8	
1867	21009197	7480201	Công nghệ thông tin	TA THỊ THẢO	HIỀN	20/10/2002	NỮ	17	10		2	16.75	
1868	42000203	7480201	Công nghệ thông tin	NGUYỄN XUÂN	HUNG	04/02/2002	NAM	42	01		1	22.65	
1869	42006760	7480201	Công nghệ thông tin	PHÙNG XUÂN	HUNG	20/11/2002	NAM	42	10		1	17.55	
1870	42001524	7480201	Công nghệ thông tin	TRƯƠNG NGUYỄN QUỐC	HUNG	15/03/2001	NAM	42	01		1	17.75	
1871	42000899	7480201	Công nghệ thông tin	ĐÀO QUANG	HUY	18/06/2002	NAM	42	01		1	26.1	
1872	47005919	7480201	Công nghệ thông tin	MAI PHÚC	HUY	27/11/2002	NAM	55	01		2	20.45	
1873	41005258	7480201	Công nghệ thông tin	NGUYỄN MINH	HUY	04/05/2002	NAM	41	01		2	20.35	
1874	42007470	7480201	Công nghệ thông tin	PHẠM HOÀNG NHẬT	HUY	24/02/2002	NAM	42	10		1	20.95	
1875	42000199	7480201	Công nghệ thông tin	VÕ THỊ THU	HUYỀN	14/12/2002	NỮ	42	01		1	24.9	
1876	63001942	7480201	Công nghệ thông tin	TRẦN MINH	HUYỀN	13/02/2002	NAM	63	02		1	22.4	
1877	42002674	7480201	Công nghệ thông tin	PHẠM ĐO ANH	KHÔI	08/11/2002	NAM	42	01		1	20.95	
1878	42003729	7480201	Công nghệ thông tin	HOÀNG ĐÌNH TUẤN	KIỆT	22/12/2001	NAM	42	05		1	21.45	
1879	47009595	7480201	Công nghệ thông tin	NGUYỄN VŨ TUẤN	KIỆT	10/10/2002	NAM	47	04	06	2NT	19.2	
1880	42002687	7480201	Công nghệ thông tin	NGUYỄN BẢO	LÂM	13/10/2002	NAM	42	01		1	24.15	
1881	42000956	7480201	Công nghệ thông tin	NGUYỄN KIM	LÂM	02/09/2002	NAM	42	01		1	23.25	
1882	42003739	7480201	Công nghệ thông tin	NGÔ HỒNG	LINH	29/07/2002	NAM	42	05		1	18.85	
1883	42002151	7480201	Công nghệ thông tin	BÙI PHƯỚC	LỘC	05/04/2002	NAM	42	01		1	20.95	
1884	42002148	7480201	Công nghệ thông tin	NGUYỄN THÀNH	LONG	03/04/2002	NAM	42	06		1	21.65	
1885	42000288	7480201	Công nghệ thông tin	TRẦN NGỌC HOÀNG	LONG	06/06/2002	NAM	42	01		1	25.65	
1886	42002714	7480201	Công nghệ thông tin	NGUYỄN NHẬT	MINH	02/01/2002	NAM	42	01		1	19.1	
1887	42011866	7480201	Công nghệ thông tin	NGUYỄN MỘNG HOÀI	MY	01/01/2002	NỮ	42	02		1	23.65	
1888	45004203	7480201	Công nghệ thông tin	NGUYỄN ĐĂNG HOÀI	NAM	06/01/2002	NAM	45	01		2	22.7	
1889	48014035	7480201	Công nghệ thông tin	NGUYỄN QUANG	NGHĨA	15/12/2002	NAM	47	07		1	22	
1890	42002745	7480201	Công nghệ thông tin	HOÀNG CÔNG	NGUYỄN	22/11/2002	NAM	42	01		1	21.6	
1891	39009498	7480201	Công nghệ thông tin	TRẦN DUY	NHÂN	04/06/2002	NAM	39	01		2	15.7	
1892	42002229	7480201	Công nghệ thông tin	TRẦN ĐÌNH MINH	NHẬT	31/05/2002	NAM	42	01		1	23.75	
1893	44006655	7480201	Công nghệ thông tin	NGUYỄN NGỌC	NHI	28/03/2002	NỮ	44	11		2	21.7	
1894	42000426	7480201	Công nghệ thông tin	NGUYỄN XUÂN	PHÁT	24/08/2002	NAM	42	01		1	21.35	
1895	42001730	7480201	Công nghệ thông tin	PHẠM VĂN	PHÚC	02/03/2002	NAM	42	01		1	20.25	
1896	63005435	7480201	Công nghệ thông tin	ĐỖ HỒNG	QUÂN	16/02/2001	NAM	63	06		1	19.65	
1897	42002278	7480201	Công nghệ thông tin	NGUYỄN HỒ ANH	QUÂN	06/10/2001	NAM	42	01		1	23.3	
1898	42002798	7480201	Công nghệ thông tin	NGUYỄN KHÁC	QUANG	28/08/2002	NAM	42	01		1	18.7	
1899	42004810	7480201	Công nghệ thông tin	ĐỖ QUỐC	SANG	26/11/2002	NAM	42	03		1	26.7	
1900	42005634	7480201	Công nghệ thông tin	BÙI QUANG	SƠN	07/01/2002	NAM	42	03		1	23.55	
1901	63002114	7480201	Công nghệ thông tin	QUẢNG VĂN	SƯƠNG	02/07/2002	NAM	63	02		1	18.6	
1902	42007096	7480201	Công nghệ thông tin	NGUYỄN ANH	TÀI	08/09/2002	NAM	42	10		1	19.9	
1903	42000501	7480201	Công nghệ thông tin	LÝ THỊ MINH	TÂM	14/10/2002	NỮ	42	01		1	22.3	
1904	42004471	7480201	Công nghệ thông tin	NGUYỄN KHÁC	TẤN	12/08/2002	NAM	42	05		1	23	
1905	42002861	7480201	Công nghệ thông tin	LÊ THỊ HỒNG	THẨM	04/02/2002	NỮ	42	01		1	22.5	
1906	42002344	7480201	Công nghệ thông tin	ĐỖ ĐĂNG MINH	THẮNG	13/09/2002	NAM	42	01		1	21.8	
1907	42000526	7480201	Công nghệ thông tin	NGUYỄN XUÂN	THẮNG	12/08/2002	NAM	42	01		1	21.4	
1908	42011529	7480201	Công nghệ thông tin	VŨ QUANG	THANH	30/06/2002	NAM	42	02		1	16.4	
1909	42002854	7480201	Công nghệ thông tin	NGUYỄN KIẾN	THÀNH	19/09/2002	NAM	19	07		1	20.8	
1910	42006238	7480201	Công nghệ thông tin	NGUYỄN ĐỨC	THUẬN	10/02/2002	NAM	42	03		1	22.3	
1911	42001224	7480201	Công nghệ thông tin	LÂM THUY HUỖN	TRANG	29/03/2002	NỮ	42	01		1	22.65	
1912	47006989	7480201	Công nghệ thông tin	PHẠM THỊ HOÀI	TRANG	03/05/2001	NỮ	47	01		2	23.25	
1913	42000645	7480201	Công nghệ thông tin	MAI HÀ	TRÍ	07/12/2001	NAM	42	01		1	24.3	
1914	42000649	7480201	Công nghệ thông tin	CAO VŨ HUỖNH	TRINH	27/04/2002	NỮ	42	01		1	22.75	

STT	Số báo danh	Mã ngành	Tên ngành	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã tỉnh	Mã huyện	Đổi trường	Khu vực	Điểm XT	Ghi chú
1915	42000655	7480201	Công nghệ thông tin	TỪ THỊ THANH	TRINH	16/12/2002	NỮ	42	01		1	23.65	
1916	42001873	7480201	Công nghệ thông tin	ĐÌNH THÀNH	TRUNG	09/07/2002	NAM	42	01		1	16.6	
1917	48025029	7480201	Công nghệ thông tin	NGÔ NGUYỄN ĐỨC	TRUNG	26/12/2001	NAM	48	01		2	19.9	
1918	38013215	7480201	Công nghệ thông tin	NAY	TRƯỜNG	10/09/2002	NAM	38	16	01	1	18.25	
1919	42002421	7480201	Công nghệ thông tin	PHAN VĂN NHẬT	TRƯỜNG	06/05/2002	NAM	42	01		1	24.25	
1920	47009740	7480201	Công nghệ thông tin	NGUYỄN THANH	TÚ	03/09/2002	NAM	47	04		2NT	20.75	
1921	42011640	7480201	Công nghệ thông tin	VÔ ĐỨC	TUẤN	14/02/2002	NAM	42	02		1	16.45	
1922	42002438	7480201	Công nghệ thông tin	NGUYỄN TRƯỜNG QUANG	TUYẾN	28/11/2002	NAM	42	01		1	23	
1923	42001294	7480201	Công nghệ thông tin	NGUYỄN ĐĂNG QUỐC	VINH	31/08/2002	NAM	42	01		1	23.75	
1924	42001299	7480201	Công nghệ thông tin	NGUYỄN TRƯỜNG	VŨ	19/12/2002	NAM	42	01		1	24.75	
1925	42000734	7480201	Công nghệ thông tin	NGUYỄN LÊ	VY	13/09/2002	NỮ	42	01		1	23.65	
1926	42001311	7480201	Công nghệ thông tin	NGUYỄN THỊ HUYỀN	VY	15/10/2002	NỮ	42	01		1	23.1	
1927	52004580	7480201	Công nghệ thông tin	NGUYỄN NGỌC HOÀNG	YÊN	18/01/2002	NỮ	52	08		2	16.45	
1928	42005390	7510302	CK. Điện tử - Viễn thông	NGUYỄN BÁ	GIÁP	21/07/2002	NAM	42	03		1	20.45	
1929	42004007	7510302	CK. Điện tử - Viễn thông	ĐỖ TUẤN	HUY	22/05/2002	NAM	42	05		1	19.65	
1930	42004190	7510302	CK. Điện tử - Viễn thông	LÊ QUỐC	THÁI	08/01/2002	NAM	42	05		1	20.3	
1931	48023204	7510302	CK. Điện tử - Viễn thông	PHẠM ĐỨC	TIẾN	09/12/2002	NAM	48	04		1	18.4	
1932	03006515	7520402	Kỹ thuật hạt nhân	NGUYỄN TRƯỜNG	GIANG	17/07/2002	NAM	03	05		3	21.55	
1933	42002042	7520402	Kỹ thuật hạt nhân	LÊ THỊ THU	HÀ	10/08/2002	NỮ	42	01		1	23.6	
1934	42002183	7520402	Kỹ thuật hạt nhân	CAO LÊ NGỌC	NAM	22/04/2002	NAM	42	01		1	25.15	
1935	42008333	7520402	Kỹ thuật hạt nhân	NGUYỄN HOÀNG	NAM	14/11/2002	NAM	42	04		1	18.2	
1936	42005194	7520402	Kỹ thuật hạt nhân	NGUYỄN THỊ BÍCH	PHƯỢNG	02/09/2001	NỮ	42	03		1	23.2	
1937	42000633	7520402	Kỹ thuật hạt nhân	NGUYỄN NGỌC BẢO	TRẦN	04/10/2002	NỮ	42	01		1	23.35	
1938	12005783	7540104	Công nghệ sau thu hoạch	LÊ THỊ NGỌC	ANH	23/03/2002	NỮ	12	07	01	1	24.7	
1939	26004841	7540104	Công nghệ sau thu hoạch	PHẠM THỊ BÍCH	HÒA	21/03/2002	NỮ	26	02		2NT	22.1	
1940	42004649	7540104	Công nghệ sau thu hoạch	DƯƠNG VĂN	KHÔI	19/04/2002	NAM	42	03		1	24.2	
1941	42009863	7540104	Công nghệ sau thu hoạch	MAI THANH VŨ	NHI	05/07/2002	NỮ	42	11		1	19.3	
1942	42006508	7540104	Công nghệ sau thu hoạch	LÊ THỊ HỒNG	NHUNG	13/04/2002	NỮ	42	10		1	20.4	
1943	42004133	7540104	Công nghệ sau thu hoạch	TRƯỜNG PHẠM HỒNG	NHUNG	25/01/2002	NỮ	42	05		1	21.45	
1944	52011271	7540104	Công nghệ sau thu hoạch	NGUYỄN THÀNH	QUÂN	25/11/2002	NAM	52	03		1	25.25	
1945	42005200	7540104	Công nghệ sau thu hoạch	CHU THỊ	QUYÊN	25/09/2002	NỮ	42	03		1	22.3	
1946	42001391	7620109	Nông học	KA	DIỄM	01/09/2002	NỮ	42	04	01	1	26.1	
1947	42011237	7620109	Nông học	ĐỖ TRÚNG	DƯƠNG	15/12/2002	NAM	42	02		1	22.65	
1948	47004530	7620109	Nông học	NGUYỄN THỊ TRÍ	HOA	05/10/2002	NỮ	47	02		2NT	16.45	
1949	04004988	7620109	Nông học	TRƯỜNG VIỆT	HOÀNG	29/11/2002	NAM	04	01		3	19.35	
1950	63002549	7620109	Nông học	NGUYỄN VĂN	NGUYỄN	24/11/2002	NAM	63	05		1	17.6	
1951	41000104	7620109	Nông học	ĐỖ LÊ QUANG	SANG	07/03/2002	NAM	41	07		1	19.15	
1952	42004826	7620109	Nông học	HUYỀN THỊ LINH	THANH	30/05/2002	NỮ	42	03		1	18.55	
1953	40004597	7620109	Nông học	NGUYỄN ĐÌNH	THÈ	17/01/2002	NAM	40	04		1	16	
1954	41003555	7620109	Nông học	PHAN THỊ THỦY	VÂN	07/08/2002	NỮ	41	04		2NT	22.8	
1955	52005774	7620109	Nông học	TRẦN THỊ MỘNG	XUÂN	27/03/2002	NỮ	52	04		2NT	24	
1956	42007397	7760101	Công tác xã hội	LÊ THỊ NGỌC	ÁNH	01/12/2002	NỮ	42	10		1	21	
1957	42012943	7760101	Công tác xã hội	KA	BAN	02/11/2002	NỮ	42	07	01	1	23.75	
1958	42007179	7760101	Công tác xã hội	K'	BIN	02/04/2002	NAM	42	10	01	1	24	
1959	38003606	7760101	Công tác xã hội	RCOM H'	BOL	15/02/2002	NỮ	38	11	01	1	20	
1960	42002992	7760101	Công tác xã hội	CIL PHI CRIEU HA	BRÓS	20/11/2002	NAM	42	06	01	1	19.75	
1961	40001697	7760101	Công tác xã hội	Y BHI	BYẢ	23/12/2002	NAM	40	09	01	1	21.25	
1962	34015489	7760101	Công tác xã hội	ZO RÂM	CÂY	28/02/2000	NAM	34	13	01	1	18.25	
1963	38003615	7760101	Công tác xã hội	KSOR H'	CHANG	04/10/2002	NỮ	38	11	01	1	16.5	
1964	34006774	7760101	Công tác xã hội	PHẠM ĐÌNH	DIỄU	12/07/2002	NAM	34	06		2NT	18.75	
1965	63000187	7760101	Công tác xã hội	ĐIỀU	ĐÌNH	03/04/2001	NAM	63	08	01	1	18.5	
1966	41005078	7760101	Công tác xã hội	CAO THỊ MỸ	DUNG	12/09/2002	NỮ	41	07	01	1	22.5	
1967	42004329	7760101	Công tác xã hội	BƠ NAH RIA HUY	DỪNG	23/07/2002	NAM	42	05	01	1	25	
1968	42012959	7760101	Công tác xã hội	K'	DỪNG	18/03/2002	NAM	42	08	01	1	23	
1969	63000218	7760101	Công tác xã hội	LỤC KIM	GIANG	03/07/2002	NỮ	63	01	01	1	20.5	
1970	42008945	7760101	Công tác xã hội	KA	HÂM	05/04/2002	NỮ	42	04	01	1	22.5	
1971	41003277	7760101	Công tác xã hội	NGUYỄN MINH	HÒA	10/12/2002	NAM	41	04		2NT	16.25	
1972	42001508	7760101	Công tác xã hội	K'	HUỆ	01/11/2002	NỮ	42	10	01	1	22.5	
1973	42008975	7760101	Công tác xã hội	KA'	HŨM	03/09/2002	NỮ	42	04	01	1	27.25	
1974	39001622	7760101	Công tác xã hội	HỒ THỊ	HƯỜNG	02/09/2002	NỮ	39	04		1	16.25	

STT	Số báo danh	Mã ngành	Tên ngành	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã tỉnh	Mã huyện	Đổi trạng	Khu vực	Điểm XT	Ghi chú
1975	38006735	7760101	Công tác xã hội	ĐÌNH VĂN	JUN	27/06/2002	NAM	38	04	01	1	20.5	
1976	36003326	7760101	Công tác xã hội	Y	KIẾNG	29/03/2002	NỮ	36	03	01	1	25	
1977	63001408	7760101	Công tác xã hội	BÙI THỊ MỸ	LIÊN	16/06/2002	NỮ	63	08		1	19.75	
1978	42008299	7760101	Công tác xã hội	NGUYỄN THỊ THÙY	LINH	28/04/2002	NỮ	42	04		1	25	
1979	48011284	7760101	Công tác xã hội	NGUYỄN TÚ	LINH	01/01/2002	NỮ	48	03		1	25.05	
1980	42008307	7760101	Công tác xã hội	K' PHI	LÍP	21/12/2002	NAM	42	04	01	1	20.75	
1981	36003355	7760101	Công tác xã hội	Y	LOAN	06/02/2002	NỮ	36	03	01	1	22	
1982	42006453	7760101	Công tác xã hội	K'	LUYN	04/11/2002	NỮ	42	10	01	1	18.5	
1983	42007276	7760101	Công tác xã hội	NGUYỄN THỊ KHÁNH	LY	12/04/2002	NỮ	42	10		1	16.5	
1984	36003366	7760101	Công tác xã hội	NGUYỄN THỊ	MAI	15/09/2002	NỮ	36	03		1	24.25	
1985	42009015	7760101	Công tác xã hội	KA'	MHONG	17/05/2002	NỮ	42	04	01	1	22.75	
1986	42003037	7760101	Công tác xã hội	LIỀNG JRANG JO	MIN	26/03/2002	NAM	42	06	01	1	22.25	
1987	42007280	7760101	Công tác xã hội	RÓ JE	MÓ	27/05/2002	NỮ	42	10	01	1	24.75	
1988	41002792	7760101	Công tác xã hội	HUỖNH THỊ THÙY	NA	04/06/2002	NỮ	41	09		2NT	23	
1989	42002742	7760101	Công tác xã hội	NGUYỄN THỊ BÍCH	NGỌC	07/07/2002	NỮ	42	01		1	17.75	
1990	36003428	7760101	Công tác xã hội	Y LY	NGUYỆT	30/03/2002	NỮ	36	03	01	1	24.75	
1991	61007651	7760101	Công tác xã hội	NGUYỄN ÁI	NHÂN	08/01/2002	NỮ	61	06		1	23.9	
1992	42009040	7760101	Công tác xã hội	DẶNG KAR BO	NHÈM	22/10/2002	NỮ	42	04	01	1	24.5	
1993	42013049	7760101	Công tác xã hội	KA YON DU	NHUNG	07/01/2002	NỮ	42	11	01	1	23.5	
1994	36003436	7760101	Công tác xã hội	NÔNG THỊ PHI	NHUNG	08/11/2001	NỮ	36	03	01	1	23	
1995	40001700	7760101	Công tác xã hội	H BIN	NIỀ	04/07/2002	NỮ	40	09	01	1	16.5	
1996	42008588	7760101	Công tác xã hội	NGUYỄN THỊ KIM	OANH	01/09/2002	NỮ	42	04		1	23.5	
1997	34015540	7760101	Công tác xã hội	ZRÂM	PHÂM	07/10/2002	NAM	34	13	01	1	20	
1998	42006201	7760101	Công tác xã hội	HA	PHONG	10/03/2002	NAM	42	03	01	1	22	
1999	34015542	7760101	Công tác xã hội	HIÊN	PHUƠNG	21/03/2002	NỮ	34	13	01	1	17.25	
2000	42002813	7760101	Công tác xã hội	NGUYỄN NGỌC BẢO	QUYÊN	08/05/2001	NỮ	42	01		1	17.65	
2001	42008395	7760101	Công tác xã hội	LÊ QUỐC	SANG	28/11/2002	NAM	42	04		1	15.25	
2002	42013085	7760101	Công tác xã hội	ĐIỀU THỊ	SỆ	19/08/2002	NỮ	42	09	01	1	24.75	
2003	42002334	7760101	Công tác xã hội	LÝ THU	THẢO	24/12/2002	NỮ	42	01		1	16.75	
2004	61001554	7760101	Công tác xã hội	NGUYỄN HUỖNH ANH	THƯ	09/05/2002	NỮ	61	01		1	21.75	
2005	42006017	7760101	Công tác xã hội	NGUYỄN THỊ YẾN	THƯƠNG	28/06/2002	NỮ	42	03		1	20.75	
2006	42005692	7760101	Công tác xã hội	K'	THUYẾT	12/06/2002	NAM	42	03	01	1	20.25	
2007	42000595	7760101	Công tác xã hội	ĐOÀN VĂN	TOÀN	03/03/2000	NAM	40	01		1	17	
2008	36003554	7760101	Công tác xã hội	ĐỖ Y LÊ QUỲNH	TRANG	23/07/2002	NỮ	36	03	01	1	23.25	
2009	42005273	7760101	Công tác xã hội	PHAN THỊ THANH	TRÚC	10/07/2002	NỮ	42	03		1	23.25	
2010	42000685	7760101	Công tác xã hội	TRẦN HOÀNG CẨM	TÚ	08/08/2002	NỮ	42	01		1	21.25	
2011	42001276	7760101	Công tác xã hội	NGÔ NGUYỄN THANH	UYÊN	16/06/2002	NỮ	42	01		1	16	
2012	38007048	7760101	Công tác xã hội	ĐÌNH	VINH	01/05/2002	NAM	38	04	01	1	17.25	
2013	42005300	7760101	Công tác xã hội	ĐẶNG HUỖNH TƯỜNG	VY	23/10/2002	NỮ	42	03		1	15.5	
2014	38007060	7760101	Công tác xã hội	ĐÌNH	XU	02/12/2002	NAM	38	04	01	1	20.5	
2015	41011789	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	PHẠM THU	AN	12/07/2002	NỮ	41	02		1	23.25	
2016	47003058	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	TRẦN NGỌC THUY	AN	31/10/2002	NỮ	47	10		2	26	
2017	47009768	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	TRƯƠNG GIA	AN	14/09/2002	NỮ	47	01		2	19.95	
2018	40014259	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	HOÀNG DIỆU	ÂN	18/10/2002	NỮ	40	01		1	22.75	
2019	41005995	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN ĐỖ HOÀNG	ÂN	10/02/2002	NAM	41	01		1	23.75	
2020	02058419	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	VÕ ĐÌNH	ÂN	25/05/2001	NAM	42	01		3	20.5	
2021	42002501	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	BÙI TRẦN QUỐC	ANH	17/06/2002	NAM	42	01		1	21	
2022	29004216	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	ĐẶNG THỊ TÚ	ANH	03/07/2002	NỮ	29	12		2NT	23	
2023	45004600	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	ĐẶNG THỊ YẾN	ANH	28/04/2002	NỮ	45	03		2NT	21.25	
2024	42001956	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	ĐẶNG TUẤN	ANH	24/11/2002	NAM	42	01		1	21.5	
2025	42000759	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	ĐÀO THỊ MAI	ANH	10/12/2002	NỮ	42	01		1	18.75	
2026	42005314	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	KA SẢ K'	ANH	16/12/2002	NỮ	42	03	01	1	22.5	
2027	42002506	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	LƯƠNG MAI TUẤN	ANH	15/10/2002	NAM	42	01		1	22.25	
2028	25003493	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	LƯU NHẬT	ANH	28/10/2002	NAM	25	01		2NT	23.8	
2029	29011711	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	LƯU THỊ KIM	ANH	06/03/2002	NỮ	29	05		1	23.75	
2030	42009716	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN THỊ THU	ANH	19/05/2002	NỮ	42	11		1	24.75	
2031	42000027	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	PHẠM QUỲNH	ANH	04/08/2002	NỮ	42	01		1	20.25	
2032	42006936	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	PHÍ THỊ LAN	ANH	21/01/2002	NỮ	42	10		1	21.5	
2033	35001802	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	TRẦN NGUYỄN QUỲNH	ANH	13/09/2002	NỮ	35	02		2NT	18.75	
2034	45000560	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	CHÁU NHẬT	ÁNH	15/03/2002	NỮ	45	01		2	21	

STT	Số báo danh	Mã ngành	Tên ngành	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã tỉnh	Mã huyện	Đối tượng	Khu vực	Điểm XT	Ghi chú
2035	29018835	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGÔ THỊ NGỌC	ÁNH	18/11/2002	NỮ	29	06		1	25.75	
2036	47004408	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	ĐƯƠNG HOÀNG	ÁU	08/08/2002	NAM	47	02		2NT	18.5	
2037	40006245	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	H THỨ	AYÛN	13/11/2002	NỮ	40	06	01	1	18.5	
2038	42005803	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	THẠCH THANH	BẮC	25/12/2002	NAM	42	03		1	22.75	
2039	38012738	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	HUYỀN NGỌC	BÁCH	28/06/2002	NAM	38	16		1	19.25	
2040	42004319	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	HA	BÀN	23/02/2002	NAM	42	05	01	1	21.5	
2041	42002529	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	TRẦN PHÚ	BĂNG	03/08/2002	NAM	42	01		1	18.75	
2042	42011190	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	TRẦN SƠN	BĂNG	13/09/2002	NAM	42	02		1	18.25	
2043	42003908	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	HÀ QUỐC	BẢO	16/01/2002	NAM	42	05		1	23.5	
2044	29010655	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	HOÀNG XUÂN	BẢO	22/03/2002	NAM	29	16		2NT	23	
2045	42001973	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	LÊ PHÚ THIÊN	BẢO	22/05/2002	NAM	42	01		1	17.5	
2046	42002524	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGÔ GIA	BẢO	10/10/2002	NAM	42	01		1	23.25	
2047	42002527	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN THANH GIA	BẢO	23/11/2002	NAM	42	01		1	20.75	
2048	42001975	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN TRẦN QUỐC	BẢO	21/04/2002	NAM	42	01		1	20	
2049	42008882	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	K' LI NE	BI	03/07/2002	NAM	42	04	01	1	18.6	
2050	42000051	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	LÊ NGUYỄN NGỌC	BÍCH	05/07/2002	NỮ	42	01		1	25	
2051	45002855	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN THỊ KIM	BÍCH	24/12/2002	NỮ	45	03		1	17.65	
2052	42008179	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	K'	BIEN	30/05/2002	NAM	42	04	01	1	25.5	
2053	42008496	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	PHẠM THỊ Y	BÌNH	12/07/2002	NỮ	42	04		1	19.5	
2054	42002976	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	KON SƠ A	BIS	10/12/2002	NAM	42	06	01	1	17.5	
2055	42008182	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	KA'	BÍU	15/08/2002	NỮ	42	04	01	1	25	
2056	40015912	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	H' ỒAH	BKRÔNG	14/08/2002	NỮ	40	01	01	1	20.75	
2057	42001370	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	K' SẢ K'	BLIM	19/09/2002	NỮ	42	01	01	1	18.5	
2058	42002990	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	KO SẢ	BLISS	15/11/2002	NAM	42	06	01	1	23.75	
2059	42002991	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	KRĂ JÂN HOH	BLIU	25/01/2002	NAM	42	06	01	1	20.02	
2060	42012949	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	KA	CĂM	02/08/2001	NỮ	42	11	01	1	23.5	
2061	43005975	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	TRẦN ĐỨC	CẢNH	03/03/2002	NAM	43	11		1	24.75	
2062	42004543	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	ĐẶNG MINH	CHÂU	05/12/2002	NAM	42	03		1	21	
2063	42006101	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	LỤC BẢO	CHÂU	12/02/2002	NỮ	42	03	01	1	26.5	
2064	45000602	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	CHÂU	02/12/2002	NỮ	45	01		2	17.75	
2065	54001494	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	PHẠM VƯƠNG TRIỆU	CHÂU	12/12/2002	NỮ	54	12		1	22.5	
2066	30010391	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	ĐÀO THỊ LINH	CHI	28/10/2002	NỮ	30	05		2NT	20.25	
2067	42000058	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	LIN TIEN	CHI	02/05/2002	NAM	50	05		1	19.5	
2068	45003612	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN THỊ MAI	CHI	10/08/2002	NỮ	45	04		1	21	
2069	58002619	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	LƯ VĨNH	CHÍ	26/08/2002	NAM	58	08		1	23.25	
2070	41006025	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	VŨ NGỌC	CHIẾN	21/06/2002	NAM	41	01		1	20.75	
2071	42002534	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	CHU VĂN	CÔNG	04/05/2002	NAM	42	01		1	23.75	
2072	28031813	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	HOÀNG THỊ	CỨC	04/11/2002	NỮ	28	26		2NT	25.25	
2073	42005348	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	KA SẢ K'	CỨC	25/03/2002	NỮ	42	03	01	1	26.5	
2074	38004050	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN THỊ	CỨC	12/05/2002	NỮ	38	11		1	23.8	
2075	42000067	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	BÙI THỊ KIM	CƯỜNG	29/10/2002	NỮ	42	01		1	20	
2076	42002537	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	LÊ PHÚ	CƯỜNG	22/08/2002	NAM	42	01		1	18.5	
2077	42000070	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	VŨ DOÃN	CƯỜNG	11/03/2002	NAM	42	01		1	19.55	
2078	42003003	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	LIÊNG JRANG K'	DAI	01/11/2002	NỮ	42	06	01	1	23.5	
2079	42001421	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	LỖ MU	ĐALY	05/08/2001	NỮ	42	01	01	1	17.85	
2080	38006592	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	VÕ ĐÌNH	DÂN	02/03/2002	NAM	38	04		1	23	
2081	29030187	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	VỖ THỊ	ĐĂNG	22/06/2002	NỮ	29	11		2NT	25.5	
2082	42005831	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN THỊ MỘNG	ĐÀO	03/04/2002	NỮ	42	03		1	22.75	
2083	42002015	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	BÙI TẤN	ĐẠT	13/08/2002	NAM	42	01		1	18.75	
2084	36002800	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	HÀ XUÂN TIẾN	ĐẠT	03/10/2002	NAM	36	04		1	25.5	
2085	42011252	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN BÙI THÀNH	ĐẠT	14/06/2002	NAM	42	02		1	17.75	
2086	45001128	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN LÊ THÀNH	ĐẠT	19/11/2002	NAM	45	01		2	22.25	
2087	48004420	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN TIẾN	ĐẠT	17/02/2000	NAM	25	06		2	21.25	
2088	42002570	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN VĂN TIẾN	ĐẠT	13/01/2002	NAM	42	01		1	19.55	
2089	42002576	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	TRƯƠNG ĐOÀN TIẾN	ĐẠT	25/12/2000	NAM	42	01		1	18.5	
2090	42000072	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	HỖ TẤN	ĐẬU	14/05/2002	NAM	42	01	01	1	26.5	
2091	63005749	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	K'	ĐÉS	14/05/2002	NAM	63	07	01	1	21.5	
2092	37008043	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	LÝ NHẬT HOÀI	DIÊM	20/08/2002	NỮ	37	08		2NT	17.65	
2093	36002303	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	LÊ THỊ	DIỆU	12/09/2002	NỮ	36	07		1	22.75	
2094	42008900	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	KA'	DIS	07/05/2002	NỮ	42	04	01	1	20.75	

STT	Số báo danh	Mã ngành	Tên ngành	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã tỉnh	Mã huyện	Đổi trạng	Khu vực	Điểm XT	Ghi chú
2095	42006711	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN THỊ BÍCH	DIU	06/10/2002	NỮ	42	10		1	23	
2096	42007188	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN THỊ MỸ	DIU	16/06/2002	NỮ	42	10		1	20.5	
2097	28023846	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	PHẠM THỊ	DIU	25/08/2002	NỮ	28	22		2NT	25.75	
2098	42005837	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	KO SẢ SAN	ĐƠ	07/10/2002	NAM	42	03	01	1	24.42	
2099	42002579	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN HUYNH THỰC	ĐOAN	10/08/2001	NỮ	42	01		1	23.75	
2100	42002030	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	DƯƠNG QUỐC	ĐOÀN	05/11/2002	NAM	42	01		1	22.75	
2101	42006353	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	K'	ĐƠN	02/06/2002	NỮ	42	10	01	1	23.75	
2102	42002581	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	PHẠM LÊ ANH	ĐÔNG	10/01/2002	NAM	42	01		1	22.75	
2103	42003928	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	KLONG LAN	DRA	08/11/2002	NỮ	42	05	01	1	23.5	
2104	42002583	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	BÙI VIỆT	ĐỨC	14/09/2002	NAM	42	01		1	18.75	
2105	45001140	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	CHAMALÉA THÀNH	ĐỨC	07/08/2002	NAM	45	06	01	1	19.5	
2106	42003952	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	HÀ ANH	ĐỨC	10/04/2002	NAM	42	05	01	1	21	
2107	04004343	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	HUYNH NGỌC	ĐỨC	30/03/2002	NAM	04	06		2	18	
2108	42009303	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN MINH	ĐỨC	19/09/2002	NAM	42	11		1	21	
2109	43006642	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGÔ THỊ KIM	DUNG	11/12/2002	NỮ	43	10		1	18.5	
2110	42005020	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN LÊ THỦY	DUNG	27/04/2002	NỮ	42	03		1	17.75	
2111	40003635	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN THỊ THỦY	DUNG	28/10/2002	NỮ	40	04		1	19.25	
2112	42004554	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	PHẠM NGỌC	DUNG	02/04/2002	NỮ	42	03	01	1	24	
2113	34010821	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	PHẠM THỊ THU	DUNG	31/10/2002	NỮ	34	09		2	23.5	
2114	45001108	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	TAIN THỊ NGỌC	DUNG	22/01/2002	NỮ	45	02	01	1	25.25	
2115	42010669	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	TRẦN NGỌC	DUNG	10/09/2002	NỮ	42	02		1	20	
2116	42001999	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	TRẦN THỊ MỸ	DUNG	17/07/2002	NỮ	42	01		1	24.75	
2117	40012630	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	TRẦN THỊ THỦY	DUNG	08/05/2002	NỮ	40	08		1	19.4	
2118	42001400	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	TRẦN THỊ THỦY	DUNG	30/12/2001	NỮ	35	03		1	21.25	
2119	40002448	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	HOÀNG MẠNH	DỪNG	25/01/2002	NAM	40	02	01	1	24.5	
2120	40003647	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN TIẾN	DỪNG	04/07/2001	NAM	40	04		1	20	
2121	42004557	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	VÕ TẤN	DỪNG	21/06/2002	NAM	42	03		1	18.75	
2122	42009734	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	VŨ TIẾN	DỪNG	14/01/2002	NAM	42	11		1	24.75	
2123	42003938	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	BÙI THÁI	DƯƠNG	03/11/2002	NAM	42	05		1	25.25	
2124	42005370	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	ĐẶNG THỦY	DƯƠNG	17/12/2002	NỮ	42	03		1	20	
2125	40010596	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	HOÀNG VĂN	DƯƠNG	17/03/2001	NAM	40	08		1	22.5	
2126	32003540	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	TRẦN THỊ ÁNH	DƯƠNG	06/06/2002	NỮ	32	05		2NT	18.5	
2127	42002550	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	ĐẶNG PHƯỚC THANH	DUY	20/07/2002	NAM	42	01		1	20.25	
2128	42004331	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	ĐỖ PHÚ LÊ	DUY	06/06/2002	NAM	42	05		1	19.03	
2129	41006052	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	ĐỖ QUỐC	DUY	20/06/2002	NAM	41	01		1	18.25	
2130	42002005	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	LÊ QUỐC	DUY	02/01/2002	NAM	42	01		1	20.25	
2131	42002558	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	ĐỖ THỊ TUYẾT	DUYÊN	23/01/2002	NỮ	42	01		1	22.5	
2132	45005006	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGÔ THỊ MỸ	DUYÊN	07/10/2002	NỮ	45	02		1	18.7	
2133	43004470	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN THỊ MỸ	DUYÊN	13/05/2002	NỮ	43	08		1	18	
2134	54007556	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN TRẦN MỸ	DUYÊN	12/08/2002	NỮ	54	02		2	22.75	
2135	56011014	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	TRẦN THANH MẪN	DUYÊN	16/09/2002	NỮ	56	01		2	18.95	
2136	42003017	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	LỖ MU NÔ	Ê	13/01/2002	NAM	42	06	01	1	23	
2137	40017861	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	H' NUNG	ÊBAN	09/10/2002	NỮ	40	13	01	1	25.5	
2138	55004102	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	TRẦN THỊ NGỌC	GÁM	03/02/2002	NỮ	55	04		3	19	
2139	42003074	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	LỖ MU HA MY	GÊN	14/04/2002	NAM	42	06	01	1	21.75	
2140	42002035	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	TRẦN NGUYỄN HƯƠNG	GIANG	27/08/2002	NỮ	42	01		1	20.25	
2141	45001151	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	KATOR	GIÁO	20/11/2002	NAM	45	06	01	1	18	
2142	23003716	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	BÙI THỊ THU	HÀ	03/02/2002	NỮ	23	05	01	1	23.75	
2143	43006656	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	ĐIỀU THỊ	HÀ	10/01/2001	NỮ	43	10	01	1	21.25	
2144	42005393	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	MÃ LƯU THU	HÀ	18/09/2002	NỮ	42	03	01	1	22.5	
2145	42003679	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	PHU NHẬT	HÀ	17/12/2002	NỮ	42	05	01	1	19.5	
2146	42003963	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	TRẦN HOÀNG KHAI	HÀ	31/08/2002	NỮ	42	05		1	24.5	
2147	42002043	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	TRẦN THỊ THU	HÀ	09/07/2002	NỮ	42	01		1	17.75	
2148	42009314	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	KA	HÁI	22/04/2002	NỮ	42	11	01	1	20.25	
2149	42005049	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	BÙI VÕ ĐÌNH	HÁI	14/04/2001	NAM	42	03	01	1	21.85	
2150	42005404	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	ĐÀO THỊ NGỌC	HÂN	13/09/2002	NỮ	42	03	01	1	21.75	
2151	45004041	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	ĐINH TRỌNG	HÂN	19/10/2001	NAM	45	01		2	19.25	
2152	40015199	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	ĐỖ NGUYỄN NGỌC	HÂN	09/04/2002	NỮ	40	01		1	24.3	
2153	40009638	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN THỊ THANH	HÂN	12/02/2002	NỮ	40	14		1	18.25	
2154	42002054	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	ĐOÀN THỊ THU	HẰNG	19/04/2002	NỮ	42	01		1	20	

STT	Số báo danh	Mã ngành	Tên ngành	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã tỉnh	Mã huyện	Đổi trạng	Khu vực	Điểm XT	Ghi chú
2155	42003338	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	LIÊNG JRANG K'	HÀNG	10/07/2002	NỮ	42	12	01	1	24.75	
2156	40010812	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	LONG THỊ THU	HÀNG	22/04/2002	NỮ	63	07	01	1	19.75	
2157	38007563	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN THỊ THU	HÀNG	11/07/2002	NỮ	38	02		1	23.75	
2158	42006741	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	PHẠM THỊ THU	HÀNG	02/05/2002	NỮ	42	10		1	18.75	
2159	42002046	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	HỒ NGỌC NGUYỄN	HẠNH	12/12/2002	NỮ	42	01		1	23.5	
2160	40002568	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	HỒ THỊ THÚY	HẠNH	01/01/2002	NỮ	40	02		1	18.5	
2161	42006985	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN THỊ	HẠNH	17/11/2001	NỮ	42	10	01	1	22.75	
2162	42001463	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN THỊ HỒNG	HẠNH	25/10/2002	NỮ	13	06		1	19	
2163	40003768	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	PHẠM THỊ HỒNG	HẠNH	12/07/2002	NỮ	40	04		1	19.75	
2164	45003452	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	VÕ THỊ BÉ	HẠNH	12/04/2002	NỮ	45	06		1	20.25	
2165	44003737	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	LÊ PHÚ	HÀO	01/07/2002	NAM	61	01		2	22	
2166	32001204	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN HỮU MINH	HÀO	12/03/2002	NAM	32	04		1	26	
2167	45000788	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	TRƯƠNG CÔNG	HÀO	05/02/2002	NAM	45	04		2	21.75	
2168	41009338	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	LÊ THANH	HẬU	08/04/2002	NAM	41	03		2	22.25	
2169	38012092	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	LÊ TRUNG	HẬU	14/09/2002	NAM	38	08		1	20.25	
2170	45000822	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN THỊ ANH	HẬU	13/11/2001	NỮ	45	01		2	22.5	
2171	42012692	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN VĂN	HẬU	02/05/2002	NAM	42	08		1	17.75	
2172	63005131	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	DƯƠNG THỊ	HIỀN	26/04/2002	NỮ	63	06	01	1	20	
2173	45002952	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	TRẦN	HIỀN	29/01/2002	NAM	45	03		2NT	22.5	
2174	40001824	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	HỒ THU	HIỀN	25/12/2002	NỮ	40	09		1	23.25	
2175	42011291	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	MẠC THỊ	HIỀN	14/01/2002	NỮ	42	02		1	21.35	
2176	42002064	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	MAI THU	HIỀN	10/09/2002	NỮ	42	01		1	20.15	
2177	45000835	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN LÊ NGỌC	HIỀN	24/08/2002	NỮ	45	04		2	21	
2178	42002065	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN THỊ MINH	HIỀN	12/06/2002	NỮ	42	01		1	23	
2179	29007751	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN THỊ THU	HIỀN	21/10/2002	NỮ	29	18		2NT	20.55	
2180	42004364	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN THỊ THU	HIỀN	23/08/2002	NỮ	42	05		1	21.1	
2181	42003978	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	PHẠM THÚY	HIỀN	01/03/2002	NỮ	42	05		1	21.5	
2182	45002954	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	PHÙNG THỊ HÒA	HIỆP	03/12/2002	NỮ	45	01		2NT	19	
2183	42001482	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	BÙI DUY	HIẾU	28/02/2002	NAM	42	01		1	24	
2184	42007454	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	BÙI TRUNG	HIẾU	22/07/2002	NAM	42	10		1	19.25	
2185	41005204	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	CÀ	HIẾU	20/10/2002	NỮ	41	05	01	1	25.5	
2186	41005205	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	CÀ LÊ	HIẾU	27/07/2002	NỮ	41	05	01	1	24	
2187	52011423	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	CHÁU MINH	HIẾU	02/12/2002	NAM	52	05		2NT	22	
2188	47010372	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	ĐOÀN VĂN	HIẾU	01/01/2001	NAM	47	01		2	20.75	
2189	42002069	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN BẢO	HIẾU	28/09/2002	NAM	42	01		1	24	
2190	42001485	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN GIA	HIẾU	05/02/2002	NAM	42	01		1	18.5	
2191	42006991	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN MINH	HIẾU	08/11/2002	NAM	42	10		1	20.25	
2192	45000857	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN VĂN	HIẾU	11/02/2002	NAM	45	01		2	20.5	
2193	45001185	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	CAO THỊ	HOA	16/12/2002	NỮ	45	02	01	1	23	
2194	42003546	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	PHẠM THỊ NGỌC	HOA	03/02/2002	NỮ	42	12		1	23	
2195	40005195	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	LÊ THỊ KIM	HÒA	17/09/2002	NỮ	40	06		1	25	
2196	45001190	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN THỊ KIM THUẬN	HÒA	06/05/2000	NỮ	45	01		2	20.75	
2197	45003462	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	PHẠM THỊ	HÒA	17/03/2002	NỮ	45	06		1	24.25	
2198	45000876	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	TRẦN THỊ HIỀN	HÒA	28/10/2002	NỮ	45	04		2	23.25	
2199	42005857	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	KA XUÂN	HOÀI	14/04/2002	NỮ	42	03	01	1	19.5	
2200	42002618	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	LÊ THỊ DIỆU	HOÀI	14/11/2002	NỮ	42	01		1	19.35	
2201	42001495	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	KÓ DÔNG K'	HOAN	18/11/2002	NỮ	42	06	01	1	20.75	
2202	42002622	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	HUỶNH ĐỨC	HOÀNG	23/07/2002	NAM	42	01		1	23.75	
2203	41005231	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN HUỶNH MINH	HOÀNG	20/03/2002	NAM	41	01		2	22	
2204	45004078	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	TRƯƠNG NGÔ KIM	HOÀNG	10/04/2002	NỮ	45	01		2	19	
2205	42009352	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	LÊ THỊ ANH	HỒNG	15/02/2002	NỮ	42	11		1	20.85	
2206	42007000	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN THỊ	HỒNG	17/11/2001	NỮ	42	10	01	1	21.25	
2207	42003997	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN THỊ ANH	HỒNG	04/11/2002	NỮ	42	05		1	20	
2208	45001202	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	THỊ	HỒNG	06/03/2002	NỮ	45	06	01	1	22.25	
2209	42005434	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN QUỐC BẢO	HUÂN	28/08/2002	NAM	42	03		1	23.5	
2210	40011227	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	HỨA THỊ	HUỆ	27/08/2002	NỮ	40	07	01	1	18.25	
2211	44009938	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	TRỊNH THIÊN	HÙNG	02/02/2002	NAM	44	06		2NT	20.75	
2212	42002102	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	LÊ XUÂN	HÙNG	09/05/2002	NAM	42	01		1	21	
2213	42002655	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN THÀNH	HÙNG	10/02/2002	NAM	42	01		1	18.95	
2214	42011331	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	TRẦN VŨ	HÙNG	01/08/2002	NAM	42	02		1	17.5	

STT	Số báo danh	Mã ngành	Tên ngành	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã tỉnh	Mã huyện	Đối tượng	Khu vực	Điểm XT	Ghi chú
2215	42012999	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	LÃ THỊ	HƯƠNG	01/05/2002	NỮ	42	08		1	19.25	
2216	42001527	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	LÊ NGUYỄN	HƯƠNG	29/01/2002	NỮ	42	01		1	18.75	
2217	28019192	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	LÊ THỊ	HƯƠNG	25/08/2002	NỮ	28	18		2NT	22.75	
2218	42002112	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN THỊ	HƯƠNG	05/06/2002	NỮ	42	01		1	24	
2219	42006420	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	TRẦN THỊ QUỲNH	HƯƠNG	27/04/2002	NỮ	42	10		1	24.85	
2220	42002114	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	TRIỆU VŨ KIM	HƯƠNG	30/08/2002	NỮ	42	01	01	1	20.25	
2221	42007012	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	TRỊNH THỊ THÚY	HƯƠNG	29/03/2002	NỮ	42	10		1	17.75	
2222	42009380	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN CHÍ	HƯƠNG	31/07/2002	NAM	42	11		1	22	
2223	42002657	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN THỊ THU	HƯƠNG	21/04/2002	NỮ	22	07		1	19.25	
2224	42008271	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	KA	HƯƠNG	18/11/2002	NỮ	42	04	01	1	21.3	
2225	42001531	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	CÁP THÀNH THIÊN	HỮU	28/05/2001	NAM	42	01		1	19.5	
2226	42004378	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	BỒ NAH RIA YA	HUY	21/11/2001	NAM	42	05	01	1	25.5	
2227	42007467	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	ĐÀO MINH	HUY	02/11/2002	NAM	42	10		1	20.75	
2228	42002641	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	LÊ TẠ QUANG	HUY	05/03/2002	NAM	42	01		1	19.75	
2229	42000904	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN VĂN BAO	HUY	22/08/2002	NAM	42	01		1	20.7	
2230	42003710	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	PHAN MINH	HUY	21/10/2002	NAM	42	05		1	22	
2231	42002097	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	TRẦN GIA	HUY	05/04/2002	NAM	42	01		1	19.75	
2232	42007244	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN THỊ NGỌC	HUYỀN	20/08/2001	NỮ	42	10		1	17.5	
2233	45002485	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	VŨ THỊ MỸ	HUYỀN	23/07/2002	NỮ	45	04		1	22.5	
2234	42005454	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	TRẦN DUY	HỠNH	17/01/2002	NAM	42	03	01	1	26.5	
2235	42001533	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	K'	ÍP	20/02/2002	NỮ	42	10	01	1	22	
2236	42008981	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	ĐẠ TÔ	JAN	12/05/2001	NỮ	42	04	01	1	17.5	
2237	42006425	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	K'	JIN	01/05/2002	NỮ	42	10	01	1	22.5	
2238	45002095	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN ĐÀO ANH	KHA	14/09/2002	NAM	45	02		1	23	
2239	42006428	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	K'	KHẨM	13/11/2002	NAM	42	10	01	1	25.25	
2240	42005462	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	LÊ HOÀNG	KHANG	02/07/2002	NAM	42	03	01	1	17.5	
2241	42008983	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	LÊ PHƯƠNG MINH	KHANG	14/09/2002	NAM	42	04		1	20.75	
2242	45003001	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN CHÍ	KHANG	21/09/2002	NAM	45	03		1	20.5	
2243	42002661	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN ĐĂNG PHÚC	KHANG	04/12/2002	NAM	42	01		1	21.75	
2244	42002117	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN HUỶNH NHẬT	KHANG	15/05/2002	NAM	42	01		1	22	
2245	42001543	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN VŨ NHẬT	KHANG	26/03/2002	NAM	42	01		1	21.75	
2246	42000931	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	LÊ PHƯƠNG BẢO	KHANH	12/01/2001	NAM	42	01		1	23.25	
2247	42001549	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	ĐẶNG QUỐC	KHÁNH	21/11/2002	NAM	42	01		1	23.25	
2248	42005464	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	HÀ QUỐC	KHÁNH	25/11/2002	NAM	42	03	01	1	22.25	
2249	42006768	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN GIA	KHÁNH	28/05/2002	NAM	42	10		1	18	
2250	41006454	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN THẾ	KHÁNH	26/09/2002	NAM	41	01		1	22.5	
2251	45001235	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	CHAMALÉA THỊ	KHÉM	21/02/2002	NỮ	45	06	01	1	26.25	
2252	42002668	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	DƯƠNG HOÀNG ĐĂNG	KHOA	07/11/2000	NAM	42	01		1	19.25	
2253	42002120	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN ĐĂNG	KHOA	02/07/2002	NAM	42	01		1	22	
2254	42003724	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN VŨ ANH	KHOA	07/02/2002	NAM	42	05		1	25.25	
2255	45001242	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	ĐỒNG THỊ MỸ	KHOE	10/10/2002	NỮ	45	04	01	1	24	
2256	42002675	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	PHAN ANH	KHÔI	18/02/2002	NAM	42	01		1	23.25	
2257	45001243	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	CHAMALÉA	KHÔI	08/06/2002	NAM	45	06	01	1	18.5	
2258	47005093	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN THỊ	KHỞI	01/04/2002	NỮ	47	08	01	1	23.75	
2259	42002676	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN NHẢ SONG	KHUÊ	26/10/2002	NỮ	42	01		1	22	
2260	42006434	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	TRƯƠNG TRUNG	KIÊN	03/09/2002	NAM	42	10		1	21.1	
2261	40003955	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	VŨ THỊ HIẾU	KIÊN	19/05/2001	NỮ	40	04		1	21.75	
2262	42002678	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	ĐỖ NGUYỄN QUỐC	KIỆT	06/07/2002	NAM	42	01		1	23.5	
2263	42009399	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	LÝ TUẤN	KIỆT	26/04/2002	NAM	42	11		1	22	
2264	42000246	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN DUY	KIỆT	21/09/2002	NAM	42	01		1	18.75	
2265	42002127	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	TÔ TUẤN	KIỆT	07/01/2002	NAM	42	01		1	20.5	
2266	45001693	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	DƯƠNG TRỊNH PHONG	KIÊU	03/03/2002	NỮ	45	04		2	24	
2267	47000324	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN THỊ THÚY	KIÊU	28/01/2002	NỮ	47	05		2	23.25	
2268	42001566	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	LÊ VY XUÂN	KIM	01/04/2002	NỮ	42	01	01	1	20.5	
2269	63002469	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	THỊ	LA	28/10/2002	NỮ	63	05	01	1	23.75	
2270	44010014	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	LÊ THANH	LÀI	03/06/2002	NỮ	44	06		2NT	18.75	
2271	48010466	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN THỊ	LÀI	04/05/2002	NỮ	48	03		1	23	
2272	42010827	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN TRẦN TRÚC	LAM	25/10/2002	NỮ	42	02		1	21.25	
2273	42006441	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	LÊ VIỆT SƠN	LÂM	15/04/2002	NAM	42	10		1	21	
2274	39001071	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	PHẠM HOÀNG	LÂM	26/06/2002	NAM	39	02		1	21	

STT	Số báo danh	Mã ngành	Tên ngành	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã tỉnh	Mã huyện	Đối tượng	Khu vực	Điểm XT	Ghi chú
2275	42000260	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	TRẦN PHÚ	LÂM	28/04/2002	NAM	42	01		1	22.5	
2276	42005894	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	TRIỆU THỊ HƯƠNG	LAN	16/07/2002	NỮ	42	03	01	1	25.5	
2277	42001574	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	BON TÔ Y	LÂN	15/07/2002	NỮ	42	06	01	1	17.5	
2278	42003383	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	RỒ ÔNG K'	LANG	09/03/2002	NỮ	42	12	01	1	28	
2279	52005323	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN THỊ KIM	LÃNH	18/03/2002	NỮ	52	04		2NT	24	
2280	37008141	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN THỊ MỸ	LÊ	09/03/2002	NỮ	37	08		2NT	21	
2281	42001576	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	SÙNG SEO	LÊNH	18/12/1999	NAM	42	12	01	1	24.5	
2282	42003387	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	CIL K'	LÊU	30/10/2002	NỮ	42	12	01	1	23	
2283	42000963	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	LÊ HOÀNG BẢO	LIÊN	07/09/2002	NỮ	42	01		1	23.7	
2284	42007489	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	LÊ THỊ KIM	LIÊN	23/11/2002	NỮ	42	10		1	26	
2285	42009415	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	LƯƠNG THỊ KIM	LIÊN	02/04/2002	NỮ	42	11	01	1	20.25	
2286	45001256	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	BO THỊ	LIÊU	10/03/2002	NỮ	45	02	01	1	22	
2287	45001258	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	HÀM THỊ MỸ	LINH	08/05/2002	NỮ	45	07	01	1	18.5	
2288	40006720	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	HUỶNH THỊ THẢO	LINH	28/12/2002	NỮ	40	11		1	17.75	
2289	42008296	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	KA	LINH	13/09/2002	NỮ	42	04	01	1	26	
2290	42013010	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	LÊ THỊ DIỆU	LINH	01/07/2002	NỮ	42	08		1	23	
2291	34000961	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	LÊ TRẦN THUỶ	LINH	19/02/2002	NỮ	34	05		2NT	23.25	
2292	42000967	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	LÊ VƯƠNG KHÁNH	LINH	06/08/2002	NỮ	42	01		1	25.35	
2293	32003676	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	LINH	01/09/2001	NỮ	32	05		1	24.25	
2294	42000973	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN THỊ THÙY	LINH	13/03/2002	NỮ	42	01		1	19.75	
2295	37008696	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN THỊ TRÚC	LINH	16/06/2002	NỮ	38	13		1	23.25	
2296	42000976	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN VÔ DIỆU	LINH	17/03/2002	NỮ	42	01		1	23.3	
2297	41007221	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	PHAN THỊ YẾN	LINH	03/02/2000	NỮ	39	02		1	22	
2298	41005377	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	TRẦN KHÁNH	LINH	02/06/2002	NỮ	41	01		2	18	
2299	42013015	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	VÕ THỊ THỤY	LINH	08/01/2002	NỮ	42	08		1	24.5	
2300	42002696	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	VÕ THỊ THỤY	LINH	29/12/2002	NỮ	42	01		1	18.5	
2301	42013016	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN THỊ	LOAN	06/10/2002	NỮ	42	08		1	21.75	
2302	42000282	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN THỊ KIM	LOAN	02/03/2002	NỮ	33	01		1	22.95	
2303	41009431	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	PHẠM THỊ KIM	LOAN	29/09/2002	NỮ	41	03		2	19.95	
2304	34014945	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	TRẦN THỊ PHI	LOAN	06/06/2002	NỮ	34	07		1	22.25	
2305	42007033	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	CHÈNH HÙNG	LỘC	06/09/2001	NAM	42	10	01	1	21	
2306	45004179	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	LÊ THỊ HỒNG	LỘC	19/01/2002	NỮ	45	01		2	17.73	
2307	42002701	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	LÊ VĨNH	LỘC	03/04/2002	NAM	42	01		1	21.25	
2308	42002698	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	LÝ GIA	LONG	26/11/2002	NAM	42	01		1	21.5	
2309	42009434	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN THÀNH	LONG	09/12/2002	NAM	42	11		1	23	
2310	42002149	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN THÀNH	LONG	16/12/2001	NAM	42	01		1	19.75	
2311	42001607	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	VÀNG SEO	LỰ	29/09/2000	NAM	42	12	01	1	28.75	
2312	42001605	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	VŨ TIẾN THÀNH	LUÂN	27/02/2002	NAM	42	09		1	21.75	
2313	35007876	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	CAO QUANG	LUẬT	30/08/2002	NAM	35	05		1	20.75	
2314	42005508	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	DƯƠNG THẾ	LỰC	21/03/2002	NAM	42	03	01	1	25.5	
2315	42002987	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	CIL PHI TRIỆU K' BÍCH	LY	19/09/2002	NỮ	42	06	01	1	23.25	
2316	42007903	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	K LONG DU	LY	10/03/2002	NAM	42	04	01	1	22.75	
2317	42007505	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	LÊ PHAN THẢO	LY	24/01/2002	NỮ	42	10		1	25.25	
2318	42000294	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	LÊ THỊ CẨM	LY	19/03/2002	NỮ	42	01		1	20.83	
2319	45004733	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN THỊ	LY	05/05/2002	NỮ	45	03		2NT	19.7	
2320	42004698	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	PHAN NGUYỄN TRÚC	LY	22/07/2002	NỮ	42	03		1	23.5	
2321	43006157	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	BÙI XUÂN CHI	MAI	01/02/2002	NỮ	43	11		1	18.8	
2322	42005141	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	LÊ THỊ NGỌC	MAI	01/06/2002	NỮ	42	03		1	24.75	
2323	39009038	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN THỊ	MAI	23/02/2002	NỮ	39	05	01	1	23.25	
2324	42009440	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN THỊ NGỌC	MAI	01/10/2002	NỮ	42	11		1	26.25	
2325	45001280	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	CHAMALÉA	MANG	06/02/2002	NAM	45	06	01	1	18.75	
2326	42006795	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	HÀ VẤN	MẠNH	21/08/2002	NAM	42	10		1	21.25	
2327	42000308	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	VÕ ĐỨC	MẠNH	22/04/2002	NAM	42	01		1	21	
2328	42003049	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	LỖ MU HA LÊ	MAST	04/04/2002	NAM	42	06	01	1	21.25	
2329	42003746	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	HOÀNG THỊ TRÀ	MI	21/12/2002	NỮ	42	05		1	21.75	
2330	42002169	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	LÊ TÔ KIM	MINH	24/01/2002	NAM	41	06		1	18.5	
2331	42002170	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN TRƯƠNG QUANG	MINH	10/04/2002	NAM	42	01		1	21.85	
2332	40006766	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	SÙNG THỊ	MINH	27/03/2002	NỮ	40	11	01	1	26.75	
2333	45000072	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	VŨ HỮU	MINH	17/07/2002	NAM	45	07		1	19	
2334	45001292	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	TAPUR	MƯƠNG	15/01/2002	NAM	45	06	01	1	25	

STT	Số báo danh	Mã ngành	Tên ngành	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã tỉnh	Mã huyện	Đối tượng	Khu vực	Điểm XT	Ghi chú
2335	42002175	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	HUỶNH VŨ NGỌC	MY	08/02/2002	NỮ	42	01		1	22.75	
2336	42008331	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	KA' LỆ	MY	25/11/2002	NỮ	42	04	01	1	21	
2337	42000323	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	LÊ THỊ UYÊN	MY	13/03/2002	NỮ	42	01		1	19	
2338	42005920	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGÔ THỊ QUỲNH	MY	21/06/2002	NỮ	42	03		1	21.75	
2339	55004182	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGÔ THỊ TIÊU	MY	25/01/2002	NỮ	55	04		3	26	
2340	42002179	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN HỒ THẢO	MY	05/04/2002	NỮ	42	01		1	23.5	
2341	37006029	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN HUYỀN	MY	03/11/2002	NỮ	37	10		2	25.5	
2342	42002718	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN NGỌC HUYỀN	MY	20/11/2002	NỮ	42	01		1	17.5	
2343	52004195	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN T. NGỌC HÀ	MY	04/01/2002	NỮ	52	02		2	21.75	
2344	42007519	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN THÚY HÀ	MY	22/01/2002	NỮ	42	10		1	21.25	
2345	52002911	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	ĐÀO THỊ NGỌC	MỸ	10/02/2001	NỮ	52	01		2	18	
2346	42004077	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	ĐỖ TRỌNG	NAM	30/07/2002	NAM	42	05		1	25.25	
2347	42002725	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	HOÀNG VĂN	NAM	16/11/2001	NAM	12	09		1	20.75	
2348	47004656	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	LÊ HÙNG	NAM	04/07/2002	NAM	47	02		2NT	17.5	
2349	39001129	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	LÊ NHẬT	NAM	09/07/2002	NAM	39	02		1	18.75	
2350	42002729	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN VĂN	NAM	27/07/2002	NAM	42	01		1	22	
2351	42003142	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	LỖ MU Y	NE	01/08/2002	NAM	42	06	01	1	23.83	
2352	42007046	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	LIÊNG JRANG K'	NÊRY	23/05/2002	NỮ	42	10	01	1	26	
2353	40017376	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	LÊ THỊ THÚY	NGA	17/08/2002	NỮ	40	01		1	20.5	
2354	42002732	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN THỊ	NGA	29/05/2001	NỮ	43	07		1	20.75	
2355	45000094	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	PHỤNG THỊ THÚY	NGA	12/07/2002	NỮ	45	07	01	1	21.5	
2356	30011852	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	THÁI THỊ QUỲNH	NGA	02/01/2002	NỮ	30	04		2NT	18	
2357	42004726	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	VY THỊ PHƯƠNG	NGA	16/01/2002	NỮ	42	03	01	1	26.25	
2358	42005536	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	HẦU PHƯƠNG	NGÂN	30/11/2002	NỮ	42	03	01	1	21	
2359	42005152	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	LÊ NGỌC THU	NGÂN	07/09/2002	NỮ	42	03		1	19.05	
2360	42004090	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	VŨ THỊ KIM	NGÂN	06/10/2002	NỮ	42	05		1	18.75	
2361	42002736	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN HỒ VĨNH	NGHI	09/09/2002	NAM	42	01		1	18	
2362	42002194	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	HỒ TRỌNG	NGHĨA	26/03/2002	NAM	42	01		1	23.5	
2363	42000355	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	LÊ THỊ BẢO	NGỌC	07/01/2002	NỮ	42	01		1	22	
2364	42001035	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN THỊ	NGỌC	03/09/2001	NỮ	42	01		1	23.25	
2365	42009029	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN THỊ BÍCH	NGỌC	09/12/2002	NỮ	42	04		1	21.8	
2366	45000114	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN THỊ KIM	NGỌC	21/03/2002	NỮ	45	04		1	18.4	
2367	38000086	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	SIU HỒNG	NGỌC	09/10/2002	NỮ	38	13	01	1	26.75	
2368	40002030	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	TRẦN BẢO	NGỌC	14/10/2002	NỮ	40	09		1	18.5	
2369	42007290	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	CHÂM	NGỐN	07/06/2002	NAM	42	10	01	1	18.75	
2370	39009432	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	ĐẶNG TRUNG	NGUYỄN	18/07/2002	NAM	39	01		2	22.25	
2371	42006490	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	ĐÀO ĐỨC	NGUYỄN	19/05/2002	NAM	42	10		1	19.5	
2372	39009434	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	LÊ BẢNG	NGUYỄN	12/11/2002	NỮ	39	01		2	22.7	
2373	42005552	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	LÊ HOÀNG KHÔI	NGUYỄN	12/08/2002	NAM	42	03		1	21.68	
2374	48014519	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN HOÀNG	NGUYỄN	15/08/2002	NAM	48	01		1	25.5	
2375	42002207	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN LÊ CAO	NGUYỄN	03/06/2002	NAM	42	01		1	21	
2376	63006141	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN THỊ HẠNH	NGUYỄN	06/06/2002	NỮ	63	08		1	19.85	
2377	41007259	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	PHAN TRUNG	NGUYỄN	07/09/2001	NỮ	41	05		2	19.25	
2378	42003576	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	TRƯƠNG CÔNG RỒ ỒNG TH	NGUYỄN	14/07/2002	NỮ	42	12	01	1	26.5	
2379	42001670	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	VÕ LÊ TRUNG	NGUYỄN	26/08/2002	NAM	42	01		1	20.5	
2380	42009470	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	KA	NGUYỄN	05/03/2002	NỮ	42	11	01	1	20.75	
2381	42005935	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	JỎ NÔNG SANG	NGUYỆN	13/01/2002	NỮ	42	03	01	1	22	
2382	42003238	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	MA THỊ	NGUYỆT	26/05/2002	NỮ	42	12	01	1	28.5	
2383	42002215	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN THỊ MINH	NGUYỆT	11/02/2002	NỮ	42	01		1	20.42	
2384	45002602	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	PHẠM THỊ	NGUYỆT	30/04/2002	NỮ	45	04		1	19.25	
2385	42005168	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	TRẦN THỊ ÁNH	NGUYỆT	27/04/2002	NỮ	42	03		1	19.25	
2386	39004041	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	THIỀU THANH	NHÃ	30/01/2002	NỮ	39	09		2NT	20.25	
2387	42002224	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	TỬ DUY	NHÂN	17/10/2002	NAM	42	01		1	18.75	
2388	42000383	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	LÊ LONG	NHẬT	24/08/2002	NAM	42	01		1	22.5	
2389	33000891	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	CHẾ THỊ HỒNG	NHI	26/01/2002	NỮ	33	02		2NT	25.25	
2390	42005938	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	ĐOÀN THỊ BẢO	NHI	14/01/2002	NỮ	42	03		1	19	
2391	48015279	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	HỒ NGỌC TUYẾT	NHI	27/01/2002	NỮ	48	01		2	21.3	
2392	42000391	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	LÊ TRẦN HOÀI	NHI	25/11/2002	NỮ	42	01		1	19.25	
2393	42009480	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	LƯU THỊ TUYẾT	NHI	08/02/2002	NỮ	42	11		1	20.5	
2394	45004769	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN HOÀNG YẾN	NHI	25/09/2002	NỮ	45	03		2NT	20.75	

STT	Số báo danh	Mã ngành	Tên ngành	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã tỉnh	Mã huyện	Đối tượng	Khu vực	Điểm XT	Ghi chú
2395	45003132	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN HỒNG	NHI	31/12/2002	NỮ	45	03		2NT	23	
2396	42002761	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN THỊ BẢO	NHI	25/08/2002	NỮ	42	01		1	21	
2397	32000894	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	NHI	02/11/2002	NỮ	32	03		2NT	24.25	
2398	32006113	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN THỊ TÚ	NHI	12/04/2002	NỮ	32	06		1	20.45	
2399	42002762	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN THỊ TÚ	NHI	15/09/2002	NỮ	42	01		1	20.75	
2400	45001857	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN TUYẾT	NHI	21/01/2002	NỮ	45	04		2	21.25	
2401	41001582	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	TRẦN THỊ BÍCH	NHI	16/09/2002	NỮ	41	06		2	25	
2402	42005940	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	TRẦN THỊ HOÀNG	NHI	06/02/2002	NỮ	42	03	01	1	26.75	
2403	41006587	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	TRẦN THỊ YẾN	NHI	08/06/2002	NỮ	41	01		1	20.25	
2404	42003773	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	TRƯƠNG QUỲNH UYÊN	NHI	11/09/2002	NỮ	42	05		1	20.7	
2405	42003143	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	SỐ AO HA Y	NHỒ	10/09/2002	NAM	42	06	01	1	22.45	
2406	42005177	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	K'	NHU	07/06/2002	NỮ	42	03	01	1	23.5	
2407	37003725	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	HỒ BẢO	NHƯ	12/01/2002	NỮ	37	11		2NT	23.3	
2408	42004134	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN PHƯƠNG QUỲNH	NHƯ	21/09/2002	NỮ	42	05		1	21.5	
2409	29028279	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN QUỲNH	NHƯ	04/04/2002	NỮ	29	16		2NT	23.5	
2410	42004437	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN VÔ QUỲNH	NHƯ	05/06/2002	NỮ	42	05		1	20	
2411	42005573	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	BÙI HỒNG	NHUNG	04/10/2002	NỮ	42	03		1	21.5	
2412	45003137	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	ĐẶNG THỊ NGỌC	NHUNG	24/08/2002	NỮ	45	03		2NT	21.25	
2413	42010913	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHUNG	19/03/2002	NỮ	42	02		1	18.25	
2414	40000873	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NÔNG THỊ	NHUNG	04/11/2002	NỮ	40	05	01	1	25.25	
2415	29029273	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	PHẠM HỒNG	NHUNG	13/04/2002	NỮ	29	11		2NT	23.75	
2416	47002878	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	PHẠM THỊ NGỌC	NHUNG	28/02/2002	NỮ	47	05		1	24	
2417	38013050	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	TRẦN THỊ	NHUNG	28/11/2002	NỮ	38	16		1	23	
2418	42001715	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	KON SA K	NOAN	23/03/2001	NỮ	42	06	01	1	20.42	
2419	42005947	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	CIL MÚP K'	NƯỞNG	06/07/2001	NỮ	42	03	01	1	20.25	
2420	42008584	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	BÙI THỊ	OANH	10/12/2002	NỮ	42	04	01	1	21.5	
2421	40000884	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	CAO THỊ KIM	OANH	26/10/2002	NỮ	40	05		1	18.67	
2422	42004769	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	CHU NGỌC	OANH	22/12/2002	NỮ	42	03	01	1	22	
2423	30001684	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	PHAN THỊ	OANH	20/02/2001	NỮ	30	10		1	21.5	
2424	42007297	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	PHÙNG TIẾN	PHÁT	19/08/2002	NAM	42	10		1	22.75	
2425	42005591	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	ĐẶNG THỂ	PHONG	21/07/2002	NAM	42	03		1	24.5	
2426	42002776	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN DUY	PHONG	27/09/2002	NAM	42	01		1	17.5	
2427	42001099	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN TẤN	PHONG	21/02/2002	NAM	42	01		1	20.7	
2428	42002780	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	TRƯƠNG THỂ	PHONG	22/08/2002	NAM	42	01		1	21.5	
2429	02039071	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	VÔ DUY	PHONG	27/04/2002	NAM	02	12		3	22	
2430	42002781	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	VÔ THANH	PHONG	04/08/2002	NAM	42	01		1	22.45	
2431	45005304	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN THANH	PHÚ	14/03/2002	NAM	45	01		2	19	
2432	42002257	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	TRẦN THIÊN	PHÚ	30/12/2002	NAM	42	05		1	22.5	
2433	42002783	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	VŨ HOÀNG	PHÚ	29/10/2002	NAM	42	01		1	20.35	
2434	42001102	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	VY VẤN	PHÚ	10/08/2002	NAM	42	03	01	1	20	
2435	02041662	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	ĐẶNG HOÀNG	PHÚC	06/11/2002	NAM	42	03		1	18.8	
2436	42007300	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN MINH	PHỤNG	13/11/2002	NAM	42	10		1	25.25	
2437	42008596	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN NGỌC	PHƯỚC	28/05/2002	NAM	42	04		1	23.75	
2438	42002262	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	BẠCH HOÀNG NGỌC	PHƯƠNG	03/01/2002	NỮ	42	01		1	21.55	
2439	40012104	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	ĐỖ THỊ	PHƯƠNG	17/07/2001	NỮ	40	07		1	21.5	
2440	39002419	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	LÊ KIỀU	PHƯƠNG	09/09/2002	NỮ	39	06		1	22.5	
2441	42002791	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	LƯU THỊ DUY	PHƯƠNG	08/02/2002	NỮ	42	01		1	20.45	
2442	42003242	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	MAI THỊ	PHƯƠNG	11/04/2001	NỮ	42	12		1	17.5	
2443	42002793	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN THANH	PHƯƠNG	29/11/2002	NAM	42	01		1	21.5	
2444	48017644	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN THỊ MAI	PHƯƠNG	15/03/2002	NỮ	48	10		2NT	22.75	
2445	39007206	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN THỊ THU	PHƯƠNG	09/03/2002	NỮ	39	01		2	20.5	
2446	40010120	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	PHẠM THỊ THU	PHƯƠNG	07/07/2002	NỮ	40	14		1	19.25	
2447	42004787	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	THỊ XUÂN	PHƯƠNG	30/03/2002	NỮ	42	03	01	1	23.25	
2448	60000317	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	TRẦN NGỌC NAM	PHƯƠNG	13/11/2002	NỮ	60	01		2	24.75	
2449	45001381	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	CHAMALÉA THỊ	PHƯƠNG	23/07/2002	NỮ	45	06	01	1	27.5	
2450	42013072	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	KA	PHƯƠNG	08/09/2002	NỮ	42	11	01	1	24.25	
2451	39009708	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	TRIỆU THỊ	PHƯƠNG	10/06/2002	NỮ	39	06	01	1	25.25	
2452	42003144	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	KLONG HA YA	PI	01/12/2002	NAM	42	06	01	1	23.75	
2453	42009066	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	LANG JANG KAR	PUAN	19/09/2001	NAM	42	04	01	1	19.25	
2454	42002270	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	PHẠM NGỌC	QUAN	25/09/2002	NAM	34	04		1	22	

STT	Số báo danh	Mã ngành	Tên ngành	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã tỉnh	Mã huyện	Đổi trường	Khu vực	Điểm XT	Ghi chú
2455	45005348	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	HỒ NGUYỄN TRUNG	QUẬN	26/03/2002	NAM	45	04		2	25	
2456	37007506	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	HUỶNH MINH	QUẬN	28/09/2002	NAM	37	10		2	19	
2457	42005197	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN ĐỨC	QUẬN	30/09/2002	NAM	42	03		1	18.25	
2458	42002807	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	PHẠM NHẬT	QUẬN	26/07/2002	NAM	42	01		1	23.25	
2459	42009527	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	TẠ MINH	QUẬN	15/09/2002	NAM	42	11		1	23.75	
2460	42012823	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	TRẦN HOÀNG MẠNH	QUẬN	29/05/2002	NAM	42	08		1	20.75	
2461	42002795	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	ĐẶNG DUY	QUANG	07/03/2001	NAM	42	01		1	17.5	
2462	29029314	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	ĐẶNG HỒNG	QUANG	17/03/2002	NAM	29	11		2NT	20.75	
2463	42001121	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN DANH HUY	QUANG	21/04/2002	NAM	42	01		1	23.25	
2464	42000453	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN MINH	QUANG	28/10/2002	NAM	42	01		1	20	
2465	51002237	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	VÕ THỊ HOA	QUANG	26/07/2002	NỮ	51	01		2	23.75	
2466	42002799	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN ĐÌNH CAO	QUẢNG	29/11/2002	NAM	42	01		1	20.75	
2467	42001753	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	THẠCH	QUI	09/09/2000	NAM	42	03	01	1	24.25	
2468	42003591	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	TRẦN BẢO	QUỐC	27/04/2002	NAM	42	12		1	21.17	
2469	42002811	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN MAI ANH	QUỠ	07/09/2001	NAM	42	01		1	19.25	
2470	02039165	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	DƯƠNG MINH TRINH	QUYÊN	13/08/2002	NỮ	02	22		3	19.85	
2471	40000920	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	QUYÊN	15/10/2002	NỮ	40	05		1	18.75	
2472	42009532	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	PHẠM NGỌC DIỄM	QUYÊN	04/07/2002	NỮ	42	11		1	20.7	
2473	42002287	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	PHẠM NGUYỄN ANH	QUYÊN	21/12/2002	NỮ	42	01		1	23.25	
2474	42003247	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	PHẠM THỊ MỸ	QUYÊN	13/03/2002	NỮ	42	12		1	20.5	
2475	03015537	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	ĐỖ VĂN	QUYẾT	08/04/2002	NAM	03	09		2	21.75	
2476	42006847	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	BÙI THỊ NHƯ	QUỠNH	22/06/2002	NỮ	42	10		1	19	
2477	42002817	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	MAI NHƯ	QUỠNH	26/05/2002	NỮ	42	01		1	19	
2478	41006662	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN TRẦN DIỄM	QUỠNH	28/04/2002	NỮ	41	01		1	22	
2479	45003517	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	PHẠM LÊ NHƯ	QUỠNH	10/10/2002	NỮ	45	06		1	22	
2480	29023778	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	PHẠM THỊ HẢI	QUỠNH	13/01/2002	NỮ	29	01		2	20.85	
2481	44004413	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	PHÍ NHƯ	QUỠNH	10/09/2002	NỮ	44	10		2	21.5	
2482	47006137	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	VÕ PHẠM NHƯ	QUỠNH	15/07/2002	NỮ	47	05		2	22.75	
2483	42005205	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	VŨ NHƯ	QUỠNH	10/09/2002	NỮ	42	03		1	19.25	
2484	42003096	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	CIL PHI CRIEU K'	RÊN	21/04/2002	NỮ	42	06	01	1	22.25	
2485	42011513	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	CAO THANH	SANG	27/01/2001	NAM	42	02		1	20.75	
2486	42009897	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	KA	SĂNG	04/06/2002	NỮ	42	11	01	1	20.5	
2487	42003252	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	THẢO THỊ	SÁNH	15/03/2001	NỮ	42	12	01	1	26	
2488	45002667	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	TỬ CÔNG	SAPHI	09/07/2002	NAM	45	07	01	1	25.75	
2489	42013084	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	KA	SÊL	04/01/2002	NỮ	42	11	01	1	24	
2490	42003015	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	DÔNG GUR ĐU -	SIN	07/02/2002	NỮ	42	06	01	1	22.25	
2491	42003069	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	SỐ AO K' MI	SÔN	18/06/2002	NỮ	42	06	01	1	20	
2492	42002824	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	HOÀNG HỒNG	SƠN	14/01/2002	NAM	42	01		1	19.25	
2493	36004066	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	LÊ VĂN	SƠN	10/05/2002	NAM	36	05	01	1	17.5	
2494	41007284	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN LỘC HOÀNG	SƠN	24/01/2002	NAM	41	01		2	17.75	
2495	45000226	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN VĂN	SƠN	19/04/2002	NAM	45	04		1	18	
2496	39009131	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	DƯƠNG THỊ TUYẾT	SƯÔNG	23/03/2002	NỮ	39	01		2	20.25	
2497	42002832	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	ĐẶNG QUỐC	TÀI	06/11/2002	NAM	42	01		1	21.5	
2498	42002833	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	ĐỖ NGUYỄN MINH	TÀI	14/05/2002	NAM	42	01		1	18.75	
2499	30008584	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN HỮU	TÀI	02/05/2002	NAM	30	06		2NT	20.25	
2500	42002835	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	CAO THỊ THANH	TÂM	25/07/2002	NỮ	42	01		1	22.25	
2501	42005646	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	ĐẶNG VĂN	TÂM	18/10/2002	NAM	42	03		1	20.25	
2502	42002316	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	HOÀNG MINH	TÂM	02/05/2002	NỮ	42	12		1	22.25	
2503	42009563	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	PHẠM THANH	TÂM	07/01/2002	NỮ	42	02		1	21.1	
2504	42005986	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	PHAN THỊ MỸ	TÂM	28/02/2002	NỮ	42	03		1	27	
2505	42002320	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	PHAN THỊ THANH	TÂM	11/09/2002	NỮ	42	01		1	18.25	
2506	42003255	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	TRẦN NGUYỄN ĐỨC	TÂM	27/10/2002	NAM	42	12		1	23.5	
2507	63002631	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	TRẦN THỊ	TÂM	09/10/2002	NỮ	63	05		1	17.5	
2508	42012277	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	VÕ THÀNH	TÂM	30/08/2002	NAM	42	02		1	18.75	
2509	55001757	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	LƯƠNG NHẬT	TÂN	20/07/2002	NAM	55	08		3	22.75	
2510	45004836	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN VIỆT	TÂN	13/07/2002	NAM	45	03		2NT	21.5	
2511	37004884	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	VÕ NGỌC	TÂN	10/01/2002	NAM	37	11		1	24.25	
2512	42005987	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	TỔ THỊ ANH	THA	04/02/2002	NỮ	42	03		1	21.25	
2513	42005992	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	KLONG K'	THẨM	06/05/2002	NỮ	42	03	01	1	22	
2514	39004302	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGÔ THỊ	THẨM	05/05/2002	NỮ	39	09		2NT	21.6	

STT	Số báo danh	Mã ngành	Tên ngành	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã tỉnh	Mã huyện	Đối tượng	Khu vực	Điểm XT	Ghi chú
2515	39006571	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN THỊ HỒNG	THÂM	06/12/2002	NỮ	39	08		2NT	20.75	
2516	42001806	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	KÁ	THÂM	09/07/2002	NỮ	42	04	01	1	25.75	
2517	42003266	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	VŨ THỊ	THÂM	14/01/2002	NỮ	42	12		1	23.75	
2518	42003822	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN QUỐC	THẮNG	24/11/2001	NAM	42	05		1	20.5	
2519	41006695	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN QUỐC	THẮNG	28/01/2002	NAM	41	01		1	21.25	
2520	41006682	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN THỊ	THANH	02/12/2002	NỮ	41	01		1	20.75	
2521	42009573	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	CHU THỊ NGỌC	THÀNH	02/11/2002	NỮ	42	11		1	22	
2522	42006867	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	HOÀNG VĂN	THÀNH	03/03/2002	NAM	42	10		1	20.25	
2523	30012554	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	LÊ THỊ	THÀNH	12/08/2002	NỮ	30	04		2NT	24.25	
2524	42005653	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	LÝ CHÍ	THÀNH	10/05/2002	NAM	42	03	01	1	24.25	
2525	41012966	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN TRƯỜNG	THÀNH	25/05/2002	NAM	41	02		2NT	25.75	
2526	42002855	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN TUẤN	THÀNH	29/09/2002	NAM	42	01		1	21	
2527	42005223	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	PHAN NGỌC	THÀNH	14/09/2002	NAM	42	03		1	21.5	
2528	45005457	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	MAI THỊ	THAO	22/06/2002	NỮ	45	01		2	21.5	
2529	29026606	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN PHƯƠNG	THAO	23/03/2002	NỮ	29	01		2	20.75	
2530	42004841	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THAO	16/04/2002	NỮ	42	03		1	19.25	
2531	47009958	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN THỊ THANH	THAO	16/05/2002	NỮ	52	08		2	22.75	
2532	42001173	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN THỊ THU	THAO	30/01/2002	NỮ	42	01		1	17.5	
2533	55001255	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	THÁI THỊ	THAO	09/09/2002	NỮ	55	08		3	19.5	
2534	45000262	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	TRƯƠNG THỊ THANH	THAO	01/04/2002	NỮ	45	04		1	22.5	
2535	39000782	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	LÊ THỊ LÊ	THI	06/12/2002	NỮ	39	03		2	19	
2536	02064081	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	VŨ ANH	THI	10/10/2002	NỮ	42	01		1	24	
2537	42005998	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	KA SÁ K'	THIA	24/04/2002	NỮ	42	03	01	1	20	
2538	42009106	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	KA	THÍCH	11/03/2002	NỮ	42	04	01	1	24.65	
2539	42013104	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	ĐIỀU THỊ	THÌN	20/09/2002	NỮ	42	09	01	1	24.25	
2540	42005238	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	LÊ KIM	THỊNH	02/04/2002	NỮ	02	24		1	19.45	
2541	57001824	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN HUNG	THỊNH	23/02/2002	NAM	57	02		2	21.25	
2542	42006881	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN TIẾN	THỊNH	23/10/2002	NAM	42	10		1	25	
2543	10000958	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN VŨ	THỊNH	11/09/2002	NAM	10	01		1	22.25	
2544	45005520	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN THỊ MINH	THƠ	06/10/2002	NỮ	45	01		2	18.5	
2545	42004478	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	PHAN THỊ	THƠ	05/05/2002	NỮ	42	05		1	23	
2546	42002871	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	TRƯƠNG QUANG	THỌ	24/06/2002	NAM	42	01		1	20	
2547	42002356	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	HỒ THỊ QUỲNH	THOÀ	02/04/2002	NỮ	42	01		1	19.75	
2548	41006713	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN THỦY THANH	THOÀ	09/06/2002	NỮ	41	01		1	20	
2549	42008420	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	KA	THÒE	16/01/2002	NỮ	42	04	01	1	21	
2550	42009118	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	KA	THỜM	22/06/2002	NỮ	42	04	01	1	23.25	
2551	45002715	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	HÀ CUNG	THÔNG	06/06/2002	NAM	45	04		1	17.55	
2552	38004738	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	HỒ THỊ MAI	THU	03/01/2002	NỮ	38	12		1	25.5	
2553	47002960	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	PHẠM THỊ NGỌC	THU	15/03/2002	NỮ	47	05		1	19.75	
2554	45000294	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	QUẢNG THỊ LỆ	THU	03/05/2002	NỮ	45	04	01	1	19.75	
2555	42000558	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	HOÀNG ANH	THƯ	25/04/2002	NỮ	42	01		1	24.75	
2556	41006739	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	K'	THƯ	05/01/2002	NỮ	42	10	01	1	18.25	
2557	48022348	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN LÊ DUY	THƯ	23/07/2002	NỮ	48	01		2	20.25	
2558	45004429	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN THỊ MINH	THƯ	12/09/2002	NỮ	45	02		1	19	
2559	42011569	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN VŨ LINH	THƯ	01/11/2002	NỮ	42	02		1	20.75	
2560	42011018	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	PHẠM NGỌC ANH	THƯ	26/08/2002	NỮ	42	02		1	21.65	
2561	38006969	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	THIỀU THỊ MINH	THƯ	18/11/2002	NỮ	38	04		1	19	
2562	55004294	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	TRẦN LÊ ANH	THƯ	23/08/2002	NỮ	55	04		3	22	
2563	48022599	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	VŨ THỊ MINH	THƯ	27/05/2002	NỮ	48	08		2NT	22	
2564	42011558	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	TRẦN MỸ	THUẬN	27/07/2002	NAM	42	02		1	18.5	
2565	42001194	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN NHỮ	THUẬT	28/02/2001	NAM	29	18		1	17.75	
2566	42004865	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN THỊ HOÀI	THƯƠNG	07/08/2002	NỮ	42	03		1	19.95	
2567	42005249	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	TRỊNH THỊ MỸ	THƯƠNG	07/08/2002	NỮ	42	03		1	22.75	
2568	42000572	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	VŨ THỊ HOÀI	THƯƠNG	23/07/2002	NỮ	42	01		1	22.5	
2569	39009268	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	BAN THỊ	THÚY	19/04/2002	NỮ	39	06	01	1	23.5	
2570	42004480	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	BON KHỎ NAI	THÚY	26/10/2002	NỮ	42	05	01	1	21.5	
2571	29029508	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN THỊ	THÚY	27/01/2002	NỮ	29	11		2NT	19.75	
2572	40003434	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	TRƯƠNG THỊ DIỄM	THÚY	20/08/2002	NỮ	40	02		1	18	
2573	42005690	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	VŨ THỊ THANH	THÚY	27/04/2002	NỮ	42	03		1	21	
2574	42003270	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	TRƯƠNG THỊ DIỄM	THUY	12/05/2002	NỮ	42	12		1	22.5	

STT	Số báo danh	Mã ngành	Tên ngành	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã tỉnh	Mã huyện	Đối tượng	Khu vực	Điểm XT	Ghi chú
2575	47009980	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	VÕ THỊ MINH	THÙY	20/09/2002	NỮ	47	01		2	17.6	
2576	39009260	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	LA O THỊ	THÙY	28/04/2001	NỮ	39	02	01	1	22.25	
2577	63005963	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	K'	THUYẾT	01/01/2002	NAM	63	07	01	1	24	
2578	42005693	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	K'	THUYNH	16/01/2002	NAM	42	03	01	1	23.5	
2579	42001836	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	RỒ ÔNG K'	THY	11/07/2002	NỮ	42	01	01	1	21.25	
2580	42001216	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN TRẦN VỸ	TIỀN	30/11/2002	NỮ	42	01		1	20.25	
2581	42001840	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	TOU PRONG THÙY	TIỀN	25/04/2002	NỮ	42	05	01	1	22.5	
2582	42002373	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	TRẦN THÙY	TIỀN	14/03/2002	NỮ	01	13		1	21.75	
2583	42001218	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	VŨ PHẠM THÙY	TIỀN	23/09/2002	NỮ	42	01		1	23.75	
2584	50002717	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	VÕ VĂN	TIỀN	10/12/2002	NAM	50	03		2NT	22.1	
2585	42008446	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	K'	TÍN	19/01/2002	NAM	42	04	01	1	17.75	
2586	42009939	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	PHAM	TÍN	11/07/2002	NAM	42	11		1	22	
2587	42005256	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	BON DONG RỒ	TỐ	24/02/2002	NỮ	42	03	01	1	25	
2588	63004868	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	HOÀNG BẢO	TOÀN	15/07/2002	NAM	63	04		1	20.5	
2589	42006898	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGÔ VĂN	TOÀN	04/02/2002	NAM	42	10		1	23.5	
2590	42002884	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	LÊ VĂN	TỐI	15/07/2002	NAM	42	01		1	21.25	
2591	42003851	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	BÙI THANH	TRÁC	05/04/2002	NAM	42	05		1	23.75	
2592	42002392	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	BÙI THỊ THÙY	TRÂM	13/03/2002	NỮ	42	01		1	18.75	
2593	42002394	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	HUỶNH ĐẶNG BẢO	TRÂM	02/03/2002	NỮ	42	01		1	21.5	
2594	42006033	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	HUỶNH NGỌC HUYỀN	TRÂM	26/03/2002	NỮ	42	03		1	21.25	
2595	42009633	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	KA	TRÂM	10/06/2002	NỮ	42	11	01	1	26	
2596	42003853	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	LƯƠNG THỊ THẢO	TRÂM	10/10/2002	NỮ	42	05		1	21.45	
2597	42000627	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN PHƯƠNG KIỀU	TRÂM	29/04/2002	NỮ	42	01		1	18.8	
2598	61005178	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	PHẠM HUYỀN	TRÂM	04/02/2002	NỮ	61	03		1	18.75	
2599	47004911	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	LÊ NỮ HUYỀN	TRẦN	12/08/2002	NỮ	47	02		2NT	23.5	
2600	57009885	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN NGỌC BẢO	TRẦN	08/12/2002	NỮ	57	06		2NT	21.5	
2601	61002418	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	VÕ HUYỀN	TRẦN	22/03/2002	NỮ	60	02		1	24.5	
2602	36004109	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	ĐÌNH THỊ	TRANG	07/06/2002	NỮ	36	05	01	1	26.5	
2603	40012333	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	LÊ THỊ	TRANG	18/02/2002	NỮ	40	07		1	25	
2604	29026723	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGÔ THỊ	TRANG	31/01/2002	NỮ	29	01		2	18.15	
2605	59001155	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN KHÁNH HUY	TRANG	13/08/2002	NỮ	59	01		1	19.25	
2606	42007130	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN KIM	TRANG	27/07/2002	NỮ	42	10		1	20.9	
2607	46003757	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN NGỌC ĐÀI	TRANG	01/01/2002	NỮ	46	04		2NT	21.5	
2608	42003129	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN THỊ	TRANG	13/01/2002	NỮ	42	06		1	20.5	
2609	42006906	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN THỊ	TRANG	22/03/2002	NỮ	42	10		1	23.5	
2610	42002890	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN THỊ HỒNG	TRANG	08/04/2002	NỮ	28	01		1	23.25	
2611	42002892	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN THỊ NGỌC	TRANG	21/11/2002	NỮ	42	01		1	21.25	
2612	42002893	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN THỊ THU	TRANG	28/11/2002	NỮ	42	01		1	19.55	
2613	63002725	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	PHẠM HUYỀN	TRANG	20/10/2002	NỮ	63	05		1	21.75	
2614	42009955	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	PHẠM THỊ HUYỀN	TRANG	22/11/2002	NỮ	42	11		1	21.25	
2615	42003848	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	PHẠM THỊ THU	TRANG	02/02/2002	NỮ	42	05		1	23	
2616	42002390	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	PHAN NGUYỄN THÙY	TRANG	16/11/2002	NỮ	42	01		1	19	
2617	42001229	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	PHAN NGUYỄN THÙY	TRANG	17/01/2002	NỮ	42	01		1	22.85	
2618	32003905	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	PHAN THỊ HUYỀN	TRANG	19/03/2002	NỮ	32	05		1	18.5	
2619	45000353	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	PHŨ THỊ HOÀI	TRANG	04/05/2002	NỮ	45	04	01	1	19	
2620	39010040	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	SỎ THỊ	TRANG	18/07/2002	NỮ	39	05	01	1	21.25	
2621	30010303	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	TRẦN THỊ HUYỀN	TRANG	10/04/2002	NỮ	30	02		2	22.75	
2622	45000369	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	ĐÀM LÊ NGỌC	TRÍ	21/02/2002	NỮ	45	01		1	21.5	
2623	42000643	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	HỒ VĂN	TRÍ	02/05/2002	NAM	42	01		1	18.25	
2624	42002405	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN BÁ	TRÍ	14/12/2002	NAM	42	01		1	24.75	
2625	02018448	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN QUÝ	TRÍ	09/11/2001	NAM	02	05		3	19.25	
2626	48024447	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	TỬ HỮU	TRÍ	06/04/2001	NAM	48	03		1	20.25	
2627	41007331	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN PHƯƠNG	TRIỆT	15/11/1997	NAM	41	01		2	19.25	
2628	42002904	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN HỮU HẢI	TRIỆU	12/03/2002	NAM	42	01		1	21.25	
2629	42009963	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	KA	TRINH	15/07/2002	NỮ	42	11	01	1	19	
2630	42003856	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	LÊ THỊ KIỀU	TRINH	24/09/2002	NỮ	42	05		1	21.5	
2631	42002906	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN THỊ MỘNG	TRINH	17/05/2002	NỮ	42	01		1	20	
2632	48024637	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN THỊ NGỌC	TRINH	24/01/2002	NỮ	48	01		1	18.25	
2633	02016025	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	PHẠM NGỌC PHƯƠNG	TRINH	06/11/2002	NỮ	31	07		3	20.25	
2634	42002907	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	PHAN THỊ NGỌC	TRINH	23/08/2002	NỮ	42	01		1	18.75	

STT	Số báo danh	Mã ngành	Tên ngành	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã tỉnh	Mã huyện	Đối tượng	Khu vực	Điểm XT	Ghi chú
2635	42002411	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	TÀO NGỌC	TRINH	21/06/2002	NỮ	42	01		1	21	
2636	42002908	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN CÔNG	TRÌNH	03/07/2002	NAM	42	01		1	19.87	
2637	42009158	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	KA	TRÔM	08/03/2002	NỮ	42	04	01	1	24.25	
2638	36001749	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN MINH	TRONG	21/01/2002	NAM	36	01		1	19.6	
2639	42002412	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN TRẦN BẢO	TRONG	13/08/2002	NAM	42	01		1	23.25	
2640	42005734	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	TRẦN ĐỨC	TRONG	23/02/2002	NAM	42	03		1	19.25	
2641	42009650	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN THỊ THANH	TRÚC	04/12/2002	NỮ	42	11		1	20.5	
2642	42004253	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN THỊ THANH	TRÚC	05/09/2002	NỮ	42	05		1	24.5	
2643	40002699	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN THỊ THANH	TRÚC	15/10/2002	NỮ	40	02		1	18.55	
2644	42001253	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	BÙI MINH	TRUNG	03/02/2002	NAM	42	01		1	23.05	
2645	42000670	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	HỖ CÓN	TRUNG	18/02/2002	NAM	42	01	01	1	19.75	
2646	42009967	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	LÂM QUỐC	TRUNG	27/06/2002	NAM	42	11	01	1	24	
2647	42006644	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	LÊ THÀNH	TRUNG	21/04/2002	NAM	42	10		1	21.5	
2648	42003860	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN HOÀNG	TRUNG	21/09/2002	NAM	42	05		1	19.3	
2649	42009971	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN QUỐC	TRUNG	06/08/2002	NAM	42	11		1	20	
2650	37007584	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN VĂN	TRƯỜNG	13/10/2002	NAM	37	10		2	25.25	
2651	42004495	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	ĐỖ HOÀNG PHI	TRƯỜNG	08/06/2002	NAM	42	05		1	23.25	
2652	42009658	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	TRẦN PHI	TRƯỜNG	29/05/2002	NAM	42	11		1	22.75	
2653	42004259	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	ĐỖ THANH TUẤN	TÚ	17/08/2002	NAM	45	02		2NT	19.75	
2654	42002425	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN THỊ CẨM	TÚ	12/07/2002	NỮ	12	06		1	23.75	
2655	31002777	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	TRẦN THỊ THANH	TÚ	27/08/2002	NỮ	31	08		1	24.5	
2656	03015221	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	ĐINH KHÁC HOÀNG	TUẤN	14/02/2002	NAM	03	09		2	24	
2657	42004501	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	BÙI VĂN	TUẤN	24/10/2002	NAM	25	08		1	19.25	
2658	42007362	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	KRÁ JÂN LĂNG MINH	TUẤN	17/06/2002	NAM	42	10	01	1	22.5	
2659	42009671	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	HỒ K'	TUYỀN	10/11/2002	NAM	42	11	01	1	26.25	
2660	42005287	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	K'	TUYỀN	06/12/2002	NỮ	42	03	01	1	24.75	
2661	42009677	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	KA	TUYẾT	02/07/2002	NỮ	42	11	01	1	21.5	
2662	42007652	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN THỊ THANH	TUYẾT	15/04/2002	NỮ	42	10		1	21.5	
2663	42010567	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	TRẦN MINH	TUYẾT	31/07/2002	NỮ	42	02		1	21.95	
2664	42001904	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	K' SANG	ỨC	12/02/2002	NAM	42	03	01	1	28.75	
2665	41009158	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN PHẠM THỤC	UYÊN	19/09/2002	NỮ	41	01		2	17.75	
2666	42000704	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	TÔN NỮ THU	UYÊN	12/11/2002	NỮ	42	01		1	18.25	
2667	42004509	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	BƠ NÁH RIA	VĂN	07/10/2002	NỮ	42	05	01	1	18.75	
2668	42006067	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	CHU THỊ THU	VĂN	16/11/2002	NỮ	42	03	01	1	25.5	
2669	42002457	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	LÊ THỊ BÍCH	VĂN	08/10/2002	NỮ	33	04		1	23.75	
2670	47010715	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN THỊ TƯỜNG	VĂN	03/07/2001	NỮ	47	01		2	22.75	
2671	42011657	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	TRẦN BÍCH	VĂN	30/04/2002	NỮ	42	02		1	18.25	
2672	03015251	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	PHẠM NGỌC BẢO	VĂN	07/06/2002	NAM	03	09		2	21.75	
2673	42001920	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	CHA LIÊNG MÃ	VI	26/04/2002	NỮ	42	05	01	1	26	
2674	30010728	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN THỊ HÀ	VI	28/08/2002	NỮ	30	05		2NT	20.75	
2675	41009687	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN TRIỆU	VI	24/09/2002	NỮ	41	03		2	20.25	
2676	42011663	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN QUỐC	VIỆT	19/05/2002	NAM	42	02		1	20.25	
2677	42005771	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	PHAN HOÀNG	VIỆT	18/07/2002	NAM	42	03		1	19	
2678	30005520	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	TRẦN VĂN BẢO	VIỆT	17/08/2002	NAM	30	12		2	21.75	
2679	42005772	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	HOÀNG ĐỨC	VINH	27/04/2002	NAM	42	03	01	1	24.25	
2680	42002951	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	LÂM HOÀNG	VINH	24/10/2001	NAM	42	01		1	22	
2681	42005778	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	BÊ HOÀNG ANH	VŨ	10/12/2001	NAM	42	03	01	1	21.25	
2682	42004518	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	LÊ KIM HOÀNG	VŨ	03/09/2002	NAM	42	05		1	19.65	
2683	40009873	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	PHẠM ANH	VŨ	07/12/2002	NAM	40	14		1	19.25	
2684	42008478	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	PHẠM NGỌC	VŨ	22/10/2001	NAM	42	04		1	21	
2685	35009362	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN CAO BÁ	VƯƠNG	30/04/2002	NAM	35	06		1	20.25	
2686	42005301	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	ĐỖ KIM TƯỜNG	VY	11/02/2002	NỮ	42	03		1	17.75	
2687	42000729	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	ĐOÀN THỊ NGỌC	VY	11/04/2002	NỮ	42	01		1	20.75	
2688	42002963	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	HỨA THỊ THẢO	VY	15/06/2002	NỮ	42	01		1	19.7	
2689	42003118	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	LIÊNG JRANG THẢO	VY	20/05/2002	NỮ	42	06	01	1	25	
2690	45002065	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN HUỶNH TRÚC	VY	08/07/2002	NỮ	45	04		2	22.75	
2691	42006679	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN LÊ THẢO	VY	08/08/2001	NỮ	42	10		1	18.25	
2692	42002969	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	VY	29/03/2002	NỮ	42	01		1	18.75	
2693	45003923	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN THỊ THÚY	VY	06/09/2001	NỮ	45	04		1	22.5	
2694	42002487	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	TRẦN HOÀNG THẢO	VY	14/12/2002	NỮ	42	01		1	19.25	

STT	Số báo danh	Mã ngành	Tên ngành	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã tỉnh	Mã huyện	Đội tuyển	Khu vực	Điểm XT	Ghi chú
2695	26001641	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	HOÀNG THỊ	XUÂN	11/09/2002	NỮ	26	01		2	19	
2696	42009708	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	PHÙNG TÀI ĐỨC NGỰ	Y	02/02/2002	NAM	42	11		1	26.25	
2697	55004356	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	BÙI THỊ NHƯ	Ý	12/03/2002	NỮ	55	04		3	22.25	
2698	45003936	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NÀO THỊ NHƯ	Ý	02/09/2000	NỮ	45	04	01	1	26	
2699	42002491	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	TRẦN THỊ NHƯ	Ý	14/03/2001	NỮ	37	11		1	17.75	
2700	42004310	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	HANG RÔ	YEN	14/04/2002	NỮ	42	05	01	1	23.25	
2701	45003576	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN THỊ KIM	YÊN	21/02/2002	NỮ	45	06		1	19.5	
2702	42005305	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	HUỶNH THỊ HOÀNG	YÊN	06/01/2002	NỮ	42	03		1	22	
2703	42001947	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	JÓ NGÓ NAI	YÊN	03/11/2002	NỮ	42	05	01	1	22	
2704	29029674	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	NGUYỄN THỊ NGỌC	YÊN	25/10/2002	NỮ	29	11		2NT	22.5	
2705	39006357	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	PHẠM THỊ THANH	YÊN	17/02/2002	NỮ	39	08		1	25	
2706	40009907	7810103	QT DV du lịch và lữ hành	VŨ PHẠM HOÀNG	YÊN	02/10/2002	NỮ	40	14		1	20.5	

Lâm Đồng, ngày 05 tháng 10 năm 2020

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

NGUYỄN VĂN KẾT